

Phần mở đầu

1. Lý do chọn đề tài

Trong xu thế hiện nay, đời sống vật chất của con người ngày một nâng lên, con người muốn sử dụng số tiền mình làm ra để làm phong phú hơn đời sống tinh thần. Bởi vậy du lịch trở thành một nhu cầu thiết yếu. Nó mang lại cho con người những giờ phút nghỉ ngơi thoải mái sau những giờ làm việc căng thẳng. Từ đó du lịch trở thành một ngành kinh tế vô cùng quan trọng. Cùng với sự phát triển đó thì đối tượng du lịch văn hoá ngày càng được du khách quan tâm. Là loại hình du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu thẩm nhận văn hoá của con người. Trong đó di sản văn hoá được coi là “nền móng” và văn hoá như là nền tảng, động lực của sự phát triển du lịch nói chung.

Vì vậy việc bảo tồn tôn tạo và phát huy những giá trị của di sản văn hoá là công việc hết sức quan trọng. Nó là nhân tố hàng đầu cho sự phát triển bền vững. Nó góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Di tích lịch sử văn hóa là bức thông điệp chứa đựng cả giá trị vật thể và phi vật thể mà cha ông ta để lại cho chúng ta.

Di tích lịch sử văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hoá và khoa học. Trong đó Văn miếu là di tích lịch sử văn hoá đặc biệt: Văn Miếu được xây dựng ra là nơi thờ Khổng Tử, các ông tổ của Đạo Nho và cả những bậc thầy trong nền giáo dục Việt Nam. Khác với Chùa là nơi tôn thờ Đạo Phật thì Văn miếu là nơi tôn thờ Đạo Nho.

Hải Dương nay nguyên là đất của bộ Dương Tuyền thời Hùng Vương, địa danh, địa giới đã bao lần thay đổi từ Hồng Lộ, Nam Sách lộ, rồi Thừa Tuyên, xứ, trấn rồi đến tỉnh. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử Hải Dương vẫn giữ được vị thế của mình là “trấn thứ nhất trong bốn kinh trấn, đứng đầu phen dậu phía Đông” của kinh đô Thăng Long.

Nằm cách Thành phố Hải Dương 16km về phía tây, Văn miếu Mao Điền thuộc huyện Cẩm Giàng là di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của mảnh đất xứ

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

Đông này. Là nơi thờ Khổng Tử và tôn vinh các bậc Đại khoa Nho học tiêu biểu cho truyền thống văn hiến tỉnh Đông.

Văn miếu Mao Điền có 3 gian chính tâm và 5 gian bái đường ban đầu ở xã Vĩnh Lại huyện Đường An (nay thuộc xã Vĩnh Tuy –Bình Giang) đến thời vua Quang Trung và hợp nhất với trường học ,trường thi ở đây tạo thành một trung tâm văn hoá lớn.

Đây thực sự là tài sản vô cùng quý giá của mảnh đất này mà còn của cả dân tộc Việt Nam còn lưu giữ đến ngày nay.

Là người con của Hải Dương ,tôi muốn góp phần nhỏ bé của mình vào việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống của tỉnh nhà .Chính vì điều đó nó đã thôi thúc tôi chọn đề tài “Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền -Hải Dương phục vụ phát triển du lịch”.

2. Mục đích

Với đề tài “Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền -Hải Dương phục vụ phát triển du lịch” nhằm mục đích.

Tìm hiểu giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của Văn Miếu Mao Điền và thực trạng khai thác giá trị văn hoá của Văn miếu phục vụ phát triển du lịch.

Đề xuất một số giải pháp với chính quyền địa phương ,ngành du lịch cũng như các ngành có liên quan của huyện Cẩm Giàng trong việc bảo tồn và khai thác giá trị của Văn miếu một cách có hiệu quả nhất vào hoạt động du lịch.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của Văn miếu Mao Điền như di vật còn lại tại Văn miếu,lễ hội truyền thống...

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Về đặc điểm tự nhiên,dân cư , đời sống kinh tế ,xã hội của người dân nơi đây.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1 Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu

Khoá luận sử dụng các thông tin tư liệu như: Báo cáo tổng kết nguồn số liệu thống kê đến đề tài lưu giữ tại xã ,tỉnh.

Tài liệu thực địa do tác giả sưu tầm ,phỏng vấn tại địa phương .

4.2 Phương pháp khảo sát điền dã

Trong quá trình làm khoá luận tác giả có đi khảo sát thực tế tại Văn miếu: Quan sát, miêu tả ,chụp ảnh ,phỏng vấn.

4.3 Phương pháp phân tích tổng hợp tư liệu

Trong quá trình làm khoá luận ,tác giả có tìm hiểu và hệ thống các nguồn tư liệu đã thu thập.

5. Đóng góp của khoá luận

Tiếp thu thành quả của người đi trước ,kết hợp với khảo sát thực tế , đóng góp của khoá luận là:

Xác định niên đại xây dựng và những lần trùng tu sửa chữa của Văn miếu.

Tìm hiểu yếu tố văn hoá của Văn miếu.

Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của Văn miếu phục vụ phát triển du lịch.

6. Bố cục

Ngoài phần mở đầu ,kết luận chung ,phụ lục và danh mục đề tài tham khảo,bố cục của hoá luận gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung

Chương 2: Giá trị văn hoá của Văn miếu Mao Điền.

Chương 3: Thực trạng và một số giải pháp khai thác giá trị văn hoá của Văn miếu phục vụ phát triển du lịch.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung

1.1 Môi quan hệ tương tác giữa du lịch và văn hoá

1.1.1 Khái niệm du lịch

Ngày nay trên phạm vi toàn thế giới ,du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của người dân và nó đang là một ngành kinh tế quan trọng hàng đầu ở một số nước trên thế giới.

Thuật ngữ du lịch đã trở nên rất thông dụng .Nó bắt nguồn từ tiếng Pháp “Tour” nghĩa là đi công quanh ,cuộc dạo chơi còn “touriste” là người đi dạo chơi .Du lịch gắn với việc nghỉ ngơi,giải trí nhằm khôi phục ,nâng cao sức khoẻ và khả năng lao động của con người ,nhưng trước hết nó liên quan mật thiết với sự chuyển chỗ của con người .

Du lịch được hiểu là việc đi lại của từng cá nhân hoặc một nhóm người rời khỏi chỗ của mình trong thời gian ngắn đến các vùng xung quanh để nghỉ ngơi ,giải trí hay chữa bệnh .

Cách hiểu thứ hai đó là du lịch là hệ quả của cách hiểu thứ nhất .Là một hiện tượng kinh tế -xã hội thu hút hàng tỉ người trên thế giới .Dòng người đi du lịch đông đảo có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế của nhiều nước .Sự phát triển của ngành du lịch cũng kéo theo sự phát triển của ngành khác như:Công nghiệp,nông nghiệp,xây dựng ,thương mại , ăn uống ...nhằm sản xuất và cung cấp hàng hoá phục vụ cho nhu cầu vật chất và tinh thần của khách du lịch.

Theo I.I Pirôgionic (1985) thì du lịch được hiểu là một hoạt động của dân cư trong thời gian rời liên quan đến sự nghỉ ngơi,chữa bệnh ,phát triển thể chất và tinh thần ,nâng cao trình độ nhận thức – văn hoá học thể thao là theo việc tiêu thụ với những giá trị về tự nhiên kinh tế và văn hoá [19 ,15]

Ngoài ra nhìn từ góc độ nghiên cứu .Tổ chức du lịch thế giới UNWTO định nghĩa như sau :Du lịch là : “Tổng số các hiện tượng và mối quan hệ nảy sinh từ sự tác động qua lại giữa du khách , các nhà cung ứng ,chính quyền và cộng đồng địa phương trong quá trình thu hút và tiếp đón du khách.

Còn tại Việt Nam ,theo luật du lịch Việt Nam qui định : “Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thoả mãn nhu cầu tham quan ,giải trí ,nghỉ dưỡng trong khoảng thời gian nhất định”

1.1.2 Khái niệm văn hoá

Nếu như con người là sản phẩm cao nhất của tự nhiên thì văn hoá là sản phẩm đặc sắc nhất của con người .Với bản chất sáng tạo ,con người tác động lên giới tự nhiên ,cải biến và chế tác ra những phương tiện nhằm phục vụ cuộc sống ,thoả mãn nhu cầu của mình. Với trí tuệ và tài năng ,con người chiếm lĩnh tự nhiên ,thâu nạp tinh hoa xã hội ,tự phân thân chính bản thân mình thành một thế giới vật thể và phi vật thể chứa đầy tam huyết và nghị lực nhằm thực hiện ước mơ ,vươn tới những khát vọng ,tạo nên thế giới thứ hai - thế giới văn hoá .

Ở Phương Đông ,văn hoá theo tiếng Trung Quốc có nghĩa là “ văn trị hoá giáo” :Tức là cách cai trị mang hình thức đẹp đẽ kết hợp với giáo hoá .Bản thân từ “văn” là sự biểu hiện ra bên ngoài , là vẻ đẹp do màu sắc tạo ra , nó biểu hiện thành một hệ thống các qui tắc ứng xử xem là đẹp đẽ.

Còn ở Phương Tây :Văn hoá theo phiên âm Latinh bắt nguồn từ 2 nghĩa đó là :Cultus agri : Trồng trọt ở ngoài đồng

Cultus arimi: Trông trọt tinh thần ,nghĩa là giáo dục con người .Con người chỉ có thể có văn hoá thông qua giáo dục ,vô thức hoặc có ý thức ,con người không thể tự nhiên có văn hoá như tự nhiên bản thân con người có cơ thể . Văn hoá không phải là cái gì cụ thể mà nó chính là dấu ấn của một cộng đồng .

Có rất nhiều định nghĩa về văn hoá nhưng theo UNESCO: Văn hoá là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo của con người đã diễn ra trong quá trình lịch sử cũng như đang diễn ra trong hiện tại . Qua hàng thế kỷ các hoạt động sáng tạo ấy đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị ,truyền thống ,thị hiếu ,thẩm mỹ và lối sống .Dựa trên đó từng dân tộc khẳng định bản sắc riêng của mình.

Theo định nghĩa văn hoá của PGS ,TSKH Trần Ngọc Thêm thì “Văn hoá là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn , trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội [14,10].

1.1.3 Tác động của du lịch với văn hoá

Tác động tích cực : Du lịch góp phần giao lưu trao đổi văn hoá giữa du khách và dân địa phương,góp phần làm phong phú ,bổ sung thêm bản sắc văn hoá của cả hai phía cũng như sự hiểu biết và hợp tác trong nhiều lĩnh vực khác nhau như : văn hoá , chính trị ,khoa học công nghệ .

Tác động tiêu cực : Du lịch phát triển nhanh đôi khi quá khả năng chịu đựng của cộng đồng địa phương , lối sống bị ảnh hưởng ,bị thoái hoá .Văn hoá bản địa bị ảnh hưởng qua việc biến truyền thống địa phương ,lễ linh thiêng và nơi hành lễ thành hoàng làng, làm mất đi các giá trị truyền thống của nhân dân.

Do chạy lợi ích kinh tế trước mắt nên các hoạt động văn hóa truyền thống được trình diễn một cách thiếu tự nhiên hoặc chuyên nghiệp ,hoặc để mua vui cho khách du lịch . Nhiều trường hợp do thiếu hiểu biết về nguồn gốc, ý nghĩa các hành vi lễ hội , người ta giải thích một cách sai lệch thậm chí bậy bạ .Như vậy giá trị văn hoá đích thực của một cộng đồng đáng lý phải được trân trọng lại bị đem ra làm trò tiêu khiển ,Mua vui cho khách ,giá trị truyền thống bị lu mờ do sự lạm dụng vì mục đích kinh tế .

Một trong những xu thế thường thấy ở các nước nghèo đón khách từ các nước giàu là người dân bản xứ , nhất là giới trẻ ngày càng chối bỏ truyền thống và thay đổi cách sống theo một du khách .

Ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến văn hoá và xã hội còn được thể hiện qua mối quan hệ giữa du khách và người dân địa phương.Nhìn chung theo thời gian , thái độ của dân sở tại đối với du khách thay đổi dần từ tích cực sang tiêu cực

1.1.4 Ảnh hưởng của văn hoá đến du lịch

Đối tượng văn hoá được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn .Nếu như tài nguyên thiên nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ độc đáo và hiếm hoi thì tài nguyên du lịch nhân văn lại thu hút khách bởi tính phong phú , độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó . Các đối tượng văn hoá là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hoá phong phú.Mặt khác nhận thức văn hoá còn là yếu tố thúc đẩy động cơ du lịch của du khách .

Như vậy nếu từ góc độ thị trường thì văn hoá vừa là yếu tố cung vừa góp phần hình thành yếu tố cầu trong hệ thống du lịch .

Để nhằm thoả mãn nhu cầu của khách du lịch ,người ta bán hoặc làm kỷ niệm những hàng thủ công mỹ nghệ hay sản phẩm của những nước hay khu vực du khách đến thăm.

Ngoài ra trình diễn dân ca và các loại hình nghệ thuật truyền thống cũng như hiện đại là một biểu hiện của văn hoá , đặc biệt nếu khách lưu trú tại khách sạn thì việc quảng bá loại hình âm nhạc truyền thống là một điều rất hay...Cộng thêm vào đó thái độ niềm nở , nhiệt tình phục vụ chào đón khách , điều đó đã góp phần thu hút lượng khách đến với khách sạn hơn.

Nền nông nghiệp có thể là mối quan tâm của du khách . Mô hình nông thôn làm cho du khách hoà mình vào cuộc sống của người nông dân vừa giúp du khách hiểu thêm về bản chất một nền văn hoá , vừa góp phần giúp những người nông dân mở mang nhận thức một cách trực tiếp

Ngoài ra việc quan tâm đến ngôn ngữ của một quốc gia cũng là động lực thúc đẩy phát triển du lịch.

Bên cạnh đó tôn giáo cũng có thể để lại dấu ấn mạnh mẽ đến văn hoá giao tiếp . Những người theo đạo sẽ tìm thấy sự yên tâm khi đến du lịch tại đất nước có tôn giáo của họ . Họ cũng nhận được sự đồng cảm của người dân địa phương có cùng tôn giáo ,ngược lại sự hiềm khích tranh chấp tôn giáo là một vật cản khó có thể vượt qua trong việc tổ chức hoạt động du lịch [13,144-

150].

Sự ảnh hưởng của nền văn hoá tới du lịch ,nó hỗ trợ và góp phần thúc đẩy lẫn nhau trong việc bảo tồn và phát triển.

1.1.5 Tài nguyên du lịch

Du lịch là một trong những ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt .Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch đến việc hình thành ,chuyên môn hoá các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của các ngành dịch vụ.

Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và những kết hợp khác nhau của cảnh quan tự nhiên cùng cảnh quan nhân văn (văn hoá) có thể được sử dụng cho dịch vụ du lịch và thoả mãn nhu cầu về chữa bệnh , nghỉ ngơi ,tham quan hay đi du lịch .

Về thực chất , tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên , các đối tượng văn hoá lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Xét về cơ cấu tài nguyên du lịch có thể phân thành 2 bộ phận : Tự nhiên và nhân tạo (tài nguyên tự nhiên và tài nguyên văn hoá lịch sử của hoạt động du lịch):

Tài nguyên tự nhiên được xếp vào loại tài nguyên vô tận tài nguyên có khả năng tái tạo hoặc có quá trình suy thoái chậm.Hầu hết việc khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên chịu ảnh hưởng nhiều vào điều kiện thời tiết.

Tài nguyên tự nhiên gồm các yếu tố , các thành phần tự nhiên , các hiện tượng tự nhiên , các quá trình biến đổi chung hoặc có thể được khai thác và sử dụng vào đời sống và sản xuất của con người

Theo khoản 1 (Điều 13, chương II)Luật du lịch Việt Nam năm 2005 qui định : “Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo , khí hậu ,thủy văn , hệ sinh thái , cảnh quan tự nhiên đang được khai thác hoặc có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.”

Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên không tồn tại độc lập mà luôn tồn tại ,

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

phát triển trong cùng một không gian lãnh thổ nhất định , có mối quan hệ qua lại hoặc tương hỗ chặt chẽ theo những qui luật của tự nhiên, như qui luật luôn vận động và biến đổi không ngừng , qui luật sinh địa hoá , qui luật địa đới , qui luật tuần hoàn của nó , qui luật tuần hoàn của không khí.

Các tài nguyên tự nhiên luôn gắn với các điều kiện tự nhiên , cũng như các điều kiện kinh tế văn hoá xã hội và cũng được phân bố gần các tài nguyên nhân văn. Sự phân loại tài nguyên du lịch tự nhiên chỉ mang tính tương đối. Thực tế khi tìm hiểu và nghiên cứu về tài nguyên du lịch tự nhiên, các nhà nghiên cứu thường nghiên cứu theo từng thành phần tự nhiên, các thể tổng hợp tự nhiên có các điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch, các di sản thiên nhiên thế giới, các điểm tham quan tự nhiên.

Theo luật du lịch Việt Nam, tại điều 13 chương II thì tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm truyền thống văn hoá, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, các di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể sử dụng cho mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn là những sản phẩm do con người sáng tạo ra cùng với các giá trị của chúng có sức hấp dẫn đối với du khách. Những di sản văn hoá cũng là do con người sáng tạo ra do vậy mà các di sản văn hoá là tài nguyên du lịch nhân văn, nó bao gồm di sản văn hoá vật thể và phi vật thể.

Di sản văn hoá vật thể là những sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng miệng, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục

truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.(4,67)

Theo Nguyễn Minh Tuệ - tác giả cuốn

“địa lý du lịch” thì tài nguyên du lịch được hiểu như sau:

“Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho sản xuất dịch vụ du lịch”.

Theo điều 4 của luật du lịch Việt Nam thì tài nguyên du lịch được hiểu như sau: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

1.1.6 Vai trò của du lịch đối với việc phát triển di tích lịch sử văn hoá

Du lịch là ngành kinh tế đã đang và sẽ được quan tâm đầu tư phát triển. Việc phát triển du lịch phải dựa trên yếu tố tự nhiên và yếu tố về văn hoá hay nói cách khác đó là tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Nó là ngành kinh tế do vậy nó ảnh hưởng đến các mặt của đời sống.

Du lịch phát triển nó làm cho khai thác giá trị văn hoá tại một điểm du lịch được tốt hơn, từ đó người dân địa phương, cán bộ của địa phương đó, những người có trách nhiệm sẽ quan tâm tu bổ di tích đó ngày một tốt đẹp hơn, khang trang hơn, di tích đó được bảo vệ tốt hơn.

Văn hoá là một trong những thành tố giúp cho du lịch phát triển, vì vậy khi du lịch được phát triển, họ đến tham quan tại một di tích, thì yếu tố văn hoá của di tích đó được quảng bá, các sách báo, đồ lưu niệm, các mặt hàng đặc sản tại nơi đó được bày bán người tham quan sẽ mua về làm kỉ niệm cho bạn bè và người thân, du lịch đã giúp mở rộng văn hoá.

Du lịch phát triển, người làm du lịch sẽ tạo ra các chương trình du lịch trong đó các điểm du lịch văn hoá sẽ được nằm trong tuyến đó, từ đó góp

phần quảng bá giới thiệu hình ảnh của các di tích văn hoá được mọi người biết đến và thu hút được khách thập phương đến tìm hiểu nghiên cứu. Việc quảng bá này không chỉ làm khách du lịch biết đến mà còn giới thiệu hình ảnh đẹp, truyền thống lịch sử văn hoá của dân tộc đối với các nước trên thế giới để họ biết thêm hơn về Việt Nam - Đất nước và con người.

Du lịch chính là con đường nhanh nhất và gần nhất đưa văn hoá lên tầm cao mới và giữ gìn được những gì vốn có của nó, là phương tiện tốt nhất để du khách biết đến các diễm văn hoá.

Du lịch chính là cầu nối giữa du khách với văn hoá, mang lại mối quan hệ thân thiết và ràng buộc,qua lại lẫn nhau vì nhờ có du lịch thì văn hoá mới phát triển được.

Người làm du lịch chính là nhân tố trực tiếp giúp cho văn hoá được nâng cao hơn cái giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật, mà không phải bất kỳ ai, bất kỳ người nào cũng biết được giá trị đích thực của nó.

Du lịch có vai trò rất lớn trong việc thay đổi bộ mặt, diện mạo của văn hoá để nguồn gốc tài nguyên này sẽ được gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam.

1.2 Di tích lịch sử văn hoá

Di tích lịch sử văn hoá là tài sản văn hoá quý giá của mỗi địa phương , mỗi dân tộc , mỗi đất nước và của cả nhân loại . Nó là bằng chứng trung thành , xác thực ,cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi đất nước .

Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp , những tinh hoa , trí tuệ , tài năng , giá trị văn hó nghệ thuật của mỗi quốc gia . Di tích lịch sử văn hoá có khả năng rất lớn góp phần vào việc phát triển trí tuệ , tài năng của con người , góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn , khoa học lịch sử . Đó chính là bộ mặt của quá khứ của mỗi dân tộc mỗi đất nước.

Định nghĩa : Theo tác giả cuốn “Địa lý du lịch” thì “Di tích lịch sử văn hoá là nhưng không gian vật chất cụ thể , khách quan , trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử , do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động

sáng tạo ra trong lịch sử để lại”.

Phân loại : Bao gồm

Di tích văn hoá khảo cổ : “Là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hoá , thuộc về thời kỳ lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại . Đa số các di tích văn hoá khảo cổ nằm trong lòng đất cũng có trường hợp nằm trên mặt đất (như các bức chạm khắc trên vách đá ...)Di tích văn hoá khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ , nó được phân thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng .

Loại hình di tích lịch sử bao gồm : Di tích ghi dấu về dân tộc học

Di tích ghi dấu sự kiện quan trọng , tiêu biểu , có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước , của địa phương.

Di tích ghi dấu cuộc chiến chống xâm lược

Di tích ghi dấu những kỉ niệm

Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động

Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến

Loại hình di tích văn hoá lịch sử : Là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nên còn gọi là giá trị kiến trúc nghệ thuật . Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hoá xã hội , văn hoá tinh thần .

Các danh lam thắng cảnh : Là những giá trị văn hoá do thiên nhiên ban cho , các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la , hùng vĩ , thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay khối óc của con người tạo dựng lên . Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử văn hóa và vì vậy nó có giá trị quan trọng với hoạt động du lịch .

Nếu như di sản văn hoá bao gồm văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể thì di tích lịch sử văn hoá nằm trong văn hoá vật thể đó . Nó là tài sản vô cùng quý giá cần được bảo tồn và phát triển của mỗi địa phương mỗi dân tộc.

1.3 Một số đặc điểm của Nho Giáo ở Việt Nam

1.3.1 Sự hình thành của Nho Giáo

Trong xã hội Trung Hoa cổ đại , “Nho” là một danh hiệu chỉ những người có học thức , biết lễ nghĩa . Nho giáo là hệ thống giáo lý của các nhà nho nhằm tổ chức xã hội có hiệu quả . Những cơ sở hình thành của nó được hình thành từ đời Tây Chu , đặc biệt với sự đóng góp của Chu Công Đán . Đền lượt mình , Khổng Tử phát triển tư tưởng của Chu Công , hệ thống hoá lại và tích cực truyền bá vì vậy ông thường được xem là người sáng lập Nho giáo.

Sách kinh điển của Nho giáo gồm 2 bộ : Ngũ kinh và Tứ Thư

Ngũ kinh là bộ thứ nhất , phần lớn có từ trước , Khổng Tử đã ra công san định , hiệu đính và giải thích . Bao gồm 5 cuốn đó là :

Kinh Thi : Là sưu tập thơ ca dân gian trong đó chủ đề tình yêu nam nữ khá nhiều .Khổng Tử dùng nó để giáo dục một tình cảm lành mạnh và cách thức diễn đạt khúc triết rõ ràng [14,256].

Kinh Thư : Ghi lại những truyền thuyết và biến cố về các đời vua cổ - anh minh như Nghiêu , Thuấn , tàn bạo như Kiệt , Trụ ,Khổng Tử gia công san định lại những mong đem họ làm gương cho đời sau [14,257].

Kinh lễ :Ghi chép những lễ nghi thời trước ,Khổng Tử hiệu đính lại những mong dùng nó làm phương tiện duy trì và ổn định trật tự xã hội [14,257].

Kinh dịch : Khởi nguồn vốn ghi chép về âm dương ,Bát quái , ở dạng kí hiệu với sự đóng góp của Chu Văn Vương và Chu Công Đán . Từ bộ “Chu dịch” đó , Khổng Tử đã giảng giải sâu rộng thêm và trình bày thứ tự rõ ràng cho dễ hiểu dễ dùng hơn [14,257].

Kinh Xuân Thu : Nguyên là ký sử của nước Lỗ quê hương Khổng Tử , được ông dụng công chọn lọc sự kiện , kèm theo những lời bình , thậm chí sáng tác những lời thoại để giáo dục các vua chúa [14,257]

Đúng ra ,bộ sách còn một cuốn thứ sáu là Kinh Nhạc , nhưng về sau bị thất lạc chỉ còn lại một ít làm thành một thiên ghép chung vào Kinh lễ gọi là

Nhạc ký . Vì vậy “Lục kinh” thành ra chỉ còn Ngũ kinh

Sau khi Khổng Tử mất , học trò của ông tập hợp những lời dạy của ông và soạn ra cuốn Luận ngữ . Học trò xuất sắc của Khổng Tử là Tăng Sâm hay còn gọi là Tăng Tử , dựa vào lời thầy mà soạn sách Đại học dạy phép làm người quân tử . Một học trò của Tăng Tử là Khổng Cấp (thường gọi là Tử Tư) là cháu nội của Khổng Tử viết ra Trung dung nhằm phát triển tư tưởng của ông nội mình về cách sống dung hoà không thiên lệch .

Đến thời chiến quốc có Mạnh Tử và ông biên soạn thành sách Mạnh Tử.Các tác phẩm “Đại học” , “Trung dung” , “Mạnh Tử”, “Luận ngữ” về sau hợp thành Tứ Thư . Tứ thư và Ngũ kinh đã trở thành bộ sách gối đầu giường của Nho gia.

Nếu như Khổng Tử mở đầu giai đoạn hình thành Nho giáo thì Mạnh Tử đã khép lại một giai đoạn quan trọng – giai đoạn hình thành Nho giáo . Đó là Nho giáo nguyên thuỷ -Nho giáo Tiên Tần hay còn được gọi là tư tưởng Khổng - Mạnh (14,257-258).

1.3.2 Nội dung và sự phát triển của Nho giáo

Để quản lý tốt một xã hội thì đòi hỏi phải có người lãnh đạo tốt đó là người quân tử . Để trở thành người quân tử , trước hết phải tu thân.Nó gồm ba tiêu chuẩn sau :

- Đạt “Đạo”.Là con đường , là những mối quan hệ mà con người phải biết cách ứng xử trong cuộc sống . Có 5 đạo: Vua – tôi, cha – con, vợ - chồng, anh – em, bạn bè .Năm đạo đức đó gọi là Ngũ luân .
- Đạt “Đức” . Người quân tử nếu có ba điều nhân – trí – dũng thì gọi là đạt Đức. Về sau Mạnh tử bỏ “dũng” mà thay bằng “lễ, nghĩa” thành bốn Đức : Nhân, lễ, nghĩa, trí . Đến đời Hán thêm Tín thành 5 đức gọi là “Ngũ thường”.

Ngoài các tiêu chuẩn về “đạo và đức” , người quân tử còn phải biết Thi – Thư -Lễ - Nhạc .Khổng Tử nói rằng con người “hung khởi trong lòng là nhớ học Thi , lập thân được là nhờ biết Lễ , thành công được là nhờ có

Nhạc”(Luận Ngữ). Ông đòi hỏi người cai trị không thể là dân võ biên , mà phải có một vốn văn hoá toàn diện.

Bên cạnh tu thân , người quân tử phải hành động , phải tề gia ,trị quốc bình thiên hạ . Là kim chỉ nam cho mọi hành động trong công việc cai trị đó là hai phương châm:

Thứ nhất là Nhân trị : Nhân là tình người , nhân trị là cai trị bằng tình người, coi người như bản thân mình .

Thứ hai là chính danh : Chính danh tức là sự vật phản ứng với tên gọi , mỗi người phải làm đúng với chức danh , chức phận của mình . Chính danh trong cai trị là phải làm sao để “vua ra vua , tôi ra tôi , cha ra cha , con ra con”(Luận ngữ) , nếu danh không chính thì lời nói không thuận , lời nói không thuận tất việc chẳng thành (Luận ngữ).

Xét về ngọn nguồn , có thể thấy Nho giáo chính là sự tổng hợp của hai truyền thống văn hoá gốc du mục phương Bắc và văn hoá nông nghiệp phương Nam

Tinh hoa văn hoá gốc du mục phương Bắc thì nổi bật ở các điểm đó là :Tham vọng , “bình thiên hạ”, coi nhẹ quốc gia . Khổng Tử đã từng rời nước Lỗ sang quốc gia khác để tìm minh chủ . Tinh hoa đó là truyền thống trọng sức mạnh được thể hiện trong chữ “dũng” và nó cũng là gốc của Tham vọng. Là một sản phẩm của truyền thống văn hoá gốc du mục được thể hiện qua thuyết “chính danh” là phải có tôn ti rõ ràng , một xã hội trật tự ngăn nắp.

Thể hiện trong tinh hoa truyền thống nông nghiệp phương Nam nổi bật đó là việc đề cao chữ “Nhân” và nguyên lý “Nhân trị”, việc coi trọng dân có nguồn gốc từ tinh thần “dân chủ”. Bên cạnh đó Nho giáo nguyên thủy rất coi trọng văn hoá đặc biệt là văn hoá tinh thần (thư , thi , lễ , nhạc...).Tất cả các vấn đề trên đều thể hiện trong Trung dung và Luận ngữ [14,258-260] .

Nho giáo mà Khổng Tử tốn bao công gây dựng vừa có thể nói là rất thành công và vừa có thể nói là đã thất bại .Thất bại vì các bậc đế vương vốn quen cầm quyền theo lối nhân trị , đi ngược lại với xu thế chung , nên hãy như không được ai dùng . Rồi việc nhà Tần cho đốt sách chôn Nho vì việc cai trị

quá chuyên chế của mình kết quả là nhà Tần đã sụp đổ.

Lần đầu tiên Nho giáo lên địa vị là quốc giáo là theo lời khuyên của Đổng Trọng Thư , Hán Vũ Đế , tư tưởng Nho giáo được truyền bá các nước phương Đông và Khổng Tử được tôn làm bậc thánh.

Thực ra đây là sự kiện mang tính hai mặt , xét về hiện thực thì đúng là Nho giáo thắng , nhưng trên thực tế chính là đạo Khổng thua . Nguyên nhân của cả việc thắng thua này thực chất là ở chất tình cảm và dân chủ phương Nam mà Nho giáo nguyên thủy đa tiếp thu. Lối sống theo tình cảm và dân chủ chỉ phù hợp với những phạm vi nhỏ hẹp của các làng xã nông nghiệp , khi mọi người đều quen biết nhau , nó không thể áp dụng cho một đất nước rộng lớn.

Đền thờ nhà Hán thì Nho giáo đề cao một cách hình thức , còn trên thực tế họ vẫn cai trị theo lối pháp gia .Nhưng ngay cả cái hình thức ấy nhà Hán vẫn không giữ được mà đã thay đổi , cải tạo biến đổi Nho giáo một cách cơ bản loại bỏ mâu thuẫn biến nó thành công cụ cai trị thực tiễn và hữu hiệu phục vụ cho vương triều mà quan trọng là loại bỏ “chất nông nghiệp phương Nam”trong Nho giáo. Họ hạn chế nhắc đến “nhân trị” thay vào đó họ nói nhiều đến lễ trị và đặc biệt là đề cao trời.Tiếp theo là họ loại bỏ hạt nhân dân chủ thay cho Ngũ luân với quan hệ hai chiều bình đẳng là Tam cương với quan hệ một chiều duy nhất (trung - hiếu - tiết - nghĩa).Chỉ có mối quan hệ đòi hỏi trách nhiệm của kẻ dưới với người trên.

Từ đời Hán về sau vai trò của văn hoá cũng bị thu hẹp, nó chỉ giới hạn trong khuôn khổ những gì có lợi cho vương quyền .

Như vậy theo quan niệm Nho giáo của Khổng - Mạnh đúng là không còn nữa thay vào đó là một hình thức Nho giáo khác để phục vụ cho cai trị, trong phạm vi quốc gia ,bên cạnh cái nhân để lấy lòng dân cần phải tăng liều lượng chất pháp luật của văn minh du mục. Nhiệm vụ này Hán Nho đã thực hiện một cách xuất sắc.Do vậy mà Nho giáo mới này mới được nhà Hán và các triều đại về sau ra sức đề cao [14,261-264].

1.3.3 Đặc điểm Nho giáo ở Việt Nam

Có nhiều yếu tố của Nho giáo khi vào Việt Nam đã bị biến đổi cho phù hợp với truyền thống của văn hoá dân tộc. Chữ nghĩa có thể vẫn thế nhưng cách hiểu đã khác nhiều.

✚ Quốc gia cổ đại vùng Trung Nguyên với gốc gác là du mục của mình do vậy mà đầy biến động, chính vì điều đó mà Nho giáo muốn tạo nên một xã hội ổn định. Tại Việt Nam nhu cầu ổn định không chỉ có ở dân mà cả triều đình, không chỉ có ở trong đời nội mà cả trong đời ngoại sự ổn định này đã tạo nên sự lệ thuộc của cá nhân vào tập thể cộng đồng. Nhà nước Nho giáo đã tạo ra sự phụ thuộc của bộ máy quan lại vào nhà cầm quyền bằng các biện pháp về kinh tế: Nhẹ lương nặng bổng và biện pháp về tinh thần là trọng đức khinh tài, khai thác truyền thống đạo đức của văn hoá nông nghiệp.

✚ Yếu tố quan trọng thứ hai là yếu tố trọng tình người vì trọng tình vốn là truyền thống lâu đời của văn hoá phương Nam nên khi tiếp nhận Nho giáo người Việt Nam tâm đắc với chữ nhân hơn cả. Trong Nho giáo Việt Nam trọng tình được bổ sung bằng truyền thống dân chủ của văn hoá nông nghiệp chính nhờ tính dân chủ đó mà văn hoá Trung Hoa xâm nhập vào Việt Nam nó được làm “mềm đi” không đến mức quá ư hà khắc vì vậy mà Nho giáo Việt Nam, dù có giữ được địa vị độc tôn cũng không dám loại trừ Phật giáo và huỷ hoại cái gốc của Việt Nam là đạo Mẫu. Tiếp thu chữ “hiếu” của Nho giáo điều đó được thể hiện rất rõ trong mối quan hệ với cha, mẹ .

✚ Thứ ba là tư tưởng trung quân. Ở Trung Hoa rất coi trọng tư tưởng trung quân còn tư tưởng yêu nước thì không được đề cập nhưng sang Việt nam thì tiếp thu tư tưởng trung quân của Nho giáo trên cơ sở tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc sẵn có khiến cái trung quân đã bị biến đổi và gắn liền với ai quốc.

✚ Thứ tư là xu hướng trọng văn vì chịu ảnh hưởng của văn hoá nông nghiệp phương Nam. Ở Việt nam văn được coi trọng hơn hẳn võ người Việt Nam nhìn thấy ở Nho giáo một công cụ văn hóa, một con đường làm nên

ngiệp lớn:

Chẳng tham ruộng cả ao liền

Tham vì cái bút, cái nghiên anh đồ

Anh về lo học chữ Nhu

Chín trăng em đợi, mười thu em chờ

✚ Thứ năm là thái độ đối với nghề buôn Nho giáo Trung Hoa khuyến khích làm giàu nếu nó không trái với lễ. Nhưng ở Việt Nam với văn hoá nông nghiệp đậm nét với tính cộng đồng và tính tự trị lại có truyền thống khinh rẻ nghề buôn. Nó đã ăn sâu bám rễ vào con người Việt Nam truyền thống này làm cho Việt nam vốn đã âm tính lại càng duy trì sự ổn định lâu dài và không bị đồng hoá.

Vì những điều đó mà Nho giáo Việt Nam và Nho giáo Trung Hoa có những nét tương đồng đó chính là những tinh hoa của văn hoá nông nghiệp phương Nam mà nho giáo nguyên thuỷ đã tiếp thu.

1.4 Văn miếu - dạng kiến trúc tôn thờ Nho giáo cơ bản ở Việt nam

1.4.1 Lịch sử hình thành

Văn miếu là từ mượn chữ Hán. Tại Trung Quốc còn được gọi là Khổng miếu, tên cũ là Phu Tử miếu thường để chỉ Phu tử miếu Nam Kinh , còn Khổng miếu thường để chỉ Khổng miếu Khúc phụ là đền thờ Khổng tử tại các nước Á Đông.

Tên gọi Khổng miếu được người dân Châu âu dịch ra các thứ tiếng của họ là:Literaturetemple (Anh) ,Literaturetemple (Đức) le temple d'ite'rature đều có nghĩa là “đền thờ văn học”.Với cách hiểu như vậy,Văn miếu đã mất đi ý nghĩa nguyên thuỷ của nó, mà chỉ còn là biểu tượng của văn học.

Theo từ điển Từ nguyên của Trung quốc :”Văn miếu là miếu Khổng Tử, năm 27 niên hiệu Khai Nguyên thời Đường (739) phong Khổng Tử là Văn Tuyên Vương , gọi miếu Khổng Tử là Văn tuyên Vương miếu. Từ thời Nguyên , Minh về sau phổ biến gọi là Văn miếu. Ở Trung hoa về cơ bản Khổng miếu luôn được các triều đại phong kiến trân trọng và tôn vinh. Đời Đường Thái

Tông gia phong Khổng Tử là Văn Tuyên Vương, đến đời Tống phong thêm cho Khổng Tử hai chữ “Chí Thánh”, đến nhà Nguyên Mông lại thêm cho ông hai chữ “Đại thành”, như vậy Khổng Tử đã trở thành bậc “Đại thành Chí thánh Văn Tuyên Vương”. Trong thượng cung của Văn miếu Hà Nội hiện còn bài trí trang trọng tượng của ngài và tám bài vị : “Đại thành Chí thánh Tiên sư Khổng Tử - Thần vị” là một biểu hiện cho sự đề cao trân trọng và tôn vinh thánh Khổng .

Ngoài Khổng miếu ở Khúc Phụ ra, nhiều địa phương ở miền Nam Trung Quốc cũng xây dựng Văn miếu với một biểu thức tương đối giống nhau như: Xây dựng theo hướng Bắc Nam, các công trình trong Văn miếu bao gồm: Văn Miếu Môn -Đại Trung Môn – Khuê Văn Các - Đại thành môn -điện Đại thành - Điện Khải Thánh – Đông Vu – Tây vu ... Các Văn miếu hầu hết ở Việt Nam đều được xây dựng theo mô hình của Văn miếu Nam Trung Hoa với qui mô lớn nhỏ khác nhau.

1.4.2 Chức năng của Văn miếu

Văn miếu lập ra lúc đầu là thờ Khổng Tử - Vị thánh của Đạo Nho , đề cao đạo Nho, đề cao mối quan hệ trong xã hội mà tiêu biểu đó là thầy – trò, vua – tôi, cha –con, bạn – bè.Nhưng sau đó nó được mở rộng ra để thờ các vị có công với đạo Nho, các vị thầy có công trong việc dạy chữ, dạy nghề cho nhân dân được nhân dân tôn sùng và yêu quý.

Văn miếu là trường đại học đầu tiên tại Việt Nam, ngày xưa các vị hoàng tử, con cung tần mỹ nữ, dòng giống của nhà vua và một số quan lại trong triều được học tại đây, dần về sau thì đó cũng là nơi tổ chức các cuộc thi hương, thi hội, thi đình để tìm nhân tài cho đất nước. Ở Văn miếu thường khắc bia tiến sĩ xưa kia, ghi danh lưu tên những người đỗ đạt cao để muôn đời sau con cháu Việt Nam được biết đến và học tập.

Ngày nay đến mỗi lần thi cử quan trọng, người dân thường đến Văn miếu để cầu khẩn, mong thi đỗ đạt cao, thể hiện được tâm linh của con người

Việt Nam luôn hướng về cội nguồn dân tộc.

1.4.3 Đặc điểm kiến trúc, điêu khắc trang trí cơ bản của Văn miếu tại Việt Nam

Thông thường kiến trúc của các Văn miếu thường giống nhau, gồm Văn miếu môn, toà Đông vu, toà Tây vu, Tiền tế và Hậu cung. Văn miếu Quốc Tử Giám được xây dựng theo nguyên tắc phong thuỷ mô phỏng Văn miếu thờ Khổng Tử tại Trung Quốc (Khổng miếu) nhưng đơn giản hơn, nằm trên trục đường, đăng đối. Còn Văn miếu tại Hải dương kiến trúc theo kiểu chữ Nhị, ở Bắc Ninh kết cấu chữ Công ở Hưng Yên có kết cấu chữ Tam, các công trình đều được tạo dựng nên bởi chất liệu gỗ, lợp ngói mũi hài hoặc là ngói bình thường, kiến trúc toà Tiền tế thường theo kiểu chông diêm các cột vươn cao đỡ mái, hệ thống kèo được thiết kế theo kiểu kẻ truyền trụ báng, trên mái thường chạm lưỡng long châu nguyệt hay lưỡng long châu nhật, khuôn viên của công trình thường kết hợp đăng đối, cây cối, hồ nước, tạo khung cảnh nên thơ lãng mạn, đậm chất văn chương.

Nghệ thuật trang trí có chạm hoa lá, nét chạm nông, sâu nhưng đều rất sắc sảo, chuẩn mực, trên các câu đối đều chạm các loại hao trang trí tạo dáng vẻ uyển chuyển, mềm mại cho kiến trúc.

Với kiến trúc và nghệ thuật trang trí như vậy, nó tạo nên sự khác biệt của văn miếu so với các công trình kiến trúc khác như đình, đền, chùa và mang lại dấu ấn riêng trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam.

1.5 Vai trò của các di tích lịch sử văn hoá đối với hoạt động du lịch

Di sản văn hoá là tài sản vô cùng quý giá của mỗi quốc gia, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá, hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống (Bác học và dân gian) văn hoá cách mạng bao gồm cả văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể, nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại (Trích : Nghị quyết hội nghị lần thứ 5, ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá 8).

Các di tích lịch sử văn hoá ngoài giá trị tâm linh đối với đời sống cộng đồng, nó còn có vai trò to lớn với sự phát triển của hoạt động du lịch của một địa phương, một đất nước.

Các di tích lịch sử văn hoá là những công trình kiến trúc có giá trị lịch sử như: Đình, đền, chùa, miếu mạo, các công trình kiến trúc nghệ thuật...đó là những di sản ẩn chứa trong nó là những trang sử hào hùng, những giá trị tôn giáo, tâm linh của từng thời kỳ lịch sử của từng vùng, từng miền, là ngôi nhà của các vị thành hoàng làng, các vị được nhân dân tôn thờ, là những anh hùng trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược bảo vệ Tổ Quốc.

Các di tích lịch sử văn hoá đều mang trong mình một thông điệp quá khứ, nơi đây trở thành một không gian văn hoá cho nhân dân trong những dịp sinh hoạt lễ hội truyền thống, họ đến nơi đó để thể hiện các lễ nghi, lễ thức, tâm nguyện của mình đối với các bậc thánh thần.

Khách du lịch đến với các di tích lịch sử văn hoá không đơn thuần chỉ là để tham quan, thể hiện tâm linh mà còn để tìm hiểu, nghiên cứu khoa học. Vì vậy di tích lịch sử văn hoá có vai trò quan trọng trong hoạt động du lịch, là điều kiện giúp cho du lịch đất nước ngày càng phát triển hơn.

Di tích lịch sử văn hoá là bản thông điệp, bản anh hùng ca ngợi truyền thống, đạo đức của đất nước. Nơi đó lưu giữ những giá trị vật chất và giá trị tinh thần của một đất nước. Đến đây du khách sẽ được hoà mình vào không khí của thời đại trước để sống lại một thời oanh liệt của dân tộc.

Di tích lịch sử văn hoá chính là tài nguyên du lịch nhân văn do vậy cần được bảo tồn, gìn giữ và phát triển nó.

1.6 Khái quát một số Văn miếu ở nước ta.

1.6.1 Văn miếu Quốc Tử Giám – Hà Nội

1.6.1.1 Lịch sử hình thành

Văn miếu được xây dựng từ “tháng 8 năm Canh Tuất (1070) tức năm Thần Vũ thứ 2 đời Lý Thánh Tông, đắp tượng Chu Công, Khổng Tử và Tứ Phối. Vẽ tranh tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế, Hoàng thái tử đến

đầy học”.Bia tiến sĩ khoa thi nho học năm Nhâm Tuất(1442).Năm 1076, Lý Nhân Tông cho lập trường Quốc Tử Giám,có thể coi đây là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam.Ban đầu trường chỉ dành riêng cho con vua và con các bậc đại quyền quý(nên gọi tên là Quốc Tử).Năm 1156 Lý Anh Tông cho sửa lại Văn miếu chỉ thờ Khổng Tử,Năm 1253, vua Trần Thái Tôngcho mở rộng Quốc Tử Giám và thu nhận cả con cái của các nhà thường dân có sức học xuất sắc. Đời Trần Minh Tông,Chu Văn An được cử làm quan Quốc Tử Giám Tư Nghiệp(hiệu trưởng) và thầy dạy trực tiếp các hoàng tử.Năm 1370 ông mất, được vua Trần Nghệ Tông cho thờ ở Văn miếu bên cạnh Khổng Tử.Sang thời Hậu Lê,Nho giáo rất thịnh hành.Vào năm 1484,Lê Thánh Tông cho dựng bia tiến sĩ của những người thi đỗ đạt tiến sĩ từ khóa thi 1442 trở đi.Năm 1762, Lê Hiển Tông cho sửa lại Quốc Tử Giám - cơ sở đào tạo và giáo dục cao cấp của triều đình.Năm 1785, đổi thành nhà Thái học. Đời Nguyễn, Quốc Tử Giám lập tại Huế.Năm 1802,vua Gia Long ấn định đây là Văn miếu Hà Nội và cho xây thêm Khuê Văn Các.Trường Giám cũ ở phía sau Văn miếu làm nhà Khải thánh để thờ cha mẹ Khổng Tử. Đầu năm 1947 giặc Pháp nã đạn đại bác làm đổ sập căn nhà, chỉ còn cái nền với hai cột đá và 4 ngai đá. Ngày nay ngôi nhà này đã được phục dựng theo kiến trúc cùng thời với quần thể các công trình còn lại.

1.6.1.2 Qui mô, kiến trúc, nghệ thuật trang trí

Qui mô và bố cục Văn miếu Hà Nội hiện nay lớn nhất cả nước, được bảo tồn tương đối nguyên vẹn. Được xây dựng trên khu đất có chiều dài 300m quay về phía nam, phía Bắc rộng 75m, phía nam rộng 61m.Công trình được xây dựng theo nguyên tắc phong thủy phương Đông, các công trình nằm trên trục dũng đạo, các công trình phụ nằm đăng đối với hồ nước. Đề tài trang trí “tứ linh tứ quý” thể hiện tính tôn nghiêm.Ngoài tiền án là Hồ Văn, Nghi Môn, bia Hạ Mã.Công trình chia thành 5 lớp không gian, mỗi lớp được giới hạn bởi các tường gạch và có các cửa thông nhau, một cửa chính giữa và 2 cửa bên với các kiến trúc chủ thể là cổng Văn miếu, cổng Đại Trung, Khuê Văn

Các,cổng Đại thành, Khu Điện Thờ,cổng Thái học và khu Thái học.

Cổng Văn miếu là khu Tam quan lớn, xây hai tầng ba cửa, tầng hai có tám mái, bốn mái nóc uốn cong,bờ nóc đắp hình lưỡng long châu nguyệt tạo kiểu dáng vừa uy nghi, vừa thanh thoát.Qua cổng tam quan là khu Nhập Đạo, có không gian cây xanh, thảm cỏ, hồ nước, đường lát gạch.

Cổng Đại Trung:Hai bên có 2 cổng thờ nhỏ là Thành Đức, Đạt tài mang ý nghĩa giáo dục, đào tạo con người.

Khuê Văn Các là lầu vuông tám mái, được xây dựng trên nền lát gạch Bát Tràng, kiến trúc độc đáo,hai tầng mái, lợp ngói ống, trang trí bốn góc bằng đất nung, chạm trổ tinh vi, sắc sảo.Hai bên Khuê Văn Các có hai cửa nhỏ là Bỉ Văn và Súc Văn.Khoảng giữa Khuê Văn Các và cổng Đại Thành có giếng Thiên quang.

Qua cổng Đại thành vào khu vực chính thờ Khổng, các bậc Tiên hiền, Tiên Nho gồm: Điện Đại thành, nhà Bái Đường, hai dãy Đông vu và Tây vu.Qua cửa Đại thành vào sân đại bái, có hai lối rẽ phải, trái qua hai cổng nhỏ đi vào khu Quốc Tử Giám.

Diện tích khu Thái học là 1.530m² trên tổng diện tích 6.150m² gồm các công trình: Tiền đường, Hậu đường, tả vu , hữu vu, nhà chuông, nhà trống mô phỏng kiến trúc trên nền xưa của Quốc Tử Giám(11:59)

1.1.6.3 Hệ thống di vật

Hiện nay vào Văn miếu còn 82 bia, là những cổ vật quý, những pho sử giá trị về nhiều mặt.Tại Văn miếu còn có ban thờ các bậc thánh hiền, các đồ thờ, chuông khánh đá có giá trị lịch sử cao.

Hình dáng của trán bia cong,nghệ thuật tạo rùa: Cổ rụt đầu chéch hoặc ngang bằng, mặt bệ sóng mũi nở cao, mắt tròn lồi gắn liền với sóng mũi, trán nổi cao. Nghệ thuật trang trí là rồng châu mặt nguyệt hoặc phượng châu mặt nguyệt, diềm bia được điêu khắc tinh xảo.

Ngày 28/4/1962 công nhận Văn miếu Quốc Tử Giám là di tích lịch sử cấp quốc gia.Nó trở thành điểm du lịch hấp dẫn và quan trọng của cả nước và Hà

Nội.

1.6.2 Văn miếu Xích Đằng – Hưng Yên.

1.6.2.1 Lịch sử hình thành

Văn miếu Xích Đằng có tên như vậy vì được xây dựng trên đất làng Xích Đằng, xưa kia là Văn miếu của Trấn Sơn Nam. Căn cứ vào khánh chuông còn lại ở Văn miếu. Năm 1831, khi tỉnh Hưng Yên được thành lập thì Văn miếu Xích Đằng thuộc hàng tỉnh. Văn miếu Xích Đằng được xây dựng từ thế kỷ XVII và được trùng tu, tôn tạo lớn vào năm Minh Mạng thứ 20 (Ki Hối- 1839) trên nền chùa của làng Xích Đằng, xã Nhân Dục, Tổng An Tảo, huyện Kim Động xưa, nay là Phương Lam Sơn, thị xã Hưng Yên tỉnh Hưng Yên. Dấu tích còn lại đến ngày nay là 2 tháp đá: Phương Trượng tháp và Tịnh Mãn Mãn tháp.

Hiện tại Văn miếu đang thờ Khổng Tử, người được suy tôn là “vạn thế sư biểu”, và các chư hiền của Nho gia, cùng thờ với Khổng Tử có Chu Văn An.

Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 Văn miếu Xích Đằng là cơ sở hoạt động bí mật của Trung ương, xứ ủy Bắc kỳ, tỉnh Hưng Yên. Năm 1992 Văn miếu Hưng Yên được Bộ Văn hóa- Thông tin xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia.

1.6.2.2 Qui mô, kiến trúc, điều khắc trang trí

Văn miếu Xích Đằng có kết cấu kiến trúc kiểu chữ Tam, bao gồm Tiền tế, Trung Từ và Hậu cung. Hệ thống mái của các tòa được làm liên hoàn kiểu “Trùng thiềm điệp ốc”. Mặt tiền Văn miếu quay hướng nam, cổng Nghi môn được xây dựng đồ sộ, bề thế mang dáng dấp cổng Văn miếu Hà Nội. Phía trong cổng có sân rộng, ở sân giữa là đường thập đạo, hai bên sân có lầu chuông và lầu khánh cùng hai dãy tả vu và hữu vu. Hai dãy này được dùng để trưng bày các hình ảnh và hiện vật liên quan đến giáo dục của tỉnh Hưng Yên.

Khu nội tự gồm: Tiền tế, Trung từ và Hậu cung, kiến trúc giống nhau được làm kiểu vì kèo trụ trốn. Toàn bộ khu nội tự Văn miếu tỏa sang bởi hệ thống đại tự, câu đối cửa võng và hệ thống kèo cột đều được sơn thếp phủ

hoàn kim.

1.6.2.3 Di vật còn lại trong Văn miếu

Hiện vật còn lại trong Văn miếu hiện nay là 9 tấm bia đá, trong đó 8 bia được lập năm Đồng Khánh thứ 3(1888), 1 tấm bia được lập năm Bảo Đại thứ 18(1943) ghi danh các khoa bảng Hưng Yên.

Ngoài ra còn 2 tháp đá là : Phương trượng tháp và Tịnh mẫn tháp.

1.6.3 Văn miếu Bắc Ninh

1.6.3.1 Lịch sử hình thành

Văn miếu Bắc Ninh được khởi dựng tại vùng sơn phận Thị Cầu thuộc Tổng Đỗ Xá huyện Võ Giàng, Phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc vào thời Lê Sơ. Cùng với sự thăng trầm của đất nước.Văn miếu Bắc Ninh cũng trải qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo và chuyển đổi vị trí.Năm 1893,Văn miếu được xây dựng trên đỉnh núi Phúc Sơn thuộc xóm 10 (Phường Đại phúc- thành phố Bắc Ninh).Tự hào về truyền thống hiếu học trân trọng hiền tài đồng thời đề cao khuyến khích sự hiếu học của vùng đất này, Văn miếu Bắc Ninh đã được lập nên.

1.6.3.2 Qui mô, bố cục, kiến trúc Văn miếu

Tổng thể công trình Văn miếu gồm: Tiền tế (5 gian), hậu đường (5 gian), hai bên hồi Hậu đường là Bi Đình (3 gian),hai bên hồi Tiền đường, Hội đồng trị sự và Tạo Soạn, hai bên sân trước Tiền tế và nhà Tả vu, Hữu vu, chính diện có bia bình phong “Bắc Ninh tinh trùng tu Văn miếu bi ký” khắc dựng năm 1928.Toàn bộ công trình được xây dựng bằng gỗ lim được bào tron đóng bén.

1.6.3.3 Di vật còn lại tại Văn miếu

Văn miếu Bắc Ninh có 14 văn bia, trán bia cong và được trang trí lưỡng long châu mặt trời, ở diềm bên phải của mỗi bia được khắc vị trí của bia đó trong nhà bia, “Mây cuốn” và bốn chữ nổi “Kim Bảng lưu phương”.Bia có chiều cao 1,1m , dày 0,15m và bề ngang 0,75m.Văn miếu Bắc Ninh đã được coi là trung tâm nghiên cứu giáo dục truyền hiếu học của Bắc Ninh – Kinh

Bắc. Chính vì thế, Văn miếu Bắc Ninh sẽ trở thành điểm du lịch văn hóa truyền thống đặc sắc nhất để du khách được tham quan, ngắm cảnh và hiểu biết sâu sắc hơn những giá trị truyền thống, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật... của con người xứ Kinh Bắc nói riêng và Việt Nam nói chung, trong lịch sử cũng như trong hiện tại và tương lai.

1.6.4 Văn miếu Trấn Biên - Đồng Nai

1.6.4.1 Lịch sử hình thành

Văn miếu Trấn Biên được xây dựng trong bối cảnh vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đã khá ổn định về chính trị, phát triển kinh tế - xã hội như một sự xác lập vị thế địa văn hóa - chính trị của vùng đất, đồng thời là sự nối tiếp Văn miếu Thăng Long và truyền thống trọng học, trọng tri thức nhân tài của tổ tiên trải qua nhiều thế kỷ xây dựng quốc gia độc lập tự chủ. Gắn liền với Văn miếu Trấn Biên là một nền giáo dục phát triển khá sớm ở Biên Hòa - Đồng Nai lúc bấy giờ. Nằm trong kế hoạch xây dựng các thiết chế văn hóa ở Đồng Nai, nhân kỉ niệm 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai, Tỉnh ủy, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh đã chỉ đạo xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên. Lễ khởi công diễn ra vào ngày 9/12/1998 và khánh thành công trình giai đoạn một vào ngày mừng 3 Tết Nhâm Ngọ 2002. Trong dịp kỉ niệm 290 năm Văn miếu Trấn Biên, các công trình giai đoạn 2 tiếp tục được xây dựng và mở rộng thêm diện tích.

1.6.4.2 Bố cục, kiến trúc của Văn miếu

Công trình được xây dựng trên địa thế đẹp, cao ráo, mô phỏng theo văn miếu Hà Nội gồm có các công trình như Văn miếu môn, Khuê Văn Các, có công trình bia Khổng Tử, các kiến trúc đều được trùng tu và tôn tạo nhiều lần do sự tàn phá nặng nề của chiến tranh và hiện nay là nơi người dân Đồng Nai đến để cầu về học hành, tài lộc. Bên cạnh việc là nơi thờ phụng danh nhân văn hóa xưa và nay, nơi đây còn là nơi tổ chức lễ báo công, tuyên dương tài năng trên các lĩnh vực. Nơi đây đã đón nhiều đoàn khách trong và ngoài nước đến thăm. Là niềm tự hào của con người nơi đây.

Hiện nay còn có các di vật như: Bia Khổng Tử, các đồ thờ, ban thờ, chuông khánh đá được giữ gìn và bảo tồn tại Văn miếu.

1.6.5 Văn miếu Huế

1.6.5.1 Lịch sử hình thành

Dưới triều nhà Nguyễn, Văn miếu của cả triều đại và cúng là của toàn quốc được chính thức xây dựng vào năm 1808 dưới triều vua Gia Long. Miếu được xây dựng uy nghi đồ sộ, nằm bên bờ sông Hương, thuộc địa phận thôn An Bình, làng An Ninh, phía Tây kinh thành Huế. Văn miếu Huế hay Văn thánh Huế là cách gọi tắt của Văn thánh Miếu được xây dựng tại Huế.

Khi các chúa Nguyễn mở mang khai phá Phương Nam, Văn miếu được thiết lập ở Phú Xuân, tại làng Triều Sơn và được xem như là Văn miếu riêng của Đàng Trong, nhưng không rõ thời điểm xây dựng. Đến năm Canh Dần (1770) dưới triều của Định Vương Nguyễn Phúc Khoát, Văn miếu được dời đến xã Long Hồ. Đến thời nhà Nguyễn, Văn miếu được xây dựng dưới triều vua Gia Long, ngôi miếu cũ được giữ lại để làm Khải thánh từ, tức miếu thờ cha mẹ Khổng Tử. Việc xây dựng Văn miếu được tiến hành từ ngày 17 tháng 4 đến ngày 18 tháng 9 năm 1808, vua Gia Long ra lệnh làm các đồ tự khí mới để thờ thay thế các đồ cũ và tượng thánh hiền được thay bằng bài vị. Suốt thời Gia Long trị vì, triều đình nhà Nguyễn chỉ mở các khoa thi hương nên không có tấm bia tiến sĩ nào được dựng ở Văn miếu. Đến thời Minh Mạng mới mở các khoa thi hội, nên bia tiến sĩ cũng bắt đầu dựng. Các “tiến sĩ đề danh bi” được lần lượt dựng nên ở sân Văn miếu từ năm 1831 đến năm 1919, năm có khoa thi hội cuối cùng dưới thời vua Khải Định.

Văn miếu Huế đã được tu sửa, làm mới một số đồ thờ và xây dựng thêm một số công trình phụ vào các năm 1818 (thời Gia Long), 1820, 1822, 1830, 1840 (thời Minh Mạng), 1895, 1903 (thời Thành Thái). Đến năm 1947 khi quân đội Pháp tái chiếm Huế và đồn trú tại đây đã gây thiệt hại cho di tích này. Lúc đó các vị thờ ở Văn Thánh được đưa về bảo quản tại chùa Thiên Mụ.

1.6.5.2 Qui mô, bố cục, kiến trúc của Văn miếu.

Là công trình có qui mô lớn tầm quốc gia chỉ đứng sau Văn miếu Quốc Tử Giám. Khi còn nguyên vẹn, nơi đây có gần 20 công trình lớn như: Văn miếu (điện thờ), Đông vu, Tây vu, Thần trụ, Thần khố, Hữu văn đường, Duyệt lễ đường, nhà thổ công, Đại Thành môn, Văn miếu môn, Quan đức môn, Linh tinh môn, la thành, vua bến Ngự ...

Từ Đại thành môn nhìn vào phía trong, ngay chính giữa có ngôi đại điện thờ Khổng Tử gọi là Đại thành Điện. Đây là kiến trúc trọng yếu của Văn miếu, toàn bộ được xây dựng trên nền cao, dài chừng 32m, rộng 25m. Cấu trúc của ngôi điện theo lối “trùng thiềm điệp ốc” truyền thống của Huế. Ở hai bên trước điện Đại Thành, dựng hai ngôi nhà đối diện nhau là Đông vu và Tây vu đều bảy gian.

Trước sân miếu, có hai nhà bia, bên phải có tấm bia khắc bài văn bia “Thánh tổ Nhân hoàng đế dụ”: Cung giám bất đắc liệt tẩn thân”(vua Minh Mạng dụ về việc thái giám không được liệt vào hàng quan lại).

Phía ngoài cổng Đại thành, bên trái có Hữu Văn đường, bên phải xây Duyệt Lễ Đường. Đây là những ngôi nhà kiểu một gian hai chái dung để vua quan nghi chân sửa soạn lễ phục trước khi vào tế ở miếu. Phía trước là hai dãy gồm 32 tấm bia, khắc tên 293 vị tiến sĩ triều Nguyễn.

Trước cổng Văn miếu, gần bờ sông có cửa Linh tinh môn, gồm bốn trụ xây bằng gạch, phần trên trang trí tháp lam. Văn miếu Huế được xây dựng ngoài việc thờ Khổng Tử còn thờ Tứ Phối : Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử cùng thập Nhị Triết. Đông vu và Tây vu gồm 14 án, thờ các Tiên hiền và tiên nho, những người có công trong việc phát triển Đạo Nho. Bố cục, kiến trúc, trang hoàng và trang trí nội ngoại thất đều mang tính đăng đối uy nghi, văn vẻ.

1.6.5.3 Di vật còn lại của Văn miếu.

Hơn nửa thế kỷ nay, chiến tranh và thiên nhiên đã tàn phá Văn miếu chỉ còn lại 34 tấm bia đá là những di tích có giá trị nhất về nghệ thuật, văn hóa và

lịch sử, hệ thống gỗ lim với số lượng lớn còn tại Văn miếu và hệ thống tượng thờ tại đây là những di vật vô cùng quý giá. Thăm lại Văn miếu sẽ giúp du khách hiểu thêm về truyền thống ưa chuộng văn tài, coi trọng trí thức và khuyến khích người hiếu học của ông cha từ ngàn xưa.

Tiểu kết chương 1

Du lịch chính là con đường nhanh nhất để đưa du khách thế giới đến với Việt Nam, hiểu biết về đất nước và con người Việt Nam họ khám phá những điều được coi là vẻ đẹp vốn có, vẻ đẹp tiềm ẩn.

Tài nguyên du lịch là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch, nếu đất nước đó có nhiều tài nguyên du lịch với chất lượng cao, mức độ kết hợp tài nguyên phong phú thì nơi đó sẽ thu hút khách du lịch đến ngày một đông hơn.

Việt Nam - Một đất nước nghìn năm văn hiến với rất nhiều công trình kiến trúc, văn nghệ dân gian, lễ hội truyền thống, di sản văn hoá vật thể và phi vật thể đã và đang được khai thác để phục vụ cho hoạt động du lịch.

Khai thác giá trị văn hoá lâu đời của dân tộc, ngành du lịch Việt Nam đã khai thác du lịch văn hoá để phục vụ ngày càng tốt hơn cho nhu cầu ngày càng cao của du khách

Chương 2 :

Giá trị văn hóa của văn miếu Mao Điền - Hải Dương

2.1. Giới thiệu khái quát về xã Cẩm Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên và dân cư

2.1.1.1. Vị trí địa lý :

Hải Dương miền đất tinh đông ngàn năm văn hiến ,nơi đây đã sản sinh ra rất nhiều anh hùng dân tộc ,những người đã hi sinh xương máu của mình để cứu lấy nền độc lập tự do cho cả nước.Miền đất ấy cũng đã sản sinh ra rất nhiều anh tài ,các bậc tiến sĩ ,là một tỉnh nhất nhì cả nước về số lượng tiến sĩ đỗ các khoa bảng qua các năm. Hải dương gồm 1 thành phố và 11 huyện gồm : Gia Lộc - Tứ Kỳ - Ninh Giang – Thanh Miện – Bình Giang - Cẩm Giàng – Thanh Hà – Nam Sách – Kim Thành – Kinh Môn và Chí Linh .Với diện tích tự nhiên 1.660,78 km² , dân số 1.650.000 người (kết quả điều tra dân số 01-04 – 1990)

Tiếp giáp :

- Phía Bắc giáp Bắc Giang , Bắc Ninh
- Phía Tây giáp Hưng Yên
- Phía Nam Giáp Thái Bình
- Phía Đông giáp Hải Phòng
- Phía Đông Bắc giáp Quảng Ninh

Là 1 địa bàn kinh tế trọng điểm ở phía Bắc , tỉnh có các tuyến đường đặc biệt quan trọng như : Quốc lộ 5 , đường sắt nối thông với thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng , đường 138 nối với ngõ Đông Bắc Tổ Quốc và các đường 10 , đường 17 , đường 39 tạo ra mạng lưới giao thông khá hoàn chỉnh , liên kết Hải Dương với các tỉnh đồng bằng duyên hải Bắc Bộ .

Miền đất Hải Dương đã bao lần thay đổi tên gọi , nhưng đều gắn với tên xứ Đông ,tỉnh Đông .Dù tách ra hay nhập vào qua nhiều năm tháng nhưng Hải Dương vẫn là đây , mảnh đất Hải Dương hôm nay , xứ Đông ngày xưa là một trong “ Tứ trấn ” của quốc gia Đại Việt ,cửa ngõ trên con đường từ tỉnh đông

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

ra miền biên giới Đông Bắc của Tổ Quốc .Mảnh đất kỳ tứ ,một vùng “Địa linh nhân kiệt ” này là nơi ảnh xạ của kinh đô hoa lệ nhưng cũng là nơi hội tụ ,giao thoa văn hóa ,kết tinh giá trị rồi tỏa sáng muôn nơi .Mảnh đất vừa cổ kính ,vừa trẻ trung này hình thành nên do địa tầng cổ và phù sa của các dòng sông lớn ở Bắc Bộ : Hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình bồi đắp .Bằng sự kiến tạo quên mình của bao thế hệ ,người dân nơi đây đã tạo cho mảnh đất này một nội lực dồi dào để vận động , phát triển trong quá khứ và vươn tới tương lai .

Dòng sông thiên nhiên chảy khắp không gian, đắp bồi nên đồng bằng màu mỡ để Hải Dương trở thành vựa lúa của vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ , nơi mà qua bao năm kháng chiến trường kỳ bao giờ cũng : Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người, một vùng tự do, một hậu phương lớn của cả nước .

Nằm cách Hải Dương 16 km về phía Tây , Cẩm Giàng là một huyện có 17 xã , 2 thị trấn bao gồm : Thị trấn Lai Cách và thị trấn Cẩm Giàng .Bao gồm các xã : Cẩm Hưng , Ngọc Liên , Cẩm Tân Trường , Cao An , Cẩm Điền ,Cẩm Phúc , Lương Điền ,Cẩm Đông , Cẩm Đoài và Cẩm Định .Với diện tích 108,95 km² và dân số 121.935 người .Với vị trí tiếp giáp :

- Phía Bắc giáp Bắc Ninh
- Phía Tây giáp Hưng Yên
- Phía Nam giáp Bình Giang
- Phía Đông giáp Nam Sách và thành phố Hải Dương

Là một xã của Cẩm Giàng , Cẩm Điền nằm trên quốc lộ 5 là một xã có vị trí địa lý giao thông thuận tiện để phát triển kinh tế , nằm ở trung tâm của huyện :

- Phía Nam giáp quốc lộ 5
- Phía Bắc giáp thị trấn Cẩm Giàng
- Phía Đông giáp Cẩm Phúc

Với vị trí thuận lợi Hải Dương không chỉ phát triển kinh tế mà còn giao lưu

văn hóa với các vùng lân cận khác .Bởi vậy hiện nay Cẩm Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương đã và đang được nhà nước đầu tư và quan tâm hơn nữa để vùng đất này ngày càng phát triển và trở thành một điểm mạnh của tỉnh Hải Dương

Là một tỉnh đồng bằng ,do vậy địa hình nơi đây rất bằng phẳng ,có rất nhiều cỏ lau ,xưa kia chủ yếu là bãi đất hoang nhưng ngày nay dưới sự lao động cần mẫn và chăm chỉ ,nhờ có bàn tay lao động của con người mà nơi đây đã dần hồi sinh mang dáng dấp của một vùng đất đang trên đà phát triển . Diện tích ở đây chủ yếu là đồng bằng , không có đồi núi , đất thấp ,bằng phẳng ,rất thuận lợi cho nông nghiệp phát triển ,nhưng giữa bãi đất bằng phẳng đó, có một khu đất cao nổi lên nơi đây chính là điểm tọa lạc của khu Văn Miếu .

2.1.1.3.Khí hậu :

Chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của miền Bắc ,nằm trong vùng tiểu khí hậu Hải Dương .Cẩm Điền cũng chia 2 mùa rõ rệt : Mùa đông và mùa hè .Mùa đông từ tháng 10,11,12, mùa hè từ tháng 4,5,6 .Giữa 2 mùa này có mùa xuân và hè chuyển tiếp .Mùa đông thường có những biến động xảy ra ,có thời gian thời tiết quá lạnh ,nhiệt độ trung bình thấp ảnh hưởng đến đời sống cũng như sinh hoạt của nhân dân trong vùng . Mùa hạ thường có sự biến động về lượng mưa ,có lúc thiếu nước trầm trọng nhân dân không có nước dùng .Mùa đông lúc lạnh nhất xuống tới dưới 10oC,lúc nóng nhất vào mùa hè có khi lên tới 38- 39 oC rất oi bức .Nơi đây chịu ảnh hưởng ít của cơn áp thấp nhiệt đới , không tạo thành bão mà chỉ là những cơn giông . Khí hậu này đã tạo điều kiện để phát triển nền nông nghiệp ổn định mang lại hiệu quả kinh tế cho nhân dân trong vùng .

2.1.1.4.Sông ngòi :

Nằm ở vùng đồng bằng chịu ảnh hưởng của 2 dòng sông lớn đó là sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp, nên đất đai màu mỡ tốt tươi, vô cùng thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

Các sông trong huyện cũng là nơi cung cấp nguồn nước tưới tiêu cho cây

trồng và cũng cung cấp nguồn nước ngọt nói chung phục vụ cho đời sống và sinh hoạt của vùng.

Nơi đây chịu ảnh hưởng của 2 cửa sông:Sông Hồng và Sông Thái Bình nhưng vào mùa lũ nước thoát rất nhanh, không gây lũ lụt kéo dài đồng nghĩa với nó lúa cũng như hoa màu của nhân dân được bảo vệ an toàn.

2.1.1.5 Dân cư.

Đây là mảnh đất đã sản sinh ra bao con người tài giỏi.Dân cư ở đây tập trung đông, lúc đầu đây là mảnh đất hoang, nhiều cây cỏ rậm rạp nhưng người dân đã hăng say lao động và biến vùng đất này thành mảnh đất trù phú.

Nơi đây tụ dân từ nhiều vùng khác nhau đến sinh sống và lập nghiệp nhưng chủ yếu họ đều là người con của mảnh đất Hải Dương.Vì thế họ yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, không có sự kì thị dân tộc cũng như miền quê khác nhau.

Nằm trên trục đường quốc lộ chính (quốc lộ 5) nên dân cư tụ họp tại đây rất đông, buôn bán sầm uất, phát triển.

Nơi đây tập trung hơn 10.000 dân tiêu biểu là các dòng họ: Nguyễn, Vũ, Phạm...Với nhiều bậc tiến sĩ, cử nhân đỗ qua các kì thi của đất nước.Ngày nay phát huy tinh thần của cha ông để lại,mảnh đất này cũng đã cống hiến cho đất nước bao người tài giỏi và rất nhiều thành tích trong cuộc sống.

Cư dân nơi đây sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp, chăn nuôi kết hợp trồng trọt, ngoài ra có một số người buôn bán nhỏ, và một lượng nhân công làm việc tại các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động nước ngoài.

2.1.2 Đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của địa phương.

2.1.2.1 Đời sống kinh tế

Cẩm Điền là một xã thuần nông đất nông nghiệp, nhân dân sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt và chăn nuôi. Cây trồng chủ yếu là cây lúa và hoa màu.

◆ Trồng trọt: Do điều kiện về đất đai, khí hậu và sự thuận lợi nguồn nước nên nơi đây rất thuận lợi cho phát triển trồng trọt và đây là ngành kinh tế chủ đạo của Cẩm Điền.

Các cây trồng chủ yếu của vùng là lúa, hành tây, dưa chuột,cà rốt, ớt...Các

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

cây trồng này được sự hướng dẫn của các cấp và Đảng ủy xã Cẩm Điền, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, sản phẩm thu được được các nhà cung ứng giống về để thu lại sản phẩm đem bán cho các đơn vị chế biến sản phẩm. Từ đó nguồn thu nhập của người dân được nâng lên, mức sống ngày càng ổn định.

Sản xuất nông nghiệp của vùng có sự chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung vào chuyên đôi giống và cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao nhằm tăng thu nhập trên cùng một diện tích đất canh tác, các dịch vụ trong nông nghiệp như giống, thủy lợi, phân bón, thuốc trừ sâu được chú trọng.

◆ Chăn nuôi: Nền kinh tế nông nghiệp luôn bao gồm trồng trọt và chăn nuôi, bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi của vùng cũng khá phát triển. Hầu hết cư dân nơi đây đều chăn nuôi gia cầm như: Vịt, gà, ngan, ngỗng, lợn thịt, lợn nái, để nâng cao thu nhập đồng thời lại nâng cao thu nhập đồng thời lại tận dụng được cây cối của địa phương thức ăn do nông dân làm ra như: Khoai, ngô, lúa... Các sản phẩm này được tiêu thụ không chỉ tại vùng mà còn ở các địa phương lân cận.

Ngoài ra có một số hộ dân đã đầu thầu các diện tích mặt nước gần nhà của mình để đào ao thả cá và dần thu được những nguồn lợi đáng kể.

Ngoài ra nhân dân trong vùng còn nuôi một số lượng lớn đàn trâu, bò để không chỉ tăng thêm thu nhập mà hơn hết nó giúp cho công việc đồng ruộng của nông dân đỡ vất vả, hạn chế sự mất sức lao động của nhân dân.

◆ Buôn bán: Lợi dụng địa thế của mình là nằm trên đường quốc lộ (quốc lộ 5) đường giao thông chính, do vậy mà nhân dân đã lợi dụng “mặt tiền” của mình để buôn bán các mặt hàng để phục vụ nhu cầu của nhân dân trong vùng như: các mặt hàng tạp hóa, tạp phẩm, các đồ gia dụng, vật dụng trong gia đình. Hoạt động buôn bán này là nhỏ lẻ nhưng góp phần phục vụ và cải thiện cuộc sống gia đình.

Không chỉ buôn bán nhỏ lẻ tại các gia đình, địa phương mà một số gia đình đã

giao lưu buôn bán với các địa phương khác để thu nhập ngày càng cao hơn và nâng cao mức sống gia đình.

◆ Các nghề phụ khác: Nông nghiệp là ngành chiếm tỉ trọng lớn hơn cả, so với các ngành khác thì nông nghiệp vẫn chiếm khoảng 70%, dịch vụ chiếm khoảng 10%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ lẻ chiếm khoảng 20%. Vì nơi đây tập trung một số khu công nghiệp như: Khu công nghiệp Đại An, khu công nghiệp Phúc Điền, khu công nghiệp Tân Trường, một số nhà lớn như: Công ty giày Cẩm Bình, nhà máy lắp ráp ô tô Ford, công ty may Venture, công ty chế biến rau quả thực phẩm Vạn Đắc Phúc. Đã thu hút lượng công nhân lớn làm việc tại đây. Hàng năm giải quyết hàng nghìn việc làm cho hàng nghìn công nhân. Từ đó đời sống của nhân dân được nâng lên đáng kể.

Một số nghề truyền thống của vùng được nhân dân giữ gìn và phát triển như: Chạm khắc gỗ mỹ nghệ Đông Giao, rượu Phú Lộc, nghề giết mổ trâu bò, nghề xay sát gạo. Nó không chỉ nâng cao mức sống cho người dân mà hơn cả là nét văn hóa truyền thống của miền đất Cẩm Điền này được giữ gìn và phát triển lên một tầm cao mới. Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương đang đầu tư vốn cũng như kĩ thuật để đưa vùng đất này đi theo con đường công nghiệp hóa, không chỉ giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương mà còn làm tăng thu nhập của quốc gia.

2.1.2.2 Đời sống văn hóa – xã hội.

Hòa cùng với sự phát triển chung của đất nước, sự phát triển của nền kinh tế, đời sống văn hóa xã hội của cư dân nơi đây - miền quê Cẩm Điền ngày càng được cải thiện về số lượng và chất lượng, được thể hiện qua tất cả các mặt:

◆ Về giáo dục: Được sự quan tâm giúp đỡ của chính quyền địa phương, chất lượng dạy học ở cả 3 cấp được nâng lên một cách rõ rệt. Toàn xã có một trường mầm non chung chăm sóc và nuôi dạy trẻ ở đây từ sáng đến tối mới về nhà, được sống trong môi trường bạn bè, hòa nhập ngay từ bé, giúp các bé

năng động và sáng tạo hơn.

Ngoài ra có một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, một trường trung học cơ sở, đi lên khoảng 5 km thì có một trường Trung học phổ thông, đây là trường diêm của huyện, hàng năm có biết bao cử nhân ra trường và đã từng học tập dưới mái trường này.

Không chỉ có chính quyền địa phương quan tâm đầu tư mà gia đình cũng đã hết sức quan tâm đến việc học hành của con cái, từ đó đã tạo mối quan hệ giữa nhà trường – gia đình – xã hội ngày càng chặt chẽ.

Cả xã không còn tình trạng mù chữ, trẻ em ai cũng được học hành và quan tâm, xã đã hoàn thành phổ cập trung học.

Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, được đào tạo qua trường lớp, có kiến thức, kinh nghiệm trong giảng dạy sẽ là những người dẫn đường tận tụy cho các em trong bước đường mới này.

◆ Về văn hóa – thông tin: Toàn xã cũng như các thôn có hệ thống loa truyền thanh, tuyên truyền thông tin tới nhân dân trong vùng. Các công tác thông tin tuyên truyền về cơ bản phục vụ được cho các nhiệm vụ chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương, truyền bá chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước và các qui định của địa phương để nhân dân biết mà thực hiện.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng ở các thôn trong xã được quan tâm đầu tư và nhân dân hăng hái tham gia góp phần cải thiện đời sống tinh thần của người dân, hạn chế các tệ nạn xã hội xảy ra trong thôn xóm. Các ngày lễ kỉ niệm của địa phương đều tổ chức các hội diễn văn nghệ quần chúng, được địa phương đầu tư kinh phí, nhân dân có thời gian nghỉ ngơi sau những giờ làm việc vất vả.

Các hoạt động lễ hội, tôn giáo được đi vào nề nếp ổn định nhân dân tôn sùng cái thuần phong mỹ tục của cha ông để lại nhưng không mê tín dị đoan, các hủ tục được đẩy lùi. Lễ hội lớn tại đây là lễ hội Văn miếu Mao Điền được tổ chức 2 năm một lần vào ngày 18/2 và 20/8 âm lịch hàng năm, hội rước thần

hoàng làng tại các thôn trong xã đều được tổ chức một năm một lần thu hút nhiều khách địa phương khác và con cháu từ mọi miền quê về đây để tham gia vào lễ hội truyền thống của làng với mong ước sức khỏe dồi dào, làm ăn phát đạt, gia đình yên ấm từ đó mùa màng bội thu, đời sống được cải thiện.

◆ Công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình: Hệ thống trạm y tế của xã để khám chữa bệnh, cấp thuốc cho nhân dân được cải thiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, chú trọng không để dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, ngăn ngừa phòng tránh cho nhân dân nên các dịch bệnh cúm như: Cúm gia cầm, dịch sán, dịch nở mồm long móng ...không bị lây lan, 100% các cháu dưới 1 tuổi ở độ tuổi tiêm chủng đều được đi tiêm phòng bệnh vacxin. Các hộ sinh con thứ 3 đã hầu như không còn, mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh từ 1 – 2 con để nâng cao mức sống và nuôi dạy con cho tốt.

◆ Công tác quốc phòng, an ninh chính trị: Đảng ủy xã luôn quan tâm công tác trật tự, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ Quốc, đấu tranh phòng ngừa trấn áp tội phạm. Vì vậy công tác quốc phòng an ninh chính trị luôn được giữ vững, về cơ bản luôn ổn định và không để xảy ra các vụ việc nghiêm trọng, các điểm nóng phức tạp

Tại các thôn có đội ngũ an ninh trật tự tại thôn, tại trung tâm ủy ban xã luôn có nhân viên an ninh trực 24/24 để giữ bình yên cho làng xã và không để vụ việc gì xảy ra nghiêm trọng trên địa bàn. Đời sống an ninh được ổn định nhân dân được yên tâm hơn để tích cực tham gia lao động sản xuất, tăng thu nhập của người dân.

2.1.3 Lịch sử hình thành lý sở Mao Điền - Cẩm Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương.

Lý sở chính là trụ sở của Hải Dương xưa kia. Việc hình thành lý sở Mao Điền có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành văn miếu Mao Điền.

Khảo cứu vị trí, qui mô, lý sở các địa phương có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình nghiên cứu lịch sử - chính trị - kinh tế và văn hóa xã hội của địa phương đó qua các thời kỳ lịch sử. Đó là việc khó khăn ở Việt Nam, một

đất nước luôn biến động do thiên tai, thời tiết, khí hậu và qua cả lửa đạn. Các triều đại phong kiến Việt Nam, đã nhiều lần thay đổi, di chuyển định đặt quân doanh, lý sở cho phù hợp với các mục tiêu quân sự - chính trị - kinh tế của mình. Mặt khác do trình độ chưa cao của xã hội, dấu ấn các lý sở của chính quyền phong kiến các cấp hầu như không còn nhiều cho đến ngày nay. Khi thời cuộc thay đổi chúng lại bị tàn phá bởi chiến tranh, bởi các mục đích khác nhau của con người. Đất nước chậm phát triển, thiếu thốn nguyên vật liệu dẫn đến tình trạng “giật gấu vá vai” khá phổ biến.

Tiêu biểu trong số đó là cuộc cải cách ruộng đất, nhiều đền chùa đình miếu, gia môn của địa chủ, cường hào bị phá chia về cho bản cổ nông. Dấu cũ thành xưa qua thời gian thay đổi, việc khảo cứu muôn mặt chỉ mang tính tương đối mà thôi. Việc khảo cứu lý sở của trấn Hải Dương có liên quan đến việc xây dựng, định đặt văn miếu của bản trấn qua các giai đoạn lịch sử. Chính vì điều đó mà mặc dù có rất ít tư liệu trong thư tịch tài liệu lẫn thực địa chúng tôi vẫn đặt lý sở trấn Hải Dương qua các giai đoạn lịch sử với ý định sâu chuỗi việc hình thành và biến đổi của Văn miếu Mao Điền(12:9).

Theo giáo Sư Đào Duy Anh trong cuốn sách: “Đất nước Việt Nam qua các đời”, khi nghiên cứu xã hội Việt Nam thời Lê có viết: “Lê Hoàn sau khi lên ngôi phân phong cho các con ra trấn các địa phương. Năm 989, Lê Hoàn phong Thái tử Thau làm Kinh Thiên Đại Vương ở kinh đô(Hoa Lư), cho con thứ hai là Ngân làm Đông Thành Vương có lẽ cho ở đất phía đông kinh thành, cho con thứ ba là Việt làm Nam Phong Vương có lẽ cho đất ở nam kinh thành. Năm 991 phong cho con thứ tư là Đinh làm Ngự Man Vương đóng ở Phong Châu, cho con thứ sáu là Cấn làm Ngự Bắc Vương đóng ở trại Phù Lan nay là xã Phù Vệ huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương. Năm 992, phong cho con thứ năm là Đĩnh làm Khai Minh Vương đóng ở Đằng Châu(tức huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên) sau này thành vua Lê Long Đĩnh – Lê Ngọa Triều. Năm 993 phong cho con thứ bảy là Tung làm Định Thiên vương đóng ở thành Tử Dinh trên sông Ngũ huyện(Đông Anh – Yên Phong - Bắc Ninh), con thứ

tám là Trương làm Phó Vương đóng ở sông Đỗ Động (tức là sông Nhuệ), con thứ 9 là Kinh làm Trung Quốc Vương đóng ở Càn Đà (nay là Tiên Lữ - Hưng Yên). Năm 994 cho con thứ 10 là Mang làm Nam Quốc Vương đóng ở Thanh Hóa, năm 995 phong cho con thứ 11 là Đề làm Hành Quân Vương đóng ở châu Cổ Lãm (Từ Sơn - Bắc Ninh). Cho con nuôi làm Phù Đổng Vương, đóng ở Phù Đổng vương (nay là xã Phù Đổng - Vĩnh Bảo - Hải Phòng (27:114,115). Vậy theo như cuốn sách thì trên địa bàn Hải Dương lúc bấy giờ có ít nhất 2 lý sở của Ngự Bắc Vương và Phù Đổng Vương.

Trong cuốn “Đại Việt địa dư toàn biên” của Phương Đình Nguyễn Văn Siêu ghi: “Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) gọi là tỉnh Hải Dương, đặt chức Hải Yên Tổng đốc cai trị 2 tỉnh Hải Dương và Quảng Yên. Tỉnh lý thì đầu nhà Lê ở Mặc Động – Chí Linh, sau rời đến Mao Điền huyện Cẩm Giàng. Bản triều năm Gia Long 3 (1804) rời đến Hàm Giang. Nửa sau thế kỷ XVIII, ở làng Đan Loan, huyện Đường An, phủ Bình Giang có 1 khảo cứu khả chi tiết về mảnh đất Hải Dương trong một tác phẩm là “Vũ trung tùy bút” đã viết rằng: “xứ Hải Dương ta đất cát nhiều, nơi sỏi đá ít có lợi sông nước chuôm chằm, so với các trấn khác thực kém nhiều. Nhưng được cái địa thế phẳng mà mạch sơ, nước chua mà hơi lạt, nguyên không phải là cõi lam chướng. Từ đời Tần – Hán trở xuống, xứ Hải Dương ta đã cùng với đất Long Biên, quận Phong Châu đều được nhiệm cái phong hóa Hoa Hạ. Đời Tiền Lê có đặt ra Hải Dương đô đốc Bình sứ ty, lấy Chí Linh làm trụ sở. Người nhà Minh lập tòa Đô ty cũng đóng ở Chí Linh trên địa phận của một tòa thành cổ - thành Phao Sơn. Thành được đắp dưới thuộc Minh, triều vua Vĩnh Lạc, lấy nơi cổ thành mà chống nhau với quân nhà Lê hàng năm không hạ được. Mãi đến khi tòa Tam ty ở thành Đông quan giảng hòa xong lại được toàn quân đem về Trung Hoa, đời Lê Trung Hưng cũng lấy nơi ấy làm nơi trấn ty trị sở. (12:10).

Những năm tháng sôi động của Khởi nghĩa nông dân thế kỷ thứ XVIII, vùng đất sứ đông là trung tâm của nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ. Trong cuốn “Việt Sử thông

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

giám cương mục” có ghi :Lúc ấy Nguyễn Tuyển,Nguyễn Cừ và Nguyễn Diên dấy quân lâu ngày, thanh thế trở lên lừng lẫy, họ thúc dục dân chúng quạt mạnh lửa chiến tranh ở quăng các phủ Từ - Thuận - Hồng – Sách, đi đến đâu dân ở đấy hưởng ứng theo, Nguyễn Cừ chiếm Đồ Lâm thuộc Gia Phúc,Nguyễn Tuyển chiếm cứ Phao Sơn thuộc Chí Linh đồn lũy liên tiếp nhau, mỗi người đều có hàng vạn quân.Nhiều lần các tướng(Lê - Trịnh) đánh phá càn quét nhưng không thắng được.

Do áp lực của cuộc khởi nghĩa nông dân, quân triều đình Lê - Trịnh nhiều phen đại bại, phải rời trấn lý về trụ sở trấn lý về Mao Điền.Tùng Niên Đông dã Tiều Phạm Đình Hổ viết tiếp: Nguyễn Tuyển có đem quân lừa bắt quan trấn tướng rồi chiếm lấy trấn thành làm phản.Triều đình sai hai đại tướng là Bính Quận Công Vũ Tất Thận và Trình Quận Công Hoàng Công Kỳ đem theo 7 cơ binh, 7 con voi mà vẫn trụ ở vùng Yên Nhân – Yên Phú, không dám tiến quân lên, đành bỏ nơi quê hương Mi Thự (Đường an - Hải Dương), bị giặc đốt phá tàn hại mà không dám đuổi đánh.Sau đó lại phải rời trấn lý đến lang Mao Điền thuộc huyện Cẩm Giàng nơi cách kinh đô 1 ngày đường, ý là muốn gần nơi viện trợ, tiện việc chạy trạm cho nhanh chóng mà thôi. Tháng 7 năm Nhâm Tuất (1802) có quan Ngô Hầu người Thanh Chương là Hiệp trấn ở đó, ta (Phạm Đình Hổ) mới từ kinh đô về yết kiến. Ta có đi xem chung quanh trấn thì thấy đất liền đồng bằng gần một con sông nhỏ, trông lên phía Bắc Giang thì địa thế cao dần không khác gì trên thềm trông xuống sâu, phía Cẩm Giàng thì hẹp, không phải là nơi buồm tàu tụ họp. Ôi định đô đặt trấn mà chỉ lấy cho gần nơi thanh viện, tiện việc chạy trạm, không để ý đến việc thủ sau này thì sao có thể không chế sơn hải, hộ vệ cho trấn bang kỳ được.Ta nhân cảm hứng có thơ rằng:

Phiên âm:

Hồng Lộ thượng du Hải Dương trấn.

Y y cố thú điểm hàn điều

Đế kỳ vệ rục chiêm y cận

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

Hải quốc quan hà khổng ngự diêu.
Lao lạc thanh hàm Mao bố nguyệt
Hồi hoàn lục trưởng Cẩm Giàng kiều
Sa bình dã khoát nhân ngâm diêu
Di thuốc tàn qua tích vị tiêu.

Dịch nghĩa:

Trần sở Hải Dương trên Hồng Lộ
Đồn canh vắng vắng tiếng chuông pha
Kinh vua vệ dục đường gân dậm
Mặt bể quan hà dậm thẳng xa.
Bóng nguyệt xóm Mao trong vắt đứng
Nhịp cầu sông Cẩm thăm mù qua
Cánh đồng man mác khi nhà ngóng
Nợ cuộc can qua dấu chữa nhà(12:11)

Trần lý Hải Dương lúc này đóng ở gần bến sông thuộc xã Mao Điền và xã Vân Đậu(tục gọi là Dinh Đậu) sau mới chuyển về Hàm Giang(thành phố Hải Dương ngày nay).Việc định trấn tại Mao Điền tạo ra một khu phố tương đối sầm uất gọi là phố Mao đã trở thành một điểm cư trú, trung chuyển của các khách buôn người ngoại quốc từ ngoài vào buôn bán ở kinh đô Thăng Long. Để kiểm soát việc đi lại, buôn bán của tầng lớp thương nhân ngoại quốc này.Ngày mùng 9 tháng 12 năm Đinh Dậu triều vua Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717), phủ liêu vâng mạng truyền rằng : “Phàm các khách buôn người nước ngoài hễ ai do đương thủy đến thì cho phép cư trú ở Vạn Triều (tức là Vạn Lai triều Phố Hiến)ai do đường bộ đến thì cho phép cư trú ở dinh Điều Diêu. Còn những ai từ trước cư trú đã lâu ở các phố xá như phố Mao Điền thuộc Hải Dương, phố Bắc Cạn thuộc Thái Nguyên, phố Kỳ Lừa thuộc Lạng Sơn, phố Vạn Minh thuộc An Quảng và phố Mục Mã thuộc Cao Bằng đều cho phép được cư trú như cũ.

Sự tồn tại của phố Mao còn kéo dài đến tận những năm giữa những năm

thế kỉ XX, nơi diễn ra các hoạt động kinh doanh buôn bán khá sầm uất, nó chỉ mờ nhạt khi các đô thị khác ở cạnh phát triển như : Quán Gỏi , thị trấn Sắt – Lai Cách - Hải Dương ...

Lỵ sở Mao Điền được hành thành qua các thời kỳ lịch sử . Điều đó chứng tỏ nơi đây có một địa thế đẹp và hội tụ các yếu tố phong thủy hài hòa .Từ đó tạo nên nét văn hóa , bản sắc riêng của miền đất Mao Điền ngàn năm văn hiến .

2.2.Giá trị văn hóa của Văn Miếu Mao Điền - Hải Dương

2.2.1.Truyền thống và thành tựu Nho học trên đất Hải Dương

Là một nội trấn trong tứ trấn xung quanh kinh đô Thăng Long xưa ,tỉnh Đông - trấn Hải Dương xưa là một vùng cổ tích và văn vật , nơi sinh thành và phát triển của biết bao “ Văn thần – Võ tướng ” qua các triều đại .Trong suốt thời kỳ phong kiến ,mảnh đất xứ Đông này không thời nào không có người khoa cử đỗ đạt ,làm quan trong triều .

Mảnh đất này giao thông vô cùng thuận lợi đã tạo điều kiện thông thương với các vùng bên cạnh.

Ngược dòng thời gian ,ngược nguồn lịch sử chúng ta về lại với vùng đất đã sản sinh ra những con người “ ngoại hạng ” của lịch sử dân tộc , những con người đã cống hiến trí tuệ ,tài năng ,sức lực của mình vào công cuộc xây dựng đất nước qua trường kỳ lịch sử .Trong thời kỳ phong kiến tự chủ ,Hải Dương đã có tới hơn 600 người đỗ đại khoa qua các khoa thi , đây là một con số không lớn nhưng so với con số gần 3000 nhà khoa bảng trong cả nước thì lại khá lớn , nó lại có ý nghĩa hơn đối với một tỉnh đồng bằng ,chiêm chũng luôn phải đối phó với cảnh cơ hàn “ Chiêm khô – Mùa thối ” của đồng bằng châu thổ sông Hồng .Chính mảnh đất này đã sản sinh ra những con người tài hoa ,lỗi lạc, tài năng xuất chúng .Một lưỡng quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi người nổi danh với những vần thơ phú trong đó có bài : Ngọc tỉnh liên phú (Bài phú hoa sen trong giếng ngọc) và những câu đối thông minh sắc sảo trong lần đi xứ Trung Hoa . Một tiến sĩ Phạm Tử Hư thời Lý Cao Tông ,quê xã

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

Nghĩa Phú (Cẩm Giàng) nay còn gò Đại triều thờ ngài còn có đôi voi đá, tương truyền do vua Lý Huệ Tông ban cho . Truyện truyền rằng, khi vua ban cho đôi voi đá , dân trong vùng nô nức đi kéo voi về làng Nghĩa Phú để thờ , voi nặng , đường mưa trơn , mọi người miệt mài kéo , có khi ngã chổng gọng trên đường . Giai thoại kéo voi đá vua ban còn để lại hai làng Mài và làng Gọng hiện ở xã Trung Chính , huyện Gia Lương - Bắc Ninh hiện nay . Cùng với gò Đại triều là “ Bia Ông Học ” , tương truyền là lăng mộ của tiến sĩ họ Phạm . “Bia ông Học ” là một gò đất nổi giữa cánh đồng ở phía tây làng Nghĩa Phú – xã Cẩm Vũ - Huyện Cẩm Giàng - Tỉnh Hải Dương , trên gò có một tấm bia đá , truy lập dưới thời vua Thiệu Trị nhà Nguyễn (năm 1846) trên bia ghi rõ “Ông Nhật truy tôn đoan phương khả chính củ Phạm tiên sinh ” . Bên cạnh “ Bia Ông Học ” là “ Giếng Viêt ” (tương truyền là nơi lấy nước giếng mài mực để viết) , “ Gò Nghiên ” giữa Đầm Lốc chính là chiếc nghiên mực ngày xưa . Dấu tích còn đây đã đi vào huyền thoại nhưng tên tuổi tiến sĩ đã đi vào sử sách không thể nào phai. Vùng đất Hải Dương nằm giữa vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ là một vùng “ Thuần nông – Xa rừng –Nhật biển” , (PGS.TS Ngô Đức Thịnh) Người nông dân quanh năm “ Bán mặt cho đất ,bán lưng cho gò ” nhưng họ rất hiếu học, cha mẹ dồn sức cho ăn con ăn học với ước vọng đổi đời thoát cảnh “ Cỏ cày, vai bừa ” “ Chân nắm , tay bùn ” thoát khỏi thân phận người nông dân nghèo khổ, dốt nát ,cơ cực cả về thể xác lẫn tinh thần . Là những người có học nên họ thường ham chữ nghĩa nhất là chữ thánh hiền và cao hơn nữa là đạo thánh hiền (đạo Nho) .Cũng từ đây nảy sinh tâm lý yêu quý , kính trọng người có học (đặc biệt là người thầy) những người đỗ đạt là thành quả của những năm tháng miệt mài , đèn sách là công lao của gia đình , dòng tộc và chính họ lại làm rạng rỡ cho bản thân ,gia đình quê hương dòng tộc . Khi nhắc đến truyền thống Nho học ở hải Dương không thể không nhắc đến làng tiến sĩ Mộ Trạch (tên Nôm là làng Chằm) xã Tân Hồng - Huyện Bình Giang . Ở làng đã có tới 37 tiến sĩ qua 3 triều đại : Trần , Mạc , Lê chưa kể tú tài , cử nhân và các học vị tương đương

khác .Dân gian trong vùng đã bao đời truyền tụng câu ca “ Chó làng Chăm cắn ra chữ , chó làng Nhữ cắn ra thóc , chó làng Đọc cắn ra tiền ” , cả 3 làng Chăm , Nhữ , Đọc là tên Nôm của những làng thuộc huyện Bình Giang , Hải Dương . Làng Chăm - Mộ Trạch do Vũ Hồn , Thứ Sử Giao Châu (825) sau Thăng Anam đô hộ phủ (841) lập ấp ,sau khi ông chết được thờ làm thành Hoàng làng . Vũ Hồn vốn dòng dõi người Hoa (Cha) kết hợp với dòng máu Việt (mẹ) để rồi sau đó con cháu ông và các dòng họ khác ở Mộ Trạch nổi đời khoa bảng đỗ đạt hiển vinh . Nhiều người trở thành đại quan trong triều như : Vũ Duy Chí, Vũ Hữu, Lê Nại ... Những tiến sĩ trạng nguyên của Mộ Trạch không chỉ nổi tiếng về thơ văn mà còn nổi tiếng về các lĩnh vực khác như : Toán học . Có Hoàng Giáp Vũ Hữu đỗ khoa Quý Mùi (1463) đời vua Lê Thánh Tông từng làm quan thượng thư 5 bộ rất giỏi toán được vua Lê khen là “ thần toán” để lại cho đời sau tác phẩm “đại thành toán pháp” như Trạng cờ Vũ Huyền , Trạng chạy Vũ Công Trụ và Trạng ăn Lê Nại . Trong dân gian còn truyền bài tự tán của “ Trạng ăn” “ Mộ Trạch tiên sinh dĩ thực vi danh , thập bát bát phạn , thập nhị bát canh . Khôi nguyên cập đệ, danh quán quần anh . Sức chi dã cự , phát chi dã hoành” (Mộ Trạch tiên sinh , về ăn nổi danh : 18 bát cơm , 12 bát canh . Khôi nguyên thi đậu , danh trùm quần anh , chứa vào to lớn , phát ra rộng thênh (12: 31) .

Ngoài làng tiến sĩ Mộ Trạch nổi tiếng kể trên , Hải Dương còn có nhiều làng nổi danh khoa bảng , trong đó phải kể đến các làng như : Nghĩa Phú (Cẩm Vũ - Cẩm Giàng) nơi có nhiều tiến sĩ và đặc biệt là nơi sinh thành một thiền sư , đại danh y Tuệ Tĩnh (tức Nguyễn Bá Tĩnh) đỗ thái học sinh dưới triều Trần Dụ Tông nhưng không ra làm quan ông về tu ở chùa Nghiêm Quang , làm thuốc chữa bệnh cho nhân dân , từng bị bắt cống sang Trung Hoa, vua quan nhà Minh cảm phục tài năng của ông gọi ông là “ Hoa đà tái thế” , hiện còn ở làng có ngôi đình xưa mang tên “ nam dược thánh từ” (đền thờ thánh thuốc nam) . Làng Xạ Sơn , xã Quang Trung – Huyện Kinh Môn , một làng được công nhận là làng văn hóa đầu tiên của tỉnh Hải Dương có tới

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

17 vị đỗ đạt khoa bảng trong đó có tiền sĩ Nguyễn Tự Thái làm Thượng thư bộ lễ dưới triều vua Lê Thánh Tông , Phạm Hoàn Tài - Tiến sĩ thời Mạc , Nguyễn Sứ , Nguyễn Trung Hiếu đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ , ngoài ra còn có 13 vị khác . Một làng văn hóa nữa cần phải nhắc đến là làng Đan Loan , xã Nhân Quyền , huyện Bình Giang , tục gọi là làng Đọc , nơi có nghề nhuộm cổ truyền , 170 gia đình thợ nhuộm quê gốc ở Đan Loan đã ra Hà Nội sinh cơ lập nghiệp ở phố Hàng Ngang – Hàng Đào từ bao đời . Nay ở số nhà 9A phố hàng Đào còn có ngôi đình thờ Triệu Xương – Thành hoàng làng của làng Đan Loan nguyên An Nam đô hộ , tương truyền là người truyền dạy dân làng Đan Loan dệt nhuộm . Hiện miếu tại đây còn thờ 9 bậc khoa bảng của làng trong đó phải kể đến Thám Hoa Bùi Thế Vinh khoa Canh Thìn (1580) ông là người khai khoa cho làng . Thám Hoa Vũ Văn Thạnh đậu khoa Ất Sửu (1652) tiến sĩ Vũ Huyền , đậu khoa Nhâm Thìn (1652) , tiến sĩ Đào Đức Vũ tức Đào Tông Hương đỗ khoa Nhâm Thìn (1712) , tiến sĩ Vũ Văn Trấn (tức Vũ Trần Tự) đậu khoa Kỷ Mùi (1739) và nhiều cử nhân tú tài khác . Theo gia phả dòng họ Vũ ở Đan Loan 2 ông Vũ Văn Huyền và Vũ Văn Huy là hai chú cháu cùng đỗ khoa Nhâm Thìn (1652) (19: 32) . Có thể nói Hải Dương là một trong những tỉnh có số lượng tiến sĩ nhiều nhất nhì trong cả nước . Theo thống kê của ông Tăng Bá Hoành – Giám đốc bảo tàng Hải Dương thì số lượng tiến sĩ cũ của Hải Dương:

Nam Sách : 104 tiến sĩ (huyện Thanh Lâm xưa)

Bình Giang :100 tiến sĩ (huyện Đường An xưa)

Cẩm Giàng : 52 tiến sĩ

Gia Lộc :48 tiến sĩ

Tứ Kỳ :46 tiến sĩ

Thanh Hà : 29 tiến sĩ

Chí Linh :47 tiến sĩ

Thanh Miện : 19 tiến sĩ

Kinh Môn : 15 tiến sĩ

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

Kim Thành : 14 tiến sĩ (nay cắt về Quảng Ninh)

Đông Triều : 2 tiến sĩ

Đường Hào: 50 tiến sĩ (nay cắt về Hưng Yên)

Vĩnh Lại : 77 tiến sĩ (nay cắt về Hải Phòng)

Theo danh sách tiến sĩ nho học trấn Hải Dương (1075 – 1919), dự kiến
khắc bia có ghi:

Triều Lý (1010 – 1225) có 4 người

Triều Trần (1226- 1400) có 224 người

Triều Hồ (1400 – 1407) có 1 người (Nguyễn Trãi – Thái Học sinh)

Triều Lê Sơ (1428 – 1527) có 289 người

Triều Mạc (1527 – 1788) có 138 người

Triều Nguyễn (1802 – 1945) có 21 người

Trong đó có Nguyễn Hoàng ở Ngọc Tài - Ngọc Kỳ - Tứ Kỳ (chưa rõ
năm đỗ và tuổi, học vị đệ Tam giáp.

Như vậy vào thời điểm thành lập tỉnh Hải Dương (1831) số lượng tiến sĩ
của Hải Dương lên tới 603 người, Mảnh đất xứ Đông xưa cũng còn là quê
hương đã sản sinh ra người nữ tiến sĩ duy nhất trong lịch sử khoa bảng thời
phong kiến của Việt Nam : Tinh phi Nguyễn thị Duệ, người Kiệt Đặc – Chí
Linh - Hải Dương, người đương thời gọi là Bà chúa Sao Sa.Hải Dương còn là
quê hương của khá nhiều danh nhân nổi tiếng trong lịch sử dân tộc như
Lưỡng quốc Mạc Đĩnh Chi, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm - Người nổi
danh “thần cơ diệu toán” với những câu sấm ký còn truyền mãi về sau, hay
văn thơ như Chiêu Hồ từng xưng họa “ăn miếng trả miếng” cùng Hồng Hà
nữ sĩ họ Đoàn.

Có thể nói, Hải Dương tỉnh đồng bằng nằm giữa khu vực đồng bằng
châu thổ Bắc Bộ là một tỉnh có truyền thống học hành, khoa bảng. Đó là
chúng ta mới chỉ nhắc đến những người xuất thân khoa bảng, theo đòi nghiệp
văn chương nho học, ra làm quan trong triều chứ chúng ta chưa nhắc tới
những con người theo nghiệp võ như: Phạm Lệnh Công đời Ngô, Phạm Cự

Lượng (Lạng) Đồi Tiên Lê đã giúp Lê Hoàn lên ngôi cửu ngũ, anh dũng phạt Tống, xử kiện anh minh và biết bao danh nhân văn hóa, danh nhân lịch sử mà cuộc đời và sự nghiệp của họ đã từng gắn chặt với mảnh đất này như Trần Hưng Đạo - Nguyễn Trãi – Chu Văn An...Mảnh đất chứa đựng biết bao giá trị văn hóa, lịch sử của một dân tộc anh hùng.

2.2.2 Giá trị văn hóa vật thể

2.2.2.1 Lịch sử xây dựng và quá trình tồn tại của Văn miếu Mao Điền

Là một tỉnh có truyền thống hiếu học trọng người hiền tài như nhiều nơi khác trong cả nước, Hải Dương sớm có một hệ thống di tích thờ tự Nho học, tôn vinh những người khoa bảng đỗ đạt, đứng đầu hệ thống di tích thờ tự đó phải kể đến Văn Miếu Mao Điền. Văn miếu Mao Điền hiện nay nằm ở phía Đông Bắc của làng Mao(hay còn gọi là làng Mậu Tài) thuộc xã Cẩm Điền - huyện Cẩm Giàng - tỉnh Hải Dương, Văn miếu nằm ở phía Bắc con đường quốc lộ 5 chừng 200m, cách thủ đô Hà Nội 40km về phía Đông và cách thành phố tỉnh Lý Hải Dương về phía Tây chừng 16km, rất thuận lợi về mặt giao thông.

Tuy hiện nay Mao Điền chỉ là một làng bình thường như bao làng khác của tỉnh Hải Dương, nhưng nơi đây đã có một thời gian dài trong lịch sử từng là trấn thành lỵ sở của trấn Hải Dương xưa kia.

Việc đặt đô, định trấn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các mặt, chính trị - quân sự - giáo dục - văn hóa xã hội và tín ngưỡng tôn giáo của một quốc gia, hay một vùng đất nào đó.Chính vì vậy mà khi lỵ sở trấn Hải Dương đặt ở Mao Điền trong khoảng thời gian thế kỉ XVIII thì nơi đây cũng xuất hiện một công trình được dựng lên để thờ tự ông tổ Nho học là Khổng Tử với qui mô cấp trấn xứ, đó là Văn miếu Mao Điền – Văn miếu trấn Hải Dương.

Ở Việt Nam chúng ta, riêng về hệ thống di tích thờ tự của Nho giáo chỉ có Văn Miếu - Quốc Tử Giám có lịch sử xây dựng sớm nhất. Qua quá trình khảo cứu, nghiên cứu thư tịch – tài liệu và thực tế cho thấy : Kể từ năm 1070 đến khi có lệnh của Thượng thư Hoàng Phúc vào tháng 9 năm Giáp Ngọ

(1414) bắt các phủ châu huyện lập văn miếu và đền thờ xã tắc...trên địa bàn cả nước hầu như không có một văn miếu nào được xây dựng. Nếu có một di tích Văn miếu Nào ngoài Văn miếu Hà Nội thì niên đại sớm nhất của nó cũng chắc chắn không vượt trước 1414. Văn miếu Mao Điền – Văn miếu trấn Hải Dương cũng không nằm ngoài mốc thời gian đó.

Việc truyền bá Nho giáo được thể hiện trước hết và tập trung nhất ở việc lập trường học và lập trường thi chọn nhân tài. Việc tôn xưng, tôn vinh Nho giáo hiện ở việc lập Văn miếu – Văn chỉ - Từ chỉ thờ các ông tổ của Nho học và các bậc tiên hiền, khoa bảng. Như vậy, truyền thống trọng người hiền tài, trọng kẻ sĩ được tiến hành theo các bước : sinh người, nuôi người, dạy người, tuyển người, dùng người và trân trọng tôn vinh người.

Qua khảo sát bước đầu hệ thống di tích thờ tự Nho học ở Việt Nam, chúng tôi nhận thấy rằng : Mặc dù có lệnh của nhà Minh vào năm 1414 bắt các địa phương phải lập Văn miếu ở các phủ, châu, huyện nhưng có lẽ lệnh này chưa được thực hiện triệt để bởi các lý do sau đây:

Kỷ thuộc Minh(1400 – 1428) là khoảng thời gian nhà Minh cố tình đẩy nhanh việc đồng hóa dân Việt bằng mọi thủ đoạn kể cả những thủ đoạn độc ác nhất, nhưng chúng đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của nhân dân ta ở khắp mọi nơi, trên mọi lĩnh vực cả từ quân sự đến tinh thần, ý hệ...

Nhà Minh phải lo đối phó với các cuộc khởi nghĩa giành độc lập dân tộc của nhân dân ta, không đủ sức thực thi các chính sách, chính lệnh của chúng đã ban ra.

Nho giáo, Nho học đương thời phát triển chưa đủ mạnh trên tất cả các địa phương của chúng ta, vai trò, uy tín của Nho học và giới Nho sĩ chưa thật “có sức nặng” đối với xã hội dẫn đến việc chậm đề cao Nho giáo – Nho học – Nho sĩ.

Đằng sau vòng hào quang rực rỡ của Phật giáo thời Lý - Trần, người dân Việt vẫn còn đang “Nặng lòng” hoài cổ, đổi thay chính sự thì nhanh, nhưng đổi thay tinh thần, ý thức hệ thì chậm. Tình bền vững của văn hóa câu tâm lý

người Việt là vậy, do đó Nho giáo cũng phải chờ có thời gian, điều kiện.

Để cho sự nở rộ của hệ thống Văn miếu hàng tỉnh được hài hòa trong cả nước với một qui mô thống nhất.Năm Mậu Thìn – Gia Long thứ 7(1808) bộ Lễ đã ra qui định thống nhất cho các tỉnh như sau: “...Chính đường 3 gian 4 trái, Tiền đường 5 gian 2 trái, phía hữu dựng đền Khải Thánh 3 gian 2 trái.Như vậy chúng ta có thể khẳng định : Hệ thống Văn miếu hàng tỉnh chỉ thực sự phát triển vào giai đoạn cuối Lê, đầu Nguyễn và Văn miếu Mao Điền – Văn miếu Trấn Hải Dương cũng không nằm ngoài giai đoạn đó(12:37)

Sự ra đời của Văn miếu trấn Hải Dương gắn với việc đặt trấn ly Hải Dương.Như chúng ta đã biết ly sở trấn Hải Dương được “Đại Nam nhất thống chí chép như sau: Đồi Lê Quang Thuận, ly sở của trấn ở xã Mặc Động (tục gọi là Dinh Lê) huyện Chí Linh, sau rời đến xã Mao Điền(tục gọi là Dinh Dậu) huyện Cẩm Giàng, năm Gia Long thứ 3(1804) rời đến chỗ hiện nay (tục gọi là trấn Hàm).Trong sách “Hải Dương di tích và danh thắng”có dẫn lời chép trong sách “Hải Dương dư địa chí” viết năm Thành Thái thứ 4(1892)ghi: Văn miếu trấn Hai Dương, nguyên ở xã Vĩnh Lại - huyện Đường An, có 3 gian chính tẩm, 5 gian bái đường...”Hiện nay từ Văn miếu Mao Điền đi về phía Nam 500m, qua đò Vân Dậu sang đất Vĩnh Lại.Tại làng Vĩnh Lại còn có một nền đất cổ, theo lời dân truyền rằng đây là nền móng Văn miếu xưa(12:37).

Qua những thông tin trên, đối chiếu với một và thư tịch, tài liệu bia ký khác, có thể thấy rằng: Trấn ly Hải Dương được rời từ Mặc Động - Chí Linh về Mao Điền - Cẩm Giàng khoảng những năm Long Đức(1732 - 1735) Vĩnh Hựu (1735 - 1740).Vậy rất có thể Văn miếu Hải Dương được dựng sau 1740 ít lâu.Căn cứ vào tấm bia : “Tân Dậu trọng thu cốc nhật tạo”.tại Văn miếu.Tấm bia không đề niên hiệu nhưng căn cứ vào hoa văn trang trí trên bia, kiểu dáng, kích thước bia, chúng tôi cho rằng tấm bia được lập dưới thời Tây Sơn, rất phù hợp với nội dung ghi trên bia: “... quốc gia thống nhất từ Bắc đến Nam, việc giáo hóa học hành phát triển lớn mạnh.Mùa xuân năm Canh

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

Tuất (1790) tiến hành khảo hạch sĩ phu tìm ra những người có văn phong nhã tập. Sứ chỉ dụ cho các trấn ở Bắc Thành đều bổ dụng 1 viên đô đốc học, chăm lo việc học hành mọi lúc, mọi nơi để cho đạo thánh hiền luôn được tôn sùng, lời vàng ý ngọc được ngợi ca vậy...” Như vậy có thể khẳng định Văn miếu trấn Hải Dương được lập trong khoảng từ những năm 1740 đến những năm 1800 dưới thời Tây Sơn trên đất Vân Dâu – Vĩnh Lại – Bình Giang. Văn miếu trấn Hải Dương được di chuyển về chỗ ở hiện nay vào thời điểm 1800 – 1801, vị trí xây dựng trên nền trường học của phủ Thượng Hồng xưa nằm ở phía Bắc ly sở của trấn thành Hải Dương.

Sau khi công cuộc di chuyển được hoàn thành vào năm 1801, thì 5 năm sau, mặc dù có những biến động lớn về thời cuộc, chính sự như việc nhà Tây Sơn đổ, nhà Nguyễn lên thay... Gia Long hoàng đế vốn là một ông vua khá trọng Nho giáo đã khuyến khích nho giáo phát triển, mở rộng học hành ... Do vậy, mà các quan trấn thủ Hải Dương cũng đặc biệt quan tâm tới việc học hành, thờ tự nho giáo của bản trấn, đã cho tu sửa Văn miếu từ ngày mùng 6 tháng 10 năm Bính Dần (1806) đến ngày mùng 5 tháng 8 năm Đinh Mão (1807) thì hoàn thành (12:39)

Đến lúc này qui mô của Văn miếu Mao Điền đã đồ sộ và qui chuẩn, hầu như có đầy đủ các công trình của một Văn miếu theo mô hình Văn miếu Nam Trung Hoa. Có lẽ văn miếu trấn Hải Dương lại được tiếp tục trùng tu vào năm 1823 dưới triều vua Minh Mạng, hiện tại Văn miếu còn một tấm bia nhưng đã mờ hết chữ không còn đọc được bất cứ một hoa văn hay văn tự nào.

Theo nhân dân địa phương, đến năm 1947, các hạng mục công trình của Văn miếu còn khá nguyên vẹn và hoàn chỉnh. Năm 1948 thực dân Pháp chiếm Văn Miếu, xây dựng tường hào, bốt canh, lô cốt nay vẫn còn, đóng quân lập quận Mao Điền. Năm 1952, bộ đội địa phương và dân quân du kích tiến công quận Mao Điền, chiến thắng oanh liệt. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Văn miếu làm nơi chứa lương thực, vật tư của nhà nước, phục vụ kháng chiến. Từ năm 1977 – 1990 khu di tích bị xuống cấp nặng nề, các công

trình như nhà Khải Thánh, tháp bút, gác Khuê Văn, chòi canh, Tây Vu... bị tháo dỡ, phá hoại chỉ còn lại 2 nhà tiền tế- hậu cung, nhà Đông vu, chiếc khánh đá và 3 tấm bia (nhưng nay không còn).

Văn miếu Hải Dương chỉ thực sự được phục hồi lại kể từ sau năm 1990. Ngày 21/1/1992 Văn miếu được Nhà nước ra quyết định công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Năm 1994 lại tiếp tục trùng tu, sửa chữa. Năm 1995 xây Tam quan, năm 1999 đại trùng tu Tiền Tế, Hậu cung. Trong tương lai gần, nhà nước và tỉnh Hải Dương đã có kế hoạch trùng tu toàn bộ khu di tích, trả lại qui mô dáng vẻ như vốn có của nó tương xứng với những giá trị lịch sử và văn hóa mà nó mang trong mình, dấu ấn về một mảnh đất ngàn năm văn hiến(12:38-40).

2.2.2.2 Những sự kiện văn hóa xã hội – chính trị - quân sự nổi bật có liên quan đến làng Mao Điền và Văn miếu Mao Điền.

Kể từ năm Gia Long thứ 3(1804) trấn thành Hải Dương dời về xã Hàm Giang và trở thành thành phố Hải Dương như hiện nay thì Mao Điền từ vị trí trung tâm trấn lỵ, tỉnh lỵ Hải Dương đã trở lại vị trí của một làng quê bình thường như bao làng quê khác của tỉnh Hải Dương.

Dù không còn giữ vị trí then chốt trong thiết chế chính trị của tỉnh Hải Dương, nhưng Mao Điền vẫn có vị trí khá quan trọng đối với các địa phương trong vùng và thành phố tỉnh lỵ Hải Dương ở phía Đông Mao Điền nằm án ngữ ngay trên con đường cái quan nối thủ đô Hà Nội với thành phố Hải Dương, thành phố Hải Phòng ở phía đông, lại là nơi rất gần ngã ba sông Sắt(xưa gọi là sông Mao), và sông Cẩm Giàng(xưa gọi là sông Hàm Giang tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường thủy và đường bộ. Chính vì vậy mà nơi đây đã từng xảy ra không ít các sự kiện văn hóa xã hội – chính trị - quân sự nổi bật. Nơi đây đã từng diễn ra các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như Nguyễn Tuyển - Nguyễn Cừ - Nguyễn Hữu Cầu... vào thế kỉ XVII – XVIII. Đây cũng là vùng giao tranh ác liệt giữa nghĩa quân nông dân và quân triều đình Lê - Trịnh kéo dài suốt từ giải đất Bò Đề(Gia Lâm), qua Bàn Yên Nhân rồi đến

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

Cẩm Giàng rồi lan khắp vùng duyên hải Bắc Bộ.

Cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp mở rộng xâm lược, Pháp bắt đầu nổ súng ở Hải Dương năm 1873, nhưng trước sự chống tra ngoan cường của nhân dân tỉnh đông chúng phải rút khỏi thị xã Hai Dương. Mãi tới 10 năm sau (1883) thực dân Pháp thực sự quay lại chiếm đóng Hải Dương nhưng vẫn luôn phải đối phó với phong trào kháng chiến lan rộng toàn tỉnh. Năm 1904 Pháp xây dựng đường quốc lộ 5 Hà Nội - Hải Phòng chạy qua địa phận Mao Điền, nhân dân nơi đây đã tích cực phản kháng bằng cách trốn đi phu đi lính, không đóng góp công của cho quá trình xây dựng công trình trên.

Ngay sau Cách mạng tháng 8, ngày 6/1/1946 trong cuộc Tổng tuyển cử Quốc hội đầu tiên trong cả nước, Văn miếu Mao Điền được chọn là một địa điểm bầu cử của huyện Cẩm Giàng. Nhân dân nô nức đến đây bỏ phiếu bầu ra người đại diện cho mình.

Một trong những chiến công vang dội của nhân dân Mao Điền đó là “Đội du kích Sông Mao”, đã anh hùng trong kháng chiến và lửa đạn. Khi Pháp điều động quân từ Hải Phòng lên Hà Nội. Cuộc hành quân có xe bọc thép. Ngày 15/4/1946 Nhân dân Mao Điền đã chặt cây ngã ra lòng đường để xe không qua được. Pháp phải mất 1 ngày 1 đêm mới qua được chướng ngại vật của Hải Dương để lên Hà Nội.

Tháng 6/1949 du kích Mao Điền đánh địa lôi trên đường 5, phá một xe quân sự, diệt 25 tên địch. Tháng 9/1950 địch lập quận Mao Điền, trụ sở quận đóng tại Văn miếu, có cả Tây trắng, Tây đen, xây tường bao quanh Văn miếu, dựng bốt canh và 4 lô cốt ở 4 góc để đề phòng Việt Minh tấn công.

Ngày 23/5/1952 bộ đội và dân quân du kích tiến công diệt đồn và quận lỵ Mao Điền đóng tại Văn miếu, bắt sống quận trưởng Thanh và cả đại đội. Mao Điền được giải phóng, Văn miếu Mao Điền từ một đồn bốt trở lại là một di tích, nhưng dấu tích của chiến tranh vẫn còn đậm nét nơi đây vì công trình bị phá hủy gần hết.

Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, hòa bình lập lại trên miền Bắc

XHCN chưa được bao lâu thì đế quốc Mỹ lại leo thang ném bom miền Bắc. Văn miếu Mao Điền trở thành khu vật tư nông nghiệp của hợp tác xã nông nghiệp Cẩm Điền. Đây là giai đoạn Văn miếu xuống cấp nghiêm trọng, nhiều công trình bị tháo dỡ, di vật bị thất tán.

41 năm sau ngày giải phóng, Văn miếu Mao Điền được nhà nước ta cấp bằng công nhận di tích lịch sử văn hóa vào ngày 21/1/1992. Văn miếu Mao Điền chỉ thực sự chuyên mình từ năm 1990. Ngày 22/03/1995 đoàn cán bộ Khổng Miếu – Trung Quốc do ông Khổng Tường Lâm, cháu 75 đời của Khổng Tử, Giám đốc bảo tàng Khổng Miếu đến thăm Văn miếu Mao Điền. Ông thực sự xúc động khi nghe lịch sử Văn miếu và trường thi Hải Dương đã xó lịch sử vẻ vang và mong muốn có sự hợp tác giữa Văn miếu Mao Điền với Khổng miếu – Trung Quốc (12:40-44).

2.2.2.3 Quá trình tu bổ di tích Văn miếu Mao Điền

Từ đầu thế kỷ 19, Văn miếu Mao Điền được trùng tu nhiều lần qua các năm;

Tu bổ lần thứ nhất: Ngày 2/11/1800(Canh Thân) khởi công tu bổ nhà tiền bái, nhà Chính tẩm, di chuyển từ xã Vĩnh Lại - Đường An (Bình Giang) sang địa điểm hiện nay. Ngày 26/7/1801(Tân Dậu) thì hoàn thành.

Tu bổ lần thứ hai: Ngày 6/10/1806(Bính Dần) khởi công xây dựng nhà Khải Thánh, gác Khuê Văn, hai nhà Đông vu và Tây vu, hai lầu chuông và lầu khánh, ngày 5/8/1807(Đinh Mão) thì hoàn thành.

Tu bổ lần thứ ba: Năm 1823 cải tạo mở rộng nhà Tiền tế và Hậu cung.

Tu bổ lần thứ tư: Năm 1994 chống xuống cấp bằng nguồn kinh phí do nhân dân đóng góp. Năm 1995 xây dựng Tam quan bằng nguồn kinh phí do Bộ văn hóa – thông tin cấp, xây dựng theo mẫu của Tam quan Văn miếu Quốc Tử Giám – Hà Nội.

Tu bổ lần thứ năm: Năm 1999 nâng cấp nhà Tiền tế, Hậu cung và khôi phục nhà Đông vu.

Trải qua chiến tranh và thời gian, Văn miếu Mao Điền bị xuống cấp

ng nghiêm trọng. Đến năm 1990, hầu hết đồ tế tự bị hư hỏng hoặc thất lạc. Nhà Khải Thánh, Tháp Bút, Đài Nghiên, nhà Tây vu... bị phá trụi. Văn miếu chỉ còn 2 nhà Tiền Bái và Hậu cung cũng đang hỏng nặng, cùng mấy tấm bia đang bị chìm dưới lòng đất.

Từ khi được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa quốc gia (21/01/1992) việc trùng tu tôn tạo Văn miếu Mao Điền được đẩy mạnh. Năm 1994 tỉnh đã đầu tư hàng trăm triệu đồng để sửa chữa 2 tòa nhà chính. Năm 1995, Nhà nước tiếp tục đầu tư 210 triệu đồng để khôi phục Tam quan. Năm 1999 và năm 2001 đầu tư 200 triệu đồng sửa chữa tòa Hậu cung, 300 triệu đồng để sửa chữa nhà Đông vu.

Ngày 26/06/2002 được sự giúp đỡ tích cực của các bộ ngành Trung ương, tỉnh Hải Dương đã chính thức khởi công tu bổ di tích Văn miếu Mao Điền. Đây là đợt đại trùng tu, tu bổ với tổng kinh phí hơn 8 tỉ đồng, chia làm 2 giai đoạn, thi công trong 2 năm 2002 và 2003 gồm các hạng mục :

Trùng tu 2 nhà Tiền bái và Hậu cung (làm lại hệ thống cửa sơn thiếp vàng toàn bộ cột, xà...), bài trí nội thất (đồ thờ, hoành phi, câu đối, khám thờ, ngai thờ, đúc tượng, bài vị...) tôn tại nhà Tây vu, gác Khánh, gác Trống, Đài Nghiên, Tháp Bút. Tôn tạo hệ thống sân vườn, Thiên Quang tĩnh, cầu đá, xây tường bao quanh, bê tông hóa đường vào di tích, xây dựng bãi đỗ xe... Sau hơn 2 tháng khẩn trương thi công, được sự chỉ đạo sâu sát và kịp thời của tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự ủng hộ nhiệt tình của cán bộ, ngành Trung ương và sự phối hợp các sở ban ngành của tỉnh. Đây có thể coi là một cuộc đại trùng tu, tôn tạo. Văn miếu Mao Điền đã, đang và sẽ trở thành một địa chỉ giáo dục truyền thống niềm tự hào của người dân Hải Dương. (9:5)

2.2.2.4 Giá trị kiến trúc, điêu khắc trang trí của Văn miếu Mao Điền.

Từ thủ đô Hà Nội theo quốc lộ 5 đi Hải Phòng chừng hơn 40km vừa qua địa phận làng Mao Điền vài chục mét nhìn về phía tay trái, chúng ta sẽ thấy một di tích khá bề thế trang nghiêm trên một khu đất rộng và bằng phẳng, nổi bật trên cánh đồng lúa xanh đó chính là Văn miếu Mao Điền. Văn miếu nằm ở

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

phía Bắc quốc lộ 5 cách chừng 200m. Toàn bộ công trình không bị che khuất bởi làng xóm, dân cư hay công trình dân chung nào khác, khiến cho di tích càng nổi bật lên như một nét “nhấn” vào không gian cảnh quan trong vùng.

Văn miếu nằm trên khu đất cao chừng 2,5m so với cánh đồng xung quanh, ở phía Đông Bắc của làng Mậu Tài, tên chữ của làng Mao Điền, phía trước là quốc lộ 5 chạy vuông góc với đường vào văn miếu, bên trái, phía trước nằm kề sát Văn miếu là cánh đồng Tràng có độ cao hơn so với các cánh đồng lúa xung quanh. Tương truyền xưa đây là trường thi Hương của Trần Hải Dương. Chính vì vậy mà có tên là cánh đồng Tràng. Đối diện với cánh đồng Tràng qua bên kia đường vào Văn miếu là chùa Mậu Tài (còn gọi là chùa Mao), một ngôi chùa khá lớn khi xưa nhưng đã bị phá hủy trong kháng chiến và chỉ được khôi phục lại trong vài năm gần đây.

Bên trái, phía sau chùa Mậu Tài, trên con đường dẫn vào Văn miếu sừng sững một công trình mới được xây dựng trên nền cũ của nó vào năm 1995 đó là Văn Miếu Môn. Qua cổng Văn miếu theo trục thần đạo sẽ có các công trình sau: Ngay sau Văn miếu Môn là hai hồ sen nhỏ đối xứng qua đường vào Văn miếu. Tiếp đến ở bên phải ngay đường vào là cây gạo cổ thụ có tuổi hàng trăm năm, trên thân đầy vết sần sùi, u cục dấu vết của mảnh đạn găm vào cây trong kháng chiến. Dưới gốc gạo là 3 bia đá cổ, một tấm bia đã mờ hết chữ và hoa văn, còn hai tấm bia, 1 tấm bia là “Tân Dậu trọng thu cốc nhật tạo” được tạo dựng vào năm 1801 và một tấm bia là “Trùng tu Văn Miếu bi ký” dựng năm Gia Long thứ 9 (1810). Qua cây gạo cổ thụ là một khoảng sân rộng hình chữ nhật, ở bên trái có tòa Đông vu 5 gian, bên phải trước sân là Tây vu nhưng nay đã bị phá hủy chỉ còn nền đất, tiếp đến là tòa tiền tế và tòa hậu cung cũng khá đồ sộ được cấu trúc bình đồ chữ “nhị” dạng “trùng thiềm điệp ốc”. Đây là 2 công trình chính của Văn miếu, quay hướng chính Nam, bên trong đặt khám và tượng Khổng Tử cùng một số di vật khác. Bên phải của tiền tế là một miếu nhỏ mới được xây dựng, đây chính là đền Khải thánh, nơi thờ song thân Đức Khổng Tử trên một khu đất rộng chừng 36.000m² hiện nay

còn khá nhiều cây cổ thụ như gạo, nhãn, xoài, đại... và còn có cả một vài gốc thông đại thụ đã bị mục nát do thời gian. Toàn bộ công trình trên nền cao, xung quanh có hào rãnh và được bao bọc bởi tường và hệ thống lô cốt ở 4 góc Văn miếu. Hệ thống tường hào, lô cốt, cốt canh đã cho thấy rõ chứng tích về một căn cứ quân sự còn được mùi khói súng.

◆ Văn Miếu Môn:

Mới chỉ được xây dựng từ năm 1995 trên nền của Văn miếu Môn ngày trước, nó gọi lại cho chúng ta về một công trình hoành tráng đã đi vào lịch sử. Theo lời các cụ già địa phương cho biết : Cổng Văn miếu hiện nay mang dáng dấp của cổng Văn miếu xưa (các cụ gọi cổng Văn miếu xưa là “cổng chòi” nhưng kém xa về sự bề thế, trang nghiêm và vẻ đẹp nội tại của công trình đã bị phá hủy trong kháng chiến. Văn miếu môn hôm nay là một công trình cũng khá đồ sộ được xây dựng bằng gạch ngói vôi vữa gồm 3 bộ phận chính: Chính môn, Tả môn, Hữu môn. Hai cổng Tả và Hữu được xây cạnh Chính môn, nối với Chính môn bằng một đoạn tường hẹp - Tả - Hữu môn là hai cổng hình vòm cung, với phần mái chông diềm, hai tầng tám mái nhỏ lợp ngói vẩy hến. Hai bên cửa cuốn vòm là hai trụ khối hình chữ nhật để tron không trang trí. Cả hai cổng Tả và Hữu có cấu trúc giống hệt nhau, đối xứng qua chính môn. Riêng Chính môn là một công trình đồ sộ, cao vượt lên trên Tả và Hữu môn, tính từ nền đến nóc của chính môn đã đạt độ cao 5,7m tạo cho người ta một cảm giác uy nghi, đồ sộ khi đến trước “Cửa Khổng – sân Trình”.

Chính môn được cấu trúc thành 2 phần rõ rệt: Phần Thượng và phần Hạ. Phần hạ là một công trình có bình đồ vuông, kích thước 3,7m x 3,7m và chiều cao 2m80, ở 4 góc của nó là bốn trụ biểu lồng đèn khối hộp chữ nhật, đỉnh trụ biểu là đề tài “phượng lá lật”, bốn phượng chụm bụng vào nhau, đuôi cánh nay lên phía trên, đầu chực xuống ngẩng lên trong tư thế chuẩn bị cất cánh. Phía dưới là hình tượng hổ phù dữ tợn, đây là mô típ trang trí truyền thống, khá phổ biến trong các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt. Chính giữa của “hạ chính môn” là cổng cuốn vòm khá cao, hai bên

có hai cửa sổ hình chữ “thọ” cách điệu. Phía dưới của các cửa chữ “thọ” ở hai mặt trước và sau của Hạ chính môn là bốn hình chữ nhật trang trí hình tượng “tứ linh” đắp nổi. Đằng sau 2 cửa sổ chữ “thọ” là 2 cầu thang dẫn lên “Thượng Chính môn”. Thượng chính môn là một lầu khối chữ nhật cũng được thiết kế kiểu chồng diêm, hai tầng tám mái, Chính giữa bờ nóc mái thượng là hình tượng mặt trời lửa đang tỏa sáng. Mái thượng nối với mái hạ là phần cổ diêm được chia thành 3 ô hình chữ nhật nằm ngang. Toàn bộ mái thượng và mái hạ được lợp ngói vẩy hến, ở tám góc của 2 tầng mái đều được tạo tác cong vút hình rồng cách điệu ở các tàu đao, lá mái. Dưới hai tầng mái là ba cửa cuốn hình vòm tạo cho “thượng chính môn” sự thông thoáng. Toàn bộ các cột trụ của Văn miếu môn còn để trơn, đang chờ các câu đối sẽ được đắp vào trong tương lai, chỉ riêng các ô chính của “thượng chính môn” được viết 4 chữ Hán “Ngưỡng chi di cao”(Ngưỡng trông cao vời).

Dù có niên đại khá muộn, giá trị mỹ thuật, nghệ thuật và giá trị lịch sử đều không cao, nhưng Văn miếu Môn khá bề thế, uy nghi được xây cất liên hoàn, gợi lại cho chúng ta một cảm giác hoài niệm về “vàng son một thời”.

◆ Tòà Đông vu:

Qua Văn miếu môn, hai bên đường thần đạo là hai hồ nhỏ, được trồng sen, mỗi khi hạ về, những tàu lá xanh mướt được điểm những bông sen vàng thơm ngát trong không khí trong lành, bình yên của ruộng đồng thôn dã. Tòà Đông vu nằm ở bên phải từ cổng vào quay mặt hướng tây, trong ra khoảng sân Văn miếu.

Tòa nhà 5 gian bình đồ hình chữ nhật với 6 hàng chân cột, mỗi hàng bao gồm bốn cột :2 cột cái và hai cột quân, cột quân đồng thời là cột hiên. Ở mỗi hàng chân cột là một vì kèo đặt trên đỉnh cột có kết cấu giá chiêng hình chữ T đỡ 2 kẻ mái, cột trốn dạng hình chữ T đặt trên đầu hoa sen tỳ lên quá giang nối hai cột chính, từ hai đầu của quá giang nối hai cột chính, từ hai đầu của quá giang lại có kẻ mái nối cột cái với cột quân tạo nên bộ đỡ cho mái.

Các bộ vì kèo được liên kết dọc với nhau bằng hai hệ thống xà thượng

và xà hạ khiến cho toàn bộ công trình được liên kết khá chắc chắn. Các cột, kèo được làm bằng gỗ lim rất chắc chắn.

Các cột cái được tạo tác kiểu thức “cột đòng đòng” đứng chân trên tảng kê chân cột kiểu “cổ bông thót đáy”, góp phần làm thanh thoát bộ cột kèo kiến trúc, xóa đi vẻ nặng nề khô cứng.

Trang trí kiến trúc khá đơn giản, chủ yếu chạm khắc bong kênh trên kẻ mái và quá giang, chủ đề trang trí chủ yếu là vân mây soắn, hoa lá cách điệu, khá đơn giản mang nét chắc khỏe. Tòa Đông vu được xây dựng theo kiểu tường hồi bít đốc, kiến trúc giá chiêng đơn giản như kiến trúc của tòa tiền tế và tòa hậu cung. Hai đầu hồi và tường hậu được xây gạch kín lên tận mái, chỉ có mặt trước được trở bốn cửa lớn và một cửa sổ. Cả bốn khung cửa trống hoác, không cánh, cùng với phần mái lợp ngói di đang bị hư hại nặng, trơ ra những thanh rui, mè đang mục dần theo mưa nắng, thời gian, ánh nắng rực rỡ, trong lành của đồng bằng châu thổ chiếu xuyên qua phần mái ngói xô và ùa vào trong nhà qua các khung cửa trống vẫn không là sáng lên ngôi nhà ẩm mốc, sặc mùi vật tư nông nghiệp thối rữa, các cột kèo, hoành mái mỗi một, xém khói chứa đầy mạng nhện và kèo cột tiếng một cần mẫn vang xa trong không gian yên bình của một làng quê trù phú. Một nỗi thất vọng đến nao lòng khi đứng trước tòa Đông vu hôm nay, thế mà đã có thời nó là nơi tụ họp của bá quan văn võ, nơi nhập trường của những nho sinh bước vào nghiệp đời khao bả, nơi nồng nàn hương lửa trên ban thờ các bậc tiên hiền khuất núi.

◆ Tiền tế và Hậu cung

Nếu như tòa Đông vu xuống cấp tang thương thì tòa tiền tế và Hậu cung do mới được tu sửa năm 1999 nên khá khang trang, bề thế. Có hai tòa nhà này có kết trúc bình đồ chữ nhật (), dạng “trùng thiềm điệp ốc, một mô típ khá phổ biến trong kiến trúc ở đầu thế kỉ XIX và đặc biệt nở rộ trong kiến trúc cung đình Huế, ở Văn miếu Mao Điền, hai tòa Tiền tế và Hậu cung sau khi tu sửa là một công trình liên hoàn, khép kín chỉ mở cửa phía trước. Bình đồ mặt bằng hình chữ nhật có chiều dài 22,50m, chiều rộng 18,60m được đặt trên nền

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

cao 0,5m so với mặt sân. Do kết cấu kiến trúc giống hệt nhau nên chúng tôi tập trung mô tả tòa Tiền tế.

Tòa nhà bình đồ chữ nhật được chia làm 7 gian với các hàng chân cột, cột quân đồng thời là cột hiên, ở mỗi hàng chân cột là một bộ vì kèo đặt trên đỉnh cột có kết cấu kiểu giá chiêng hình chữ T đỡ mái của tầng thượng, cột trốn dạng chữ T đặt trên đầu hoa sen tỳ lên quá giang nối hai cột chính, từ hai đầu của quá giang lại có kẻ mái tầng hạ nối cột cái với cột quân, tạo nên bộ đỡ cho hạ mái.

Các bộ vì kèo được liên kết dọc với nhau bằng hai hệ thống xà thượng và xà hạ khiến cho toàn bộ công trình được liên kết khá chắc chắn. Các cột cái được tạo tác kiểu thức “cột đòng đòng” đứng trên tảng kê chân cột kiểu “cổ bông thót đáy”, góp phần làm thanh thoát bộ cột kèo kiến trúc, xóa đi vẻ nặng nề khô cứng.

Trang trí kiến trúc khá đơn giản, chủ yếu chạm khắc bong kênh trên kẻ mái và quá giang, chủ đề trang trí chủ yếu là vân mây soán, hoa lá cách điệu, khá đơn giản mang nét chắc khỏe. Đây là dấu vết kiến trúc thời Nguyễn mà lần tu sửa được thực hiện vào năm Minh Mạng thứ 4 (1823) như được ghi trong “Đại Nam nhất thống nhất trí tỉnh Hải Dương”.

Bao quanh khu Tiền Tế và Hậu cung là hệ thống tường bao quanh lên đến hoành mái, chỉ phần trước cửa Tiền tế là được bao thùng gỗ bởi các ván lợp và hệ thống cánh cửa gồm 5 cửa ở mặt trước. Cán ván lợp và cửa được đặt trên các bộ cửa liên kết với các cột quân với nhau, ở khoảng giữa các cột quân, đồng thời là cột hiên là hệ thống bao gồm 5 cửa lớn bức bàn làm theo hình thức “thượng song hạ bản”, ở hai bên đầu mặt trước của tòa Tiền tế là hệ thống 2 cánh cửa sổ dạng “chấn song con tiện”. Phía dưới của cửa sổ “chấn song con tiện” là 2 đồ lợp được chạm bong kênh rất đẹp các đề tài “lưỡng long châu nhật”, “long phượng hàm thư”. Đó là các đề tài mang tính đề cao Nho giáo, tôn trọng kẻ sĩ và nghiệp bút nghiên.

Khoảng cách giữa nhà Tiền tế và nhà Hậu cung là 2m, nhưng do phần

Hạ mái kéo dài nên chúng gần như giao nhau. Tuy vậy do mặt sau của nhà Tiền tế và mặt trước của tòa Hậu cung đều bỏ trống nên tạo ra ánh sáng cần thiết trong hai tòa nhà và tạo sự thông thoáng cho công trình. Toàn bộ phần nền của Tiền tế và Hậu cung được đổ, tráng bê tông giữ sạch sẽ cho công trình.

Phần mái kiến trúc kết cấu kiểu chồng diêm 2 tầng 8 mái, chính giữa bờ nóc của 2 tòa là hình tượng mặt trời tròn nổi đang tỏa sáng các tia sáng, hai bên là đôi rồng uốn khúc, đang chầu vào mặt trời trung tâm, ở các đầu bờ nóc là hoa văn mây cuốn cách điệu kiểu đuôi rồng cuộn lên trong những đường cong mềm mại. Hình tượng cách điệu như vậy cũng là một dạng của mô típ “hồi long” thường gặp ở các công trình tôn giáo, tín ngưỡng khác. Tuy mới được sửa chữa lớn năm 1999, nhưng dấu ấn đường nét mỹ thuật khá tinh tế. Các tàu đao lá mái cong vút, rồng chầu mặt trời uốn lượn mềm mại trên bờ nóc của tòa Tiền tế và hậu cung xóa đi vẻ khô cứng ở những công trình được dựng trong giai đoạn hiện nay.

Hai tòa Tiền tế và Hậu cung với kích thước khá lớn dài 22,50m rộng 16,8m và cao là 5,80m. Kiến trúc thoáng, chắc khỏe, trang trí đơn giản, tuy nhiên di vật trong 2 tòa nhà này chưa nhiều, chắc chắn sẽ được bổ sung trong thời gian tới.

◆ Miếu thờ quan Thổ Cờ

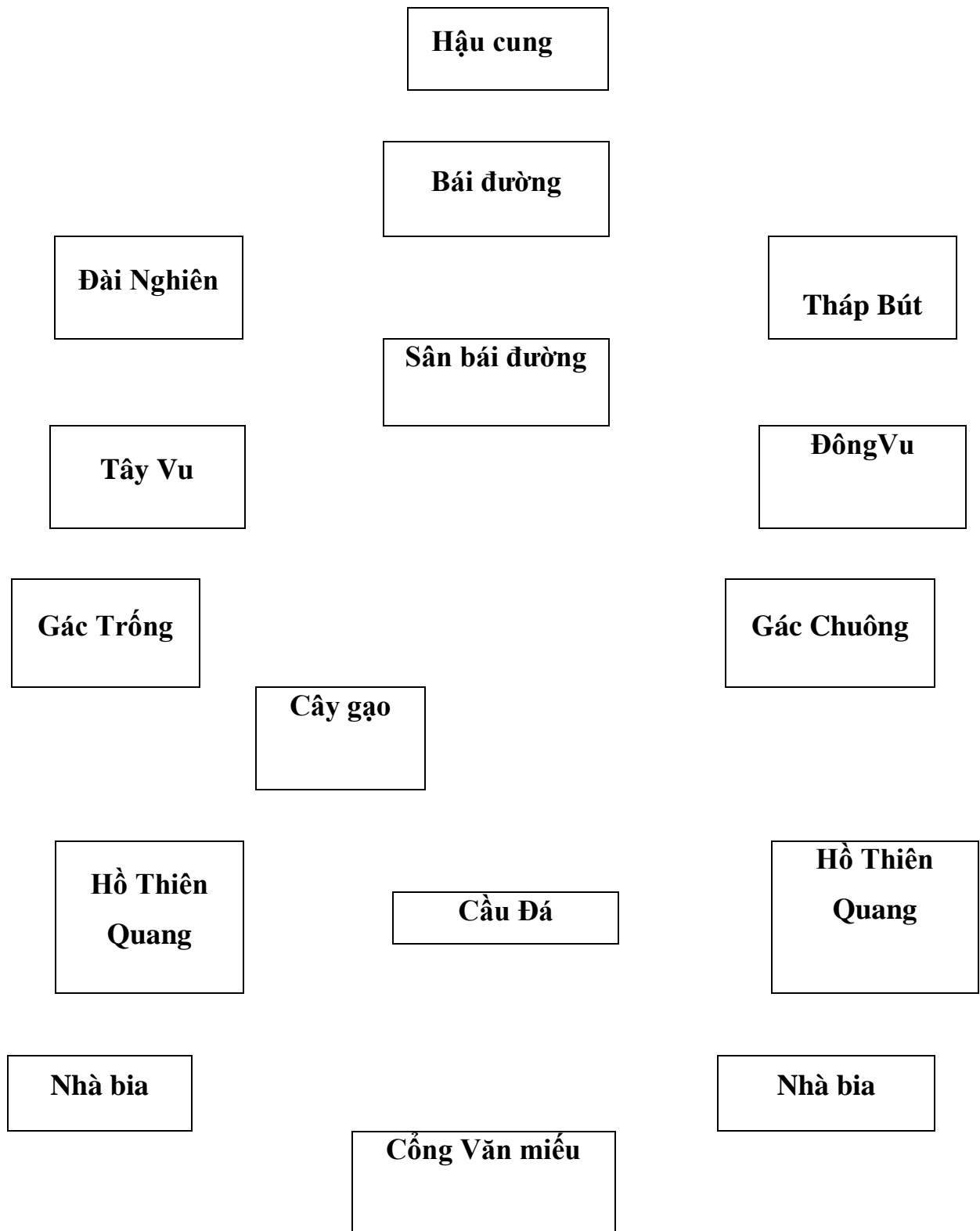
Đây là ngôi miếu thờ thổ thần, thổ địa của mảnh đất này nhưng người dân nơi đây quen gọi là đền quan thổ cờ. Thổ cờ hay còn gọi là Đền Trình, là nơi đầu tiên đi vào để trình quan hoặc đền quan, thờ thổ thần hoặc các vị thần linh. Qui mô và kích thước của đền “quan Thổ cờ” khi xưa khá lớn, là một ngôi nhà 3 gian, xung quanh có nhiều cây đại thụ như cây thông, cây nhãn, cây gạo. Trong nhà có ban thờ Ngài gồm nhang án, bát hương... Hàng ngày dân trong làng ai có việc gì đều ra đền quan Thổ cờ khẩn vái cầu xin. Hiện nay, hình ảnh về ngôi đền quan Thổ cờ ngày xưa chỉ còn trong tâm khảm những người cao tuổi ở địa phương. Hình ảnh thật đương thời chỉ là một gian

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

miếu nhỏ được xây bằng gạch, vôi vữa, lợp ngói, quét vôi, với kích thước nhỏ bé nằm ở bên phải của Văn miếu môn, giữa các ruộng lúa. Trong miếu có ban thờ với chiếc bát hương không mấy khi tỏa khói.

Phía trước miếu là mảnh sân lát gạch ngăn không cho cỏ dại mọc lan tràn và là nơi hành lễ của người dân, phía trước sân là bức bình Phong dạng cuốn thư để trơn không trang trí. Đèn quan Thổ cờ nằm dưới tán lá xanh tươi của những cây bàng, cây bưởi trồng xung quanh (12:44-49).

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch



2.2.2.5 Hệ thống di vật trong Văn miếu Mao Điền

Với một qui mô khá bề thế, đạt mức qui chuẩn vào đầu thế kỷ XIX và những năm sau này, Văn miếu Mao Điền chắc phải chứa đựng trong mình hệ thống di vật cực kỳ phong phú và đặc sắc, song thật đáng tiếc, cho đến hiện nay hầu như tất cả đã biến mất theo thời gian và những biến cố lịch sử. Với những tòa nhà trống trơn, hệ thống di vật thất tán chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Đó chính là bởi khi Văn miếu không còn được giữ vai trò là trung tâm thờ tự Nho giáo, nơi tôn vinh các bậc Tiên hiền, khoa bảng thì các di vật trong số đó sẽ mất đi. Nội dung không còn thì không lý gì mà hình thức có cơ may tồn tại. Hiện Văn miếu Mao Điền chỉ có một số di vật đáng chú ý như ban thờ và tượng Khổng Tử, Khánh đá – Hệ thống bia đá ghi việc trùng tu di tích.

◆ Ban thờ và tượng Khổng tử

Là nhân vật trung tâm, tối thượng của loại hình di tích thờ tự Nho giáo, Khổng Tử được thờ ở nơi quan trọng nhất, trang trọng nhất trong Văn miếu, ở những di tích to lớn có tầm cỡ quốc gia như văn miếu Quốc tử giám (Hà Nội), Văn thánh (Huế), Ngài được thờ ở trung tâm nơi thâm nghiêm nhất của điện Đại Thành. Nơi Ngài ngự còn có một số tên khác như :Thượng cung, Hậu cung - Hậu đường...và xung quanh còn phối thờ các đệ tử - tiên triết, tiên hiền ...Tượng Khổng Tử xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam, có lẽ là vào năm 1070 cùng với việc lập Văn miếu Hà Nội.(theo Đại Việt sử ký toàn thư). Kể từ đó, việc thờ tượng thần Khổng Tử được duy trì suốt cùng với sự tồn tại của loại hình Văn miếu ở kinh đô Thăng Long cho đến nay. Riêng ở các trấn - xứ - tỉnh, hệ thống văn miếu thờ tự ra sao? Sách “Việt sử thông giám cương mục” chép rằng : “Tháng riêng mùa xuân năm Ất Dậu (1465) theo lời tâu của Nguyễn Đình Mỹ, nhà vua định này tế ở Văn miếu các lộ: Văn miếu ở các lộ tế vào hai ngày Đinh về mùa xuân và mùa thu.

Văn miếu Mao Điền trước năm 1945 trên ban thờ trang nghiêm trong Hậu cung vẫn còn có tượng Khổng Tử với kích thước khá lớn.

Tượng và khám thờ Ngài chiếm hết một gian giữa của Hậu cung, sau đó

tượng bị mất trong kháng chiến. Pho tượng hiện nay chỉ mới được cụ Lê Khắc Chấn, một người dân địa phương cung tiến vài năm gần đây. Tượng được đặt ở ban thờ gian chính giữa Hậu cung, ban thờ là một hộp chữ nhật có kích thước : dài 2,70m x rộng 2,25m x cao 1,50m. Pho tượng nhỏ, cao chừng 1m được tạo tác mô phỏng theo pho tượng đặt ở Văn miếu Hà Nội. Trên ban thờ còn bài trí một số đồ thờ khác như : Lư hương, ba đôi lọ lộc bình, đôi voi sứ đựng hương, các đài quả cùng một quả chuông nhỏ dùng làm thanh điệu cho việc cúng tế. Điều đáng lưu ý là trên ban thờ còn giữ được 1 lư hương đá hình khối chữ nhật trang trí hoa văn khá đẹp với hình tượng hổ phù ở các mặt của lư hương. Mặt trước của lư hương có khắc chìm dòng chữ Hán : “Hải Dương Văn miếu thạch đỉnh” (Đỉnh đá của Văn miếu Hải Dương). Qua xác định hoa văn và dịch tấm bia dựng năm 1810 có nói đến chiếc đỉnh đá này, cho rằng lư hương này được tạc vào giai đoạn 1806 – 1807 cùng với đợt trùng tu lớn dưới triều vua Gia Long như văn bia 1810.

Ngoài ban thờ Khổng Tử ở gian giữa Hậu cung, hai đầu hồi Hậu cung còn có 2 ban thờ nhỏ Tứ phối. Ban tả thờ Nhan Hồi - Tử Tư, ban hữu thờ Mạnh Tử - Tăng Tử, đây là hình ảnh Tứ phối chụp tại Văn miếu Hà Nội được phóng to để thờ.

◆ Khánh Đá

Là một nhạc khí quan trọng dùng trong tế lễ ở các di tích tôn giáo tín ngưỡng, khánh thường được làm bằng đá hoặc bằng đồng. Qua khảo sát thực tế, chúng tôi thấy chất liệu bằng đồng của khánh thường xuất hiện muộn hơn, phổ biến từ thời vua Lê Cảnh Hưng – Tây Sơn - Nguyễn... Về sau. Đặc biệt giai đoạn vua Thiệu Trị nhà Nguyễn (1840 – 1847) các khánh đồng được đúc khá nhiều hiện còn được giữ trong các chùa ở Bắc Bộ, ở Văn miếu Mao Điền, ngay trong đợt trùng tu đầu tiên (1806 – 1807). Văn miếu đã được : “Bên trái dựng lầu Kim Thanh, bên phải xây lầu Ngọc Chấn, cho tiếng chuông khánh vang xa như lời ngọc tiếng vàng động viên khuyến khích sĩ tử học hành...”.

Lầu chuông, gác khánh đã bị phá hủy trong kháng chiến chống Pháp quả

chuông đồng lớn cũng bị thất lạc tự bao giờ, nay chỉ còn chiếc khánh đá kích thước lớn dựng trong nhà Tiền tế. Khánh được làm bằng 1 khối đá nguyên khối lớn có kích thước : dài 1,50m , cao 0,73m, dày 0,12m. Mặt trước của khánh đều có 3 núm để gõ với đường kính núm 0,10m. Mặt trước của khánh có 4 hạt tròn nổi trong có khắc 4 chữ Hán : “Vĩnh Thụy vạn đại” (Tồn tại mãi mãi). Mặt trước của Khánh, ở hai khánh trang trí “long ngư hí thủy” mặt sau là hình tượng “long mã đội hà đồ”. Khánh đá của Văn miếu Mao Điền là một trong không nhiều đại tự khí của thế kỉ XIX còn giữ được cho đến hôm nay ở Văn miếu Mao Điền (19:52).

◆ Bia đá ghi việc trùng tu Văn miếu

Bia đá là một di vật, một thành tố cực kỳ quan trọng ở các di tích lịch sử văn hóa. Trong quá khứ cũng như trong hiện tại, bia được dựng ở hầu hết mọi thôn xã, xóm phường tại các đình đền chùa miếu, lăng mộ, đài liệt sĩ... nhằm ghi dấu các sự kiện của địa phương hoặc cả nước, ghi dấu công lao to lớn của cá nhân hay tập thể, ca ngợi các thánh đế minh quân, hoặc đơn giản hơn là ca ngợi cảnh đẹp của quê hương đất nước.

Ở Văn miếu Mao Điền, văn miếu chưa được dựng bia tiến sĩ, hiện tại ở Văn miếu chỉ có 3 tấm bia ghi việc trùng tu Văn miếu, ở tấm bia thứ nhất có tựa đề : “Tân Dậu trọng thu cốc nhật tạo” là tấm bia có kích thước khá lớn 1,90m x 1,08m x 0,23m. Bia là một khối đá xanh hình chữ nhật tạc liền khối đặt trên bệ vuông xây gạch chứ không có rùa đội, chất đá mịn để cho việc chạm khắc trang trí bài ký hoa văn trên bia.

Trán bia là một khối hình chữ nhật nằm ngang, có chiều cao 0,19m, mép trên và mép dưới trán bia được viền bằng hai đường chỉ nổi có bề rộng 0,01m. Đề tài trang trí trán bia là hình tượng “lưỡng long châu nhật” hai con rồng đang châu vào mặt trời ở chính giữa. Mặt trời tròn được chạm nổi, có đường kính 0,09m. Xung quanh có các đao lửa tỏa sáng. Đối xứng hai bên có đôi rồng châu vào trong tư thế nằm ngang. Rồng tạo tác dữ tợn có dạng thú, đầu ngẩng cao về phía trước râu tóc bay chải, thân rồng mập tròn lẳn, thon dài về phía

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

đuôi. Toàn thân phủ kín vẩy, sống lưng có các đao vẩy nhọn, giữa lưng là một đám vân mây xoắn phủ trùm phần lưng nhô cao. Đuôi rồng thon nhỏ, xuôi về phía sau trong tư thế duỗi thẳng chứ chưa xoắn lại như đuôi rồng thời Nguyễn sau này. Chân rồng chắc khỏe với 4 móng nhọn sắc, đang bầu đập vào các đám mây. Toàn thân rồng như đang bơi trong bầu trời đầy mây.

Phía dưới trán bia chạm hình rồng là tên bia cũng được chạm nổi 7 chữ Hán lớn “Tân Dậu trọng thu cốc nhật tạo”, những chữ này được chạm nổi dưới hình thức kiểu chữ “Khải”.

Diềm bia hình chữ nhật đứng có chiều rộng 0,09m, được trang trí hoa văn cách điệu, chủ đề trang trí là hoa văn lá cuốn xen lẫn hoa cúc mãn khai nối tiếp kéo dài cho hết diềm bia. Hình bia hình chữ nhật được làm lõm vào so với trán bia và diềm bia, được giới hạn bởi khung hình chữ nhật có kích thước 1,50m x 0,90m. Trong lòng bia khắc bài ký do Nguyễn Đắc Trinh, thuộc Châu Hoa, phủ Thăng Hoa, trấn Quảng Nam viết. Chữ trong bia khắc kiểu chữ “Chân”, rõ ràng sắc nét, ở trán bia bị đục 2 chữ đầu tiên trước trước chữ Tân Dậu, hàng thứ 3 ở bài ký có 7 chữ bị đục. Đây là tấm bia ghi việc chuyển văn miếu Hải Dương từ đất Vĩnh Lại (Bình Giang) về Mao Điền (Cẩm Giàng). Hiện tượng đục chữ trên các di vật thời Tây Sơn khá phổ biến ở nhiều di tích. Nhưng đây là di vật hết sức quý giá giúp cho chúng ta nghiên cứu lịch sử Văn miếu Mao Điền.

◆ Tấm bia : “Trùng tu Văn miếu bi ký”

Đây là tấm bia được đặt dưới gốc cây gạo cổ thụ ở ngay đầu sân Văn miếu. Bia có kích thước trung bình : 1,42m x 0,90m x 0,19m đặt trên bệ đá, ngoảnh ra sân Văn miếu. Khác với 2 tấm bia còn lại được tạo tác hình khối chữ nhật đứng, trán bia phẳng thì tấm bia này được tạo tác hình dáng khá đẹp với trán bia cong mềm mại, trang trí hình tượng “rồng châu mặt trời” khá sắc nét. Bia ghi việc đại trùng tu Văn miếu Mao Điền trong thời gian 1806- 1807 với việc xây dựng và hoàn thiện với các công trình như : Miếu thờ Khổng Tử, đền Khải thánh – tây vu – nhà học - lầu chuông - lầu gác – khuê văn ... tạo

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

cho qui mô hết sức bề thế. Bia được dựng vào ngày tốt, tháng 8 năm Gia Long thứ 9(1810).

Ngoài 2 tấm bia kể trên, trong sân Văn miếu còn một tấm bia hình chữ nhật khác dựng đối xứng với tấm bia : “Trùng tu văn miếu bi ký” qua đường vào văn miếu, tấm bia này do bị nhân dân dùng làm vật dụng nay mới đem ra trả nên không còn một hoa văn kí tự nào khác.

◆ Hoành phi: Câu đối tại Văn miếu.

➤ Ở Bái đường :

Hoành phi : Văn hiến tư tại

Dịch nghĩa :Nền văn hiến tại nơi đây

Câu đối :Chính giữa : Thánh đức Bảo Nam thiên Đức niên khí phách

Thần công phù Việt địa vạn cổ anh linh

Dịch nghĩa : Đức thánh hộ trời Nam ức năm khí phách

Công thần phù đất Việt muôn thuở anh linh

Bên phải : An Định Biên Thùy vũ đức còn hoàng tiêu Việt sử

Khai sáng kính chủ văn chương bửu bính tỏ nho phong

Dịch nghĩa : Giữ yên bờ cõi vũ đức ngời ngời nêu Sử Việt

Khai sáng kính chủ văn chương rực rỡ tỏ nho phong

Bên trái : Hộ quốc bình Ngô Trung trí siêu phàm tương tượng

Tể nhân nhuận Vật Đức ân hòa hợp âm dương

Dịch nghĩa : Giúp nước phò vua Trung trí hơn người là tướng văn tướng

võ

Tể người lợi cho Việt âm dương hòa hợp đất trời.

➤ Ở Hậu cung

Hoành phi Không Tử : Vạn thế sư biểu

Dịch nghĩa : Là bậc thầy tiêu biểu cho muôn đời

Câu đối Không Tử : Cơ truyền ức niên bồi bất cực

Giáo thụ vạn thế ngưỡng vô cùng

Dịch nghĩa : Nền tảng truyền vạn năm, vun trồng không bờ bến

Giáo dục trải muôn đời, ngưỡng mộ đến vô cùng

Hoành phi Nguyễn Trãi : Hà Mạc do chi

Dịch nghĩa : Không có gì không từ đây (học vấn) mà ra

Hoành phi Nguyễn Bình Khiêm : Nho trung lương tướng

Dịch nghĩa : Tướng giỏi trong làng nho

Câu đối Nguyễn Bình Khiêm : Cỗ trai dư dũng lực hậu thế phát như

Lũng động kiến Văn chương tiền nhân mạc cập

Dịch nghĩa : Cỗ Trai là nơi thừa dũng lực người đời chẳng mấy ai bằng

Lũng Động là các nôi của văn chương từ xưa không ai sánh kịp

Hoành phi Chu Văn An : Vạn niên bảo Giám

Dịch nghĩa : Gương sáng vạn năm

Hoành phi Mạc Đĩnh Chi : Ngọc tỉnh liên

Dịch nghĩa : Hoa sen trong nước giếng Ngọc

Câu đối Mạc Đĩnh Chi : Văn tiến sĩ võ quận công triều trung hiển loạn

Quốc trung thần gia hiệu tử thiên hạ hoàn danh

Dịch nghĩa : Văn tiến sĩ, võ quận công, trong triều làm quan hiển đạt.

Nước là trong thần, nhà con hiệu thiên hạ tiếng tăm lẫy lừng.

Tất cả các hoành phi câu đối trên đều nhằm ca ngợi công lao cũng như danh tiếng của các vị thánh, tiên hiền được thờ tại Văn miếu. Đó là những tấm gương sáng ngời để thế hệ hôm nay học tập và phát huy truyền thống của dân tộc. Họ mãi mãi được lưu danh đến muôn đời.

2.4 Mối tương quan giữa Văn miếu Mao Điền và một số Văn miếu khác ở nước ta.

2.4.1 Về niên đại khởi dựng

Các Văn miếu này có thể được dựng sớm hơn trước thế kỉ XIX nhưng dấu tích vật chất hiện tại cho phép kết luận được chính xác điều đó. Các Văn miếu được xây dựng với qui mô lớn hơn ở ngay những năm đầu thế kỉ XIX và đều được tu sửa, trùng tu qua các thời vua Minh Mạng, Thiệu trị và các vua nhà Nguyễn sau này.

Các văn miếu này được xây dựng vào thời điểm đất nước đề cao Nho giáo.

2.4.2 Qui mô, mặt bằng tổng thể và kiến trúc

Các công trình đều có qui mô khá lớn và xây dựng mô phỏng theo Văn miếu Quốc Tử Giám – Văn miếu đầu tiên của cả nước.

Các văn miếu đều quay hướng Nam theo mô típ truyền thống so với Văn miếu Mao Điền , văn miếu Hưng yên còn giữ được nhiều công trình bộ phận trong tổng thể công trình hơn.

Xét về trang trí kiến trúc thì Văn miếu Mao Điền, Văn miếu Xích Đằng, Văn miếu Huế có kiến trúc, trang trí đẹp hơn, chứa đựng các giá trị nghệ thuật điêu khắc dân gian truyền thống phong cách đầu thế kỉ XIX.

2.4.3 Về hệ thống di vật trong văn miếu.

Trong các Văn miếu thì các Văn miếu đều có pho tượng Khổng Tử riêng có văn miếu Hưng yên là không có. Ngoài 2 pho tượng Khổng Tử ở Văn miếu Quốc tử Giám và Văn miếu Huế đã tạo tác từ lâu còn các pho tượng khác đều mới được tạo tác có tác dụng phục vụ thờ tự, tế lễ song giá trị lịch sử và giá trị nghệ thuật không cao.

✓ Về hệ thống bia đá, riêng Văn miếu Hải Dương không còn lưu giữ được tấm bia nào cả còn các Văn miếu Huế là những tấm bia có giá trị lịch sử cao. Chất liệu tạo tác của các tấm bia đều bằng đá xanh, liền khối, thớ mịn để cho việc chạm khắc.

Vậy câu hỏi đặt ra là Văn miếu Hải Dương có bia tiến sĩ không? Tại sao một địa phương có tới hơn 600 vị tiến sĩ đỗ đạt kho bãng, có một văn miếu với qui mô bề thế mà lại không khắc bia Tiến sĩ ?

Trả lời câu hỏi này, chúng tôi đã tìm hiểu văn bia ở Văn miếu Hải Dương và các sách vở, tài liệu, thư tịch từ trước đến nay viết về Văn miếu Hải Dương, đều không nhắc tới việc lập bia tiến sĩ. Nếu có bia tiến sĩ ở văn miếu thì với số lượng hơn 600 tiến sĩ, chắc chắn số lượng bia phải rất lớn, ít nhất cũng phải lớn hơn 10 bia, nếu đã bị phá hư hỏng, phá hoại thì ít nhất cũng phải để lại dấu vết, mảnh vỡ, hay ít nhất cũng được truyền miệng trong dân

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

gian...Tất cả những yếu tố, dữ liệu này đều không có, như vậy có thể khẳng định : Văn miếu Hải Dương chưa kịp lập bia tiến sĩ vì một lý do nào đó.

✓ Về số lượng : Bia Văn miếu Quốc Tử Giám có số lượng lớn nhất, văn miếu trấn Biên - Đồng Nai có số lượng ít nhất.

Về kích thước, niên đại và điêu khắc trang trí thì bia tại Văn miếu Quốc Tử Giám là lớn nhất và sớm nhất, điêu khắc trang trí cũng hoa văn tinh tế hơn

✓ Về hoành phi câu đối : Tất cả các Văn miếu đều giữ được các hoành phi, câu đối nhưng một số hoành phi, câu đối cổ đã bị thất lạc và hiện nay đang được cơ quan hữu quan, nhân dân địa phương quan tâm phục hồi để từng bước trả lại dáng vẻ xưa của Văn miếu.

❖ Điểm khác biệt giữa Văn miếu Mao Điền với các Văn miếu khác.

Đúng lẽ ra Văn miếu Quốc Tử Giám là Văn miếu Mao Điền cấp quốc gia, tổ chức các kỳ thi hội, nhưng thời Mạc Đĩnh Chi đã tổ chức 4 kỳ thi hội tại Văn miếu Mao Điền, trong thời gian này có Nguyễn Bình Khiêm thi và đỗ đạt tại đây.

Văn miếu Mao Điền là văn miếu đứng đầu cấp tỉnh tổ chức các kỳ thi hương.Ngoài việc thờ tự Khổng tử, Văn miếu Mao Điền còn thờ 8 vị đại khoa của Hải Dương - Mảnh đất ngàn năm văn hiến.Lễ hội của Văn miếu giúp nhân dân hiểu sâu sắc về lịch sử của nhân dân Hải Dương và nhân dân trong cả nước, tìm hiểu về truyền thống tôn sư trọng đạo, học hành của các bậc hoàng tử cũng như những con người tài giỏi trong lịch sử được tổ chức 2 lần 1 năm vào ngày 18/2 và ngày 20/8 âm lịch hàng năm. Thu hút rất đông khách thập phương đến tham quan.

❖ Bảng đối chiếu, so sánh giữa Văn miếu Hải Dương với văn miếu Hưng yên và Văn miếu Bắc Ninh

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

Nội dung so sánh đối chiếu và tên di tích	Năm xây dựng	Năm trùng tu	Diện tích hiện thời	Qui mô kiến trúc hiện thời									Hệ thống di vật trong di tích					
				Văn miếu môn	Lầu chuông	Gác khánh	Đông vu	Tây vu	Khải thánh	Trung đường	Tiền đường	Hậu đường	Tượng Không Tử	Bia tin sĩ	Bia trngf tu	Chu ông đồng	Khánh đá	Hoành phi câu đối
Văn miếu Hải Dương	1800-1801	1823-1810,1995, 1997,1999	20000m ²	Có	Không còn	Không còn	Có	Không còn	Không	Không	Có	Có	Có	Không	3	Không còn	Có	Đang khôi phục
Văn miếu Hưng yên	1804	1832-1839-1997-1999	>4000m ²	Có	Có	Có	Có	Có	Không còn	Có	Có	Có	Không còn	8	1	1	Có	Đang khôi phục
Văn miếu Bắc ninh	1802	1893-1889-1896-1912-1927	5000m ²	Không còn	Không còn	Không còn	Có	Có	Không còn	Không	Có	Có	Có	12	2	Không	Không	Đang khôi phục

2.5 Hoạt động tại di tích trong quá khứ và hiện tại

2.5.1 Việc thờ tự các danh nho ở Văn miếu Mao Điền

Về bản chất, Văn miếu là một công trình tôn giáo thuộc về Nho giáo. Đây chính là nơi ông tổ Nho học là Khổng Tử cùng Tứ phối và Thập triết, Thất thập nhị hiền. Nó chính là giáo đường của Khổng giáo Trung Hoa, nhưng vào Việt Nam đã có sự vận động, biến đổi cho phù hợp với văn hóa Việt Nam, trở thành một bộ phận của kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Do những điều kiện mang tính chất đặc thù của xã hội Việt Nam là bản thân nền văn hóa của chúng ta chưa bao giờ “Độc tôn” một giáo lý - triết thuyết nào cả. Nên Nho giáo Việt Nam cũng có nét riêng, hệ thống di tích thờ tự Nho giáo cũng có nét riêng mặc dù nó luôn lấy Trung Hoa làm mô hình, làm “chuẩn” cho sự phát triển của mình.

Là một công trình, nơi diễn ra các hoạt động tôn giáo của giáo lý thiên về điển chương – phong hóa - lễ nghi, Văn miếu là nơi tuân thủ và thể hiện các nghi thức một cách chặt chẽ nhất.

Văn miếu Mao Điền “và cái thuở vàng son của mình” cũng không xa lắm đối với ngày nay, hàng năm xuân thu nhị kỳ quan Tổng đốc đích thân tế lễ vào ngày 18/2 và ngày 20/8 hàng năm, sở dĩ chọn ngày này là do 1 năm có 2 kỳ đẹp nhất trong năm là trọng xuân (18/2) và trọng thu (20/8) đó là ngày linh thiêng nhất của một năm rất thuận lợi cho việc học, thi cử được thiên ủng hộ do vậy đó là ngày trọng lễ của cả Tổng Mao Điền. Trước năm 1945 diện tích của Văn miếu khá lớn, lên tới 10 mẫu Bắc Bộ, trông coi cai quản Văn miếu là một cụ Thủ từ hàng ngày đảm trách việc đèn hương nơi cửa Thánh. Ruộng màu hoa lợi thu hoạch chỉ được dùng vào việc hương đăng thường nhật và tu sửa những phần hư hại trong Văn miếu. Trước các kỳ tế Đinh vào mùa xuân và mùa thu, quan Tổng đốc Hải Dương sức cho các tổng chuẩn bị đồng thời cấp tiền cho tổng Mao Điền chuẩn bị lễ “Tam sinh” cho chu đáo. Trước ngày tế, Văn miếu đã được quét rọn tu bổ sạch sẽ, trang nghiêm. Ngày chính lễ, quan Tổng đốc đi xe ô tô về đến cửa Văn miếu, xuống xe đi bộ vào văn miếu

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

có 4 lọng che, bồi tử vệ uy nghi, có hàng lính lệ mang súng đi kèm. Hai bên đường vào văn miếu, phường nhạc lễ của địa phương cử hành những khúc nhạc lễ chào đón quan khách và tấu nhạc ca ngợi công đức Thánh. Các gian thờ Thánh rực sáng lộng lẫy, hương đăng ngào ngạt, lễ vật tinh tươm. Trình tự của lễ tất được tuân thủ nghiêm ngặt, không bỏ qua một giai đoạn nào. Sau khi quan Tổng đốc làm chủ lễ xong, các huyện thừa – chánh tổng – hào lý – nho sinh và nhân dân lần lượt vào dâng hương lễ thánh. Trên cánh đồng trước cửa sân Văn miếu diễn ra các trò chơi dân gian : đánh cờ người, vật, chọi gà, hát đúm, hát trống quân, buổi tối có các buổi biểu diễn các tích chèo cổ tại sân Văn miếu. Tại văn miếu Mao Điền, ngoài hai tế lễ Đình quan trọng vào tháng 2 và tháng 8 hàng năm, hàng ngày văn miếu đều mở cho dân làng và khách thập phương vào lễ Thánh. Trước mỗi kì thi các nho sinh đều ra lễ thánh, xin lộc thánh cho đỗ đạt, khi công danh thành đạt đều quay về tạ ơn thánh, đó là nét Văn hóa “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

❖ Các nhân vật được thờ

◆ Khổng Tử : Sinh năm 551- 479 TCN, là người sinh ra tại nước Lỗ nay thuộc tỉnh Sơn Đông – Trung Quốc, là ông tổ của đạo Nho, ông sáng lập đạo Nho, người biên soạn sách “Tứ Thư” và “Ngũ Kinh” truyền lại cho hậu thế, ở Việt Nam từ năm 1075 vua Lý Nhân Tông theo sách Nho học Khổng Tử cho mở khoa thi vùng Kinh Bắc học tuyển chọn người tài ra làm quan. Hiện nay tất cả các Văn miếu ở Việt Nam cũng như Trung Quốc đều thờ Khổng Tử.

◆ Danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi: Ông sinh năm 1380, mất 1442 quê gốc tại Chi Ngại nay thuộc Cộng Hòa – Chí Linh - Hải Dương, ông sinh ra tại kinh thành Thăng Long, mẹ là Trần Thị Thái, thuở nhỏ theo mẹ và ông ngoại làm quan tư đồ ở Côn Sơn, đến năm 10 tuổi cả mẹ và ông ngoại mất ông về ở với cha ở Thường Tín – Hà Tây sinh sống. Năm 20 tuổi ông đỗ Thái học Sinh ra làm quan cùng người cha là Nguyễn Phi Khanh, làm quan được 7 năm đất nước rơi vào tay giặc Minh, ông theo Lê Lợi, và phong ông làm Đô ngự Sử

phong ban Quốc tính, 1442 xảy ra vụ thảm án Lê Chi Viên, ông cùng gia tộc bị “chu di tam tộc”. Năm 1463 vua Lê Thánh Tông lên ngôi vua và minh oan cho ông. Đầu năm 80 của thế kỉ XX ông được UNESCO công nhận danh nhân văn hóa thế giới.

◆ Trình Quốc Công Trạng Nguyên Nguyễn Bình Khiêm : Ông sinh 1491 và mất 1585 ông quê gốc tại Trung Am – Lý Học – Vĩnh Bảo - Hải phòng. Ông đỗ đầu 3 kỳ thi : Hương - hội - đình. Năm 1532 thi tại trường thi Văn miếu Mao Điền đỗ đầu. Năm 1535 thi Đình đỗ Trạng Nguyên ra làm quan triều Mạc 7 năm xin vua về quê dạy học. Ngoài ra ông còn là một nhà tiên tri nổi tiếng của Việt Nam với lời Sấm Trạng về vận mệnh của đất nước.

◆ Thần toán Việt Nam - Tiến sĩ Vũ Hữu (1444- 1530), quê tại làng Mộ Trạch – Tân Hồng – Bình Giang - Hải Dương. Nơi đây được mệnh danh “Lò tiến sĩ xứ Đông”. Năm 1463 đi thi đỗ Thái học Sinh ra làm quan triều vua Lê Thánh Tông, ông là người sáng lập ra phép đo ruộng đất và xây cất nhà cửa, ông sáng tạo bộ toán “Lập thành toán pháp” ở thế kỉ XV ông là vị toán học đặt nền móng đầu tiên cho toán học Việt Nam.

◆ Đại danh y thiên sư Tuệ Tĩnh (thế kỉ XIV). Ông là người con thôn Nghĩa Phú - Cẩm Vũ - Cẩm Giàng - Hải Dương. Năm 6 tuổi mồ côi cha mẹ, được nhà sư Chùa Giám dạy dỗ. Năm 24 tuổi đi thi và đỗ Thái học Sinh. Sau đó quay về chùa tu hành và quyên góp tiền dựng chùa. Năm 55 tuổi ông bị công đoàn sứ đi sang Trung Quốc chữa khỏi bệnh cho vợ vua được phong đại danh y thiên sư và vua giữ lại không cho về. Sau này mất tại Giang Nam – Trung Quốc. Thế kỉ XVI có Nguyễn Danh Nho đi sứ đọc được dòng chữ trên tấm bia mộ của ông “Về sau nước nhà có ai sang

Nhớ cho tôi theo về với”

Về nước ông cho đập lại tấm bia mới chở về Văn Thai, xã Cẩm Vũ thì do nước lớn nên bị chìm. Khi nước cạn người ta tìm nhưng không thấy tấm bia. Sau đó lập đền Bia (Cẩm Vũ – Cẩm Giàng) thờ ông.

◆ Thầy giáo Chu Văn An (1292 – 1370): Quê gốc tại thôn Văn xã

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

Thanh Liệt – Thanh Trì – Hà Nội. Từ thuở nhỏ là người chăm chỉ học hành. Năm 20 tuổi trình độ đạt “thông kinh bác sử” mặc dù giỏi nhưng ông không thi. Vua Trần Nhân Tông mời ông làm tư nghiệp Quốc Tử Giám tức hiệu trưởng trường đầu tiên của nước ta. Sau này học trò ông Vua Trần Dụ Tông lên ngôi, không quan tâm việc triều chính ông dâng lên “Thất trăm Sớ” đề nghị chém đầu 7 tên nịnh thần nhưng vua không nghe, bất bình ông từ quan về Côn Sơn ở và dạy học và ông mất tại đây. Hiện nay vẫn có mộ và đền thờ ông ở đó.

◆ Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi (1272- 1346): Quê ông tại Long Động – Nam Tân – Nam Sách - Hải Dương. Năm 32 tuổi đi thi đỗ Trạng nguyên khi vào báo yết vua Trần Anh Tông chê xấu và có ý cho đỡ bằng nhãn (thứ hai) nhưng ông không chịu và ông làm bài thơ : Ngọc tỉnh liên (Hoa sen trong giếng ngọc) dâng lên vua sau đó ông cho đỗ Trạng nguyên 1308 được vua cử đi sang nhà Nguyên (Trung Quốc) ông đối đáp tài tình vua Nguyên phong : Lưỡng quốc Trạng nguyên (Trạng nguyên 2 nước).

◆ Nhập nội Hành Khiển Phạm Sư Mạnh: (thế kỉ XIV). Ông quê tại Kính Chủ - Kinh Môn - Hải Dương. Năm 20 tuổi đi thi đỗ Thái học Sinh ra làm quan vua Trần Dụ Tông. Năm 45 tuổi phong chức Nhập nội hành khiển. Ngoài ra ông còn là một nhà thơ. Năm 1365 nhận lệnh vua đi kiểm tả quân đội vùng Đông Bắc sau đó về quê hương làm bài thơ “Đặng Thạch môn lưu đề”.

◆ Nghi Ái quan - Nữ tiên sĩ Nguyễn Thi Duệ : (thế kỉ XVI). Bà sinh ra tại làng Văn An – Chí linh - Hải Dương. Năm 1592 khi tròn 20 tuổi cải trang giả trai đi thi tại Cao Bằng và đỗ tiên sĩ. Khi vào báo yết vua Mạc Kính Cung phát hiện nữ giới vua mến tài phong tinh phi và cho phép vào cung dạy học. Sau này vì mến tài nên lấy làm vợ. Bà từng làm giám khảo trường thi. Bà được nhân dân ca ngợi là Bà chúa Sao Sa.

2.5.2 Vai trò của Văn miếu Mao Điền trong đời sống văn hóa cộng đồng ở địa phương.

Làng Mao hôm nay đã và đang trên đường đổi mới, bộ mặt thôn xóm thay đổi hàng ngày, hàng tuần trên tất cả các mặt đời sống tinh thần và đời sống vật chất. Nhiều con em làng Mao đã từ đất này ra đi mang theo truyền thống hiếu học của một mảnh đất có di tích thờ ông tổ của nho học và các vị tiên hiền, khoa bảng để rồi trưởng thành trên các cương vị trọng trách khác nhau trên khắp mọi miền đất nước. Văn miếu Mao Điền đã và đang khẳng định được vai trò, vị trí của nó trong đời sống văn hóa của một làng quê.

Văn miếu Mao Điền là hình ảnh đáng trân trọng, tự hào đối với mỗi người dân nơi đây. Khi nói chuyện với những người cao tuổi, những cán bộ địa phương khi nhắc đến văn miếu là họ sinh động hoạt bát hẳn lên kể những gì họ thấy, họ nghe qua lời kể của cha ông. Đối với những người xa quê ai cũng có cũng nhớ về kỉ niệm thuở ấu thơ tại đây. Họ mang theo hình ảnh của văn miếu trên chặng đường xa quê.

Văn miếu làng Mao là một minh chứng sống động cho truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo trên mảnh đất này. Lịch sử thăng trầm của Văn miếu gắn chặt với lịch sử của một vùng đất anh hùng nằm giữa vùng đồng bằng châu thổ. Văn miếu là vật chứng, là cái nền của bức tranh khoa bảng xứ Đông đã khá nhạt nhòa theo thời gian, năm tháng nay đang tìm lại vị trí của mình.

Trong khung cảnh bình yên của một làng quê thôn dã mà gần 200 năm về trước đã từng là trấn thành, ly sở của Hải Dương, Văn miếu dấu còn đồ nát, hoang tàn nay vẫn gợi cho ta nét u buồn, hoài niệm về “một thời vang bóng”.

Văn miếu Mao Điền là trung tâm thờ tự, tôn vinh các nhà khoa bảng xứ Đông, cũng chính là dấu ấn đậm nét, đánh dấu và ghi nhớ thành tựu phát triển nho học ở mảnh đất cửa ngõ phen dậu phía đông này. Văn miếu góp phần giáo dục truyền thống hiếu học cho người Việt.

Dưới góc độ tôn giáo tín ngưỡng, Văn miếu Mao Điền được coi là trung

tâm lớn thờ đạo học, trước khi đi thi cha mẹ họ đưa đến đây để cầu khẩn cho con cái đỗ đạt, khi báo kết quả đỗ đạt cao thi quay về đây làm lễ tạ ơn Thánh. Văn miếu Mao Điền đã và sẽ trở thành một điểm du lịch lý tưởng, là nơi giáo dục truyền thống khoa bảng của người Việt Nam của người dân xứ đông với nhân dân cả nước.

Có thể nói đã từ bao đời Văn miếu Mao Điền là một phần không thể tách rời của cộng đồng làng xã nơi đây. Đây là tài sản văn hóa của nhân dân làng Mao nói riêng và của tỉnh Hải Dương nói chung, nó có vị trí khá quan trọng trong đời sống văn hóa làng xã, là nơi thờ tự tôn vinh đạo học, chữ nghĩa thánh hiền, cũng chính là sự tôn vinh tri thức.

Tiểu kết chương 2

Mỗi vùng đất, mỗi miền quê đều chứa đựng những nét văn hóa riêng, cái quan trọng hơn cả là chúng ta biết bảo tồn và giữ gìn nét văn hóa đó. Khai thác được giá trị của nó để phục vụ cho nhu cầu đời sống tâm linh cũng như nhu cầu tham quan giải trí của mỗi con người.

Văn miếu Mao Điền đã và đang được quan tâm, đầu tư của nhà nước, chính quyền địa phương để nơi đây xứng đáng là nơi tôn vinh nền văn hiến tỉnh Đông, truyền thống nho học tỉnh Hải Dương và hơn cả, nó là niềm tự hào của người dân nơi đây. Mỗi khi đi xa quê hương, họ bùi ngùi nhớ lại và xúc động khi nhớ về mảnh đất thân yêu của mình.

Đây là điểm di lịch còn mới và khá hấp dẫn. Khai thác được giá trị của nó để phục vụ du lịch, nâng cao uy tín, để nơi đây không chỉ thu hút được khách trong nước mà còn cả khách nước ngoài.

Chương 3 :

Thực trạng và một số giải pháp khai thác yếu tố văn hóa của Văn miếu Mao Điền - Hải Dương phục vụ cho phát triển du lịch

3.1 Thực trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển du lịch

3.1.1 Thực trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật

3.1.1.1 Cơ sở phục vụ lưu trú, ăn uống

Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Còn cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng tạo điều kiện biến những tiềm năng của tài nguyên thành hiện thực, nên được coi là yếu tố tạo nên sức hấp dẫn du lịch (8,61)

Điều đó cho thấy cơ sở vật chất - kỹ thuật là cực kỳ quan trọng đối với việc tạo hấp dẫn, thu hút khách đến với tài nguyên du lịch

Theo báo cáo tổng kết của sở thương mại –Du lịch tỉnh Hải Dương đến nay toàn tỉnh có 73 cơ sở lưu trú với 1400 phòng nghỉ trong đó có một khách sạn 4 sao đạt tiêu chuẩn quốc tế, 6 khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao, 7 khách sạn đạt tiêu chuẩn 1 sao và hàng loạt các nhà nghỉ, nhà khách phục vụ cho nhu cầu của khách du lịch. Đặc biệt ngày 1/5/2006 vừa qua khách sạn Nacimex cao 25 tầng nằm trong khu tổng hợp về Thương mại – Du lịch – Văn hóa. Khu đô thị mới phía Tây tỉnh Hải Dương đã đi vào hoạt động, có khả năng đáp ứng được nhu cầu của khách như : ăn, nghỉ, phòng tập, phòng bơi, mát xa, xông hơi ...Có 5 phòng hội thảo sức chứa 700 khách. Công suất sử dụng buồng phòng trung bình đạt 57% (21,51). Khách sạn nằm giáp trung tâm văn hóa huyện Cẩm Giàng. Đây cũng là một lợi thế thu hút khách đến với nơi đây

- Cơ sở phục vụ ăn uống: Là một huyện hầu như nằm trải dài trên quốc lộ 5 do vậy đây cũng là điều kiện thuận lợi, có nhiều nhà hàng được mở có tiếng cũng từ rất lâu đời phục vụ đủ nhu cầu của khách, đặc biệt nằm cách thành phố Hải Dương không xa, nơi đây tập trung rất nhiều nhà hàng như :

Nhà hàng 555, nhà hàng 559, nhà hàng Hương Nguyên, Nghi Xôm là nơi du khách nghỉ ngơi của tuyến du lịch Hà Nội- Quảng Ninh.

Các cơ sở lưu trú, ăn uống tại đây đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của du khách tạo sự thoải mái cho du khách sau một ngày vất vả.

3.1.1.2 Cơ sở vui chơi, giải trí

Các khu vui chơi giải trí là yếu tố tạo nên sức hấp dẫn, lôi cuốn mạnh mẽ đối với khách du lịch. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu vui chơi giải trí của người dân từng bước được nâng cao. Nó là một trong những nhân tố kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Trong những năm gần đây Hải Dương đã và đang tiến hành xây dựng một số trung tâm vui chơi, giải trí, thể thao như: Nhà thi đấu Hải Dương, sân golf Chí Linh, công viên Bạch Đằng. Nhưng hầu hết các cơ sở này đều nằm tại trung tâm của thành phố, hoặc những nơi có khả năng thu hút khách du lịch. Còn tại huyện Cẩm Giàng thì cơ sở vui chơi giải trí rất nhỏ lẻ chủ yếu là các quán nhỏ phục vụ cho nhu cầu của cư dân địa phương. Câu hỏi đặt ra là liệu có phải gần thành phố Hải Dương – Trung tâm của tỉnh nên các hoạt động vui chơi giải trí ở đây không phát triển? Đó cũng là lý do giúp ta giải thích về sự tập trung của cơ sở vui chơi giải trí tại đây.

3.1.1.3 Công trình phục vụ cho nhu cầu thông tin – văn hóa

Tại đây có phòng văn hóa thông tin thể thao huyện Cẩm Giàng. Có thư viện, phòng truyền thống trưng bày các hiện vật lịch sử, là nơi truyền các thông tin cập nhật đến với người dân trong huyện và tại các xã có hệ thống các loa truyền thanh để phục vụ cho nhu cầu truyền thông tin đến người dân, để nhân dân biết được các hoạt động cũng như chính sách của Đảng và Nhà nước để thực hiện các mục tiêu chung của Đảng đề ra.

3.1.2 Thực trạng cơ sở hạ tầng

3.1.2.1 Mạng lưới giao thông

Mạng lưới giao thông vận tải được coi là mạch máu của nền kinh tế quốc gia do vậy đây là yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

của đất nước. Mạng lưới giao thông vận tải ở đây rất đồng bộ về mặt không gian, đường giao thông thôn xóm đều được bê tông hóa, giải nhựa ở hầu hết các xã trong huyện.

- Giao thông đường bộ: Tại địa phận huyện Cẩm Giàng có đường quốc lộ quan trọng đi qua đây, duy nhất đó là quốc lộ 5 nối Hà Nội - Hải Phòng. Đây là trục đường giao thông chính và lớn vì Cẩm Giàng nằm trải dài trên trục đường này.

Theo thống kê Hải Dương có 649 km đường bộ do Trung ương và tỉnh quản lý, toàn tỉnh có 11 tuyến tỉnh lộ với tổng chiều dài 258km, hầu hết các tuyến đường đều giải nhựa. Đường huyện lộ có 27 tuyến, với tổng chiều dài 352km trong đó có khoảng 75% rải nhựa (5,57)

Toàn huyện có hệ thống đường giao thông với các xã đều được bê tông hóa hoặc giải nhựa giúp cho việc lưu thông giữa nhân dân trong vùng được thuận tiện hơn.

- Giao thông đường thủy: Cẩm Giàng có hệ thống sông ngòi dày đặc. Nơi đây chịu ảnh hưởng của 2 nguồn sông lớn đó là sông Hồng và sông Thái Bình, là nơi gần ngã ba sông Sắt và sông Cẩm Giàng. Hầu hết các hệ thống sông tại đây đều nhỏ, hình thành theo hình thức tự nhiên, nhiều bến bãi tàu thuyền chưa được cải tạo, phương tiện chỉ dẫn chưa được hiện đại hóa và luồng trạch chưa được nạo vét từ đó đã hạn chế khả năng lưu thông dòng chảy. Tại đây có bến Vân Đậu, là nơi giao lưu bằng đường thủy duy nhất của huyện sang đất Vĩnh Lại xưa giúp quãng đường của người dân đi ngắn hơn và đỡ mệt hơn.

- Giao thông đường sắt: Huyện Cẩm Giàng nằm trên tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng qua địa phận Hải Dương. Nơi đây có ga Cẩm Giàng một trong 3 ga lớn của địa phận Hải Dương có tàu đi qua.

Theo số liệu cho thấy Hải Dương có 70km đường sắt đi qua (kể cả 15km đường chuyên dùng cho nhà máy nhiệt điện Phả Lại).

Nói chung mạng lưới giao thông vận tải của huyện là phong phú có cả

3 hệ thống giao thông chính giúp cho việc đi lại, giao lưu buôn bán thông thương với các vùng khác trong tỉnh cũng như của cả nước được thuận tiện. Là điều kiện để người dân thoát khỏi nền kinh tế tự cung tự cấp, khép kín, sản phẩm hàng hóa ngày càng được đổi mới về số lượng và chất lượng

3.1.2.2 Thông tin liên lạc

Hải Dương đã hoàn thành việc lắp đặt mạng lưới VIBA với tổng đài điện tử tự động và các tổng đài vệ tinh cho 12 huyện thị lắp đặt điện thoại tự động, có đủ điều kiện để đảm bảo liên lạc thông suốt và thuận lợi. Mạng lưới này không chỉ đáp ứng cho nhu cầu du lịch của tỉnh mà đáp ứng được cả nhu cầu của từng người dân.

Toàn huyện có 17 xã và 2 thị trấn thì đều có bưu điện văn hóa xã. Với việc đầu tư của nhà nước thì người dân Cẩm Giàng, hầu hết các hộ gia đình đều có một máy điện thoại cố định. Đó là niềm phấn khởi của người dân nơi đây. Điều đó cho thấy mức sống của người dân ngày càng được nâng cao.

3.1.2.3 Mạng lưới điện nước

Hiện nay toàn huyện có mạng lưới điện phủ 100% điện áp ổn định, nhưng nguồn điện chỉ đáp ứng được nhu cầu của người dân trong vùng. Hệ thống cấp thoát nước của huyện tương đối tốt, không có tình trạng úng lụt trong nhân dân, nước rút nhanh đảm bảo lưu thông, đời sống của nhân dân được đảm bảo. Nước sạch cung cấp được cho cư dân ở thị trấn Lai Cách và thị trấn Cẩm Giàng vì nơi đây được hoàn thiện hệ thống nước máy, còn nhân dân các huyện vùng sâu vùng xa thì chủ yếu là sử dụng nguồn nước tự nhiên mà nguồn nước này luôn bị ô nhiễm do vậy nó ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của con người

3.2 Thực trạng khai thác du lịch ở Văn miếu Mao Điền

3.2.1 Thực trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch

Đây là một điểm du lịch còn tương đối tốt mới cho khách du lịch ở các tỉnh bạn cũng như là của khách du lịch nước ngoài, sự biết đến còn thấp nhưng Văn miếu Mao Điền là văn miếu hàng tỉnh, là điểm du lịch nổi tiếng của nhân

dân trong vùng do vậy được tỉnh ủy và ban lãnh đạo Hải Dương đã đầu tư và bảo tồn các hiện vật để Văn miếu Mao Điền còn nguyên hiện trạng như ngày nay – là điểm tâm linh,tín ngưỡng của cư dân nơi đây.

Các cơ sở phục vụ lưu trú ăn uống tại điểm du lịch hầu như không có mà khách du lịch phải đi nơi khác.Ngay đến việc dừng chân,ngủ lại tại Văn miếu cũng rất ít vì không có hệ thống cơ sở phục vụ,chủ yếu là do khách du lịch tự cung cấp cho mình.Các cơ sở vui chơi giải trí đều không có.

Theo đánh giá về Văn miếu Mao Điền (6,34) thì

- Nơi đây có vị trí thuận lợi
- Có lịch sử hình thành và phát triển gần 300 năm
- Có phong cách đơn điệu,kém hấp dẫn
- Nội thất các hạng mục công trình được giữ gìn tôn tạo,bảo vệ yếu cổ
bồng,kẻ bầy chạm hoa lá,nét chạm nông nhưng sắc sảo chuẩn mực
- Việc tổ chức tôn tạo,bảo vệ khai thác được tiến hành tốt đúng nguyên
tắc
- Gắn liền với những giá trị văn hóa đặc sắc:Thờ Khổng Tử,Chu Văn
An...
- Môi trường tự nhiên và nhân văn có chất lượng tốt không bị xâm hại
- Việc nghiên cứu tuyên truyền, quảng bá được tiến hành trung bình.
- Di tích được xếp hạng quốc gia

Từ điều tra cho thấy thực trạng cơ sở vật chất,kỹ thuật và cơ sở hạ tầng nơi đây ở mức kém hấp dẫn đơn điệu.

3.2.2 Thực trạng khách du lịch

Ngoài một phần ít khách du lịch nước ngoài,chủ yếu là khách Trung Quốc,Nhật Bản,một số tại các nước châu Âu như:Pháp, đến Với Văn miếu thì nơi đây khách du lịch chủ yếu là người trong nước,cư dân địa phương của tỉnh,chủ yếu là con em tỉnh nhà đến đây để cầu mong cho sự nghiệp học hành,tương lai của mình được thuận hòa,nó thỏa mãn được yếu tố tâm linh của con người.

Khách du lịch đến đây chủ yếu là khách lẻ, đi 1 vài người khách theo đoàn đến đây rất ít và thời gian lưu trú lại tham quan di tích cũng ngắn chỉ chừng 30 phút do vậy nó chưa thực sự hấp dẫn khách du lịch.

Văn miếu tập trung thu hút khách vào dịp cuối tuần cư dân địa phương cùng nhân dân các tỉnh đến rất đông đặc biệt vào dịp những tháng mùa hè – mùa thi của học sinh, sinh viên.

3.2.3 Thực trạng nguồn nhân lực du lịch

Hiện nay tại ban quản lý di tích, làm công tác thường trực tại văn miếu vào những giờ hành chính gồm có 2 người trực chính nên nguồn nhân lực ở đây đang thiếu, các anh chị cũng được đào tạo từ các trường chuyên nghiệp, có khả năng cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ để có thể hướng dẫn khách khi khách yêu cầu. Nguồn nhân lực tại Văn miếu còn mỏng, chưa thực sự được quan tâm và đầu tư, đây cũng là điểm yếu trong việc bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử này.

3.2.4 Thực trạng quản lý khu di tích Văn miếu Mao Điền

Được xác định là một trong chín di tích trọng điểm của tỉnh Hải Dương Văn Miếu Mao Điền chiếm vị trí xứng đáng trong hệ thống di tích lịch sử văn hóa Hải Dương nói chung và huyện Cẩm Giàng nói riêng . Để trả lại dáng vẻ qui mô bề thế một thời của nó, giúp cho nó phát huy vai trò trong đời sống văn hóa trong sự nghiệp giáo dục đào tạo ở địa phương cần phải có biện pháp tích cực

Trước đây vào thời điểm vàng son của mình Văn Miếu Mao Điền thường xuyên có một cụ Thủ từ ăn, ở, sinh hoạt ngay trong Văn Miếu hàng ngày quét dọn trông nom di tích, đảm trách việc hương hỏa trước Thánh và các bậc Tiên Nho, cụ trông nom cả khuôn viên di tích lên tới 10 mẫu Bắc Bộ, thuê người làm ruộng, thu hoạch hoa lợi, góp nhặt tiền công đức thập phương... Tất cả các nguồn thu đó phục vụ việc thờ tự thường nhật, tu bổ, sửa sang những hư hỏng kịp thời .Bên cạnh đó lại có sự trợ giúp, cung cấp tài chính của quan Tổng đốc tỉnh ,Chánh tổng ,Lý trưởng , kỳ mục địa phương có

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

trách nhiệm huy động tuần phiên tham gia bảo vệ trật tự trị an khu di tích cùng dân làng tu sửa chỉnh trong Văn Miếu mỗi khi có lễ trọng. Tất cả những điều đó khiến cho Văn Miếu Mao Điền dưới thời phong kiến khá qui mô, bề thế .

Hiện nay do nhiều nguyên nhân khác nhau, diện tích tổng thể Văn Miếu chỉ còn bằng hơn nửa trước đây, số ruộng này địa phương lại cho dân đầu thầu nộp sản phẩm cho xã. Diện tích nội tự lại thu hẹp hơn nữa, hoa màu cây trái hầu như không có gì , coi như được tính vào công trả cho người bảo vệ Văn Miếu.

Hiện tại Văn Miếu Mao Điền được thôn- xã cắt cử 2 người bảo vệ nhưng thường xuyên họ chỉ ngủ tối ở đó còn ban ngày chỉ đảo qua. Do vậy nên khi khách thập phương muốn vào cúng lễ thì không có điều kiện mà chỉ đứng ngoài lễ vọng.

Công việc trùng tu tái thiết Văn Miếu ai cũng thấy thật cần thiết nhưng “lực bất tòng tâm ”. Vì công việc đó chủ yếu chờ vào kinh phí của Nhà Nước nên kể từ khi xếp hạng đến nay mới chỉ xây dựng được miếu môn, tu sửa lớn Tiền tế - Hậu cung, dựng lại các công trình đã biến mất hẳn như Khải Thánh Từ - Tây Vu- Tháp Bút - Lầu Chuông Khánh -Đền Quan Thổ Cờ - Nhà Học Hiệu –Gác Khuê Văn. Đặc biệt các tấm bia vẫn bị bào mòn và chưa tìm thấy nhiều dấu vết .

Ngành văn hóa –thông tin mà trực tiếp là bảo tàng Hải Dương cần phối hợp với địa phương thành lập Ban bảo vệ di tích, thành phần gồm cán bộ văn hóa cơ sở- các cụ phụ lão có am hiểu lịch sử , các đội viên an ninh của thôn trực tiếp trông coi bảo quản di tích , di vật .Hướng dẫn, giúp đỡ khách tham quan tế lễ. Suru tầm hiện vật, di vật, di cảo liên quan đến di tích, đến lịch sử và truyền thống khoa bảng địa phương, danh nhân , nho sĩ trong vùng trong tỉnh chỉnh lý , hệ thống hóa tài liệu phục vụ việc tài liệu phục vụ việc tái thiết Văn Miếu phục vụ các đợt dịp sinh hoạt tại Văn Miếu .Hiện nay Văn Miếu có một tổ bảo vệ với 2 người nhưng chỉ làm nhiệm vụ trông coi di tích.Cần phải có

kế hoạch tập huấn chuyên môn để nâng cao trình độ của những người này phục vụ các hoạt động tại di tích (12; 75-76)

3.3.Giải pháp phát triển du lịch

3.3.1 Giải pháp bảo tồn, trùng tu khu di tích

Ngành văn hóa –thông tin mà trực tiếp là bảo tàng Hải Dương cần phối hợp với địa phương thành lập Ban bảo vệ di tích, thành phần gồm cán bộ văn hóa cơ sở- các cụ phụ lão có am hiểu lịch sử , các đội viên an ninh của thôn trực tiếp trông coi bảo quản di tích , di vật .Hướng dẫn, giúp đỡ khách tham quan tế lễ. Suru tầm hiện vật, di vật, di cỏ liên quan đến di tích, đền lịch sử và truyền thống khoa bảng địa phương, danh nhân , nho sĩ trong vùng trong tỉnh chính lý , hệ thống hóa tài liệu phục vụ việc tài liệu phục vụ việc tái thiết Văn Miếu phục vụ các đợt dịp sinh hoạt tại Văn Miếu .Hiện nay Văn Miếu có một tổ bảo vệ với 2 người nhưng chỉ làm nhiệm vụ trông coi di tích.Cần phải có kế hoạch tập huấn chuyên môn để nâng cao trình độ của những người này phục vụ các hoạt động tại di tích (12; 75-76)

Huy động sự đóng góp của nhân dân địa phương, đặc biệt sự đóng góp của các cơ sở, trường học trong huyện trong tỉnh của những người con quê hương công tác nơi xa, kết hợp với ngân sách, kinh phí của Nhà Nước vào trùng tu.Công việc trùng tu phải đảm bảo tính khoa học trên mọi phương diện, tổ chức thực hiện có hiệu quả cần

Tu sửa chống xuống cấp tòa Đông Vu

Qui tập và xây dựng nhà bia

Phát quang cỏ dại và bụi rậm

Tu bổ xây lại tường bao di tích, trên cơ sở tường bao của quận Mao Điền thời kháng chiến ch Pháp có thể gia cố, xây thêm những đoạn mới ,tu bổ những đoạn đường cũ vì chúng nằm sát mép di tích, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan di tích.Với những bốt canh, lô cốt ở phía sau và các góc của Văn Miếu có thể giữ nguyên hiện trạng làm chứng tích một thời kỳ lịch sử, cần có bảng hướng dẫn ngắn gọn cho nhân dân và du khách nắm được thực tế

lịch sử.

Những công việc về lâu dài là việc phác thảo toàn cảnh, thiết kế chi tiết các bộ phận trong tổng thể công trình. Cần sưu tầm, chỉnh lý thành tựu Nho học trên đất Hải Dương để đưa vào trưng bày truyền thông ở tòa Đông hoặc Tây Vu. Dựng bia khắc tên các nhà khoa bảng Hải Dương, các tri thức lớn, các nhà khoa học của quê hương hiện nay, thành tựu của sự nghiệp giáo dục-đào tạo của tỉnh Hải Dương .

3.3.2 Phát huy tác dụng của Văn miếu Mao Điền đối với sự nghiệp giáo dục – đào tạo của tỉnh Hải Dương trong giai đoạn mới.

Là một trung tâm đào tạo nhân lực, nhân tài của xứ Đông, tỉnh Hải Dương xưa, Văn miếu Mao Điền đã góp phần đào tạo cho đất nước hàng trăm nhà khoa bảng, nhiều danh nhân nổi tiếng của cả nước như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Bình Khiêm, Phạm Đình Hổ... Con người đã làm rạng danh gia đình, dòng tộc và góp phần không nhỏ vào tiến trình phát triển của đất nước bằng những năm tháng miệt mài đèn sách. Họ để lại cho lớp lớp cháu con những tấm gương sáng về sự chuyên cần trong học tập, dùng trí tuệ, tài năng của mình đem ra giúp đời, cứu nước.

Văn miếu Mao Điền là trung tâm thờ tự các bậc tổ nho-tiên hiền-khoa bảng, đồng thời là trung tâm đào tạo, thi cử dưới thời phong kiến. Nó không chỉ có tác dụng với quá khứ mà cần phải phát huy tác dụng của nó đối với sự nghiệp giáo dục – đào tạo, với việc bảo vệ di sản văn hóa dân tộc hiện nay. Muốn vậy cần đẩy mạnh việc khảo cứu, sưu tầm di vật, di cảo, hiện vật hiện vật có liên quan đến giáo dục – đào tạo từ xưa đến nay trên đất Hải Dương, để có một bức tranh toàn cảnh, rõ nét nhất về truyền thống và thành tựu của sự nghiệp giáo dục – đào tạo, với việc bảo vệ di sản văn hóa dân tộc hiện nay. Muốn vậy, cần đẩy mạnh việc khảo cứu, sưu tầm, chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, lý lịch di tích, sưu tầm di vật di cảo, hiện vật có liên quan đến giáo dục đào tạo từ xưa đến nay trên đất Hải Dương.

Tuy nhiên, những năm qua việc giữ gìn tu bổ, tôn tạo và khai thác giá trị

của Văn miếu nhằm phát huy tác dụng của nó đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo của địa phương chưa làm được nhiều, nhưng những động thái cho một định hướng lâu dài đã xuất hiện. Nhận thức về vai trò, vị trí của Văn miếu Mao Điền đối với xã hội và địa phương mà trước hết là đối với ngành giáo dục đã chuyển biến rõ rệt. Vai trò giáo dục truyền thống đã gắn với việc tuyên truyền, giáo dục về di tích Văn miếu Mao Điền, về nền giáo dục khoa bảng dưới thời phong kiến. Nhiều hoạt động của ngành giáo dục thể hiện quyết tâm phát huy truyền thống hiếu học, đạo đức làm thầy hướng vào mục tiêu chấn hưng nền giáo dục và văn hóa nước nhà.

3.3.3 Giải pháp tuyên truyền, quảng bá cho phát triển du lịch

Đây là điểm du lịch mới do vậy lượng khách đến đây hàng năm vẫn còn rất hạn chế. Vì vậy việc tuyên truyền, quảng bá cho phát triển du lịch là công việc hết sức cần thiết ngay lúc này.

Cán bộ và nhân dân tỉnh nhà cần tuyên truyền bằng các tờ pôgan giới thiệu về Văn miếu, áp phích, pô-tô giấy để giới thiệu về Văn miếu. Thông báo, giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng đặc biệt trên truyền hình không chỉ tại tỉnh mà còn trên các đài trung ương khác để mọi người biết đến giá trị lịch sử của Văn miếu.

Thông qua một số tờ báo có thể giới thiệu điểm du lịch văn hóa này. Xây dựng các chương trình mới, liên kết với các điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh như Côn Sơn - Kiếp Bạc để tạo thành tour du lịch giúp cho khách có thể tham quan và khám phá các điểm du lịch mới của tỉnh như:

Tuyến Mộ Trạch (Bình Giang) - Văn miếu Mao Điền: Đây là tuyến du lịch rất thích hợp với thế hệ trẻ đặc biệt là học sinh, sinh viên, họ cần phải biết truyền thống hiếu học của nhân dân tỉnh nhà. Một nơi là “Lò tiến sĩ” và một nơi là nơi tôn thờ đạo học của tỉnh nhà. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục truyền thống học hành tôn sư trọng đạo.

Tuyến du lịch Hải Dương: Đền Sượt, Khu Tưởng niệm Tuệ Tĩnh – Chùa Giám – Văn miếu Mao Điền – Làng Đồng Giao - Mộ Trạch – Châu Khê –

Làng Đền Cây. Là điểm du lịch thăm các di tích, nơi thờ các vị tài giỏi trong tỉnh. Tuyến du lịch này cần tổ chức trong vòng 1 ngày và có thể bố trí chỗ ăn cho khách tại các điểm. Nó hướng về truyền thống của dân tộc, khơi dậy lòng tự hào dân tộc về một đất nước ngàn năm văn hiến.

Tuyến Văn miếu Mao Điền - Côn Sơn - Kiếp Bạc: Đây là một điểm du lịch mới đưa vào nhằm phát huy thế mạnh của Văn miếu Mao Điền giúp cho Văn miếu được nhiều người biết đến hơn nữa vì điểm Côn Sơn - Kiếp Bạc là điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh nhà, được nhiều người biết đến, hàng năm thu hút lượng khách rất lớn đến tham quan. Từ đó Văn miếu Mao Điền - Một điểm du lịch mới sẽ thu hút được khách du lịch đến đây.

Ngoài ra để phát triển du lịch tại đây phải cần có sự quan tâm đầu tư về mọi phương diện như: Cơ sở vật chất kỹ thuật, khu vui chơi giải trí để nơi đây ngày càng hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước.

Bên cạnh việc quảng bá như vậy có thể nhắc tới Văn miếu Mao Điền trong các giờ giảng dạy của các thầy cô giáo ở các cấp trong huyện và tỉnh để không chỉ giới thiệu hình ảnh du lịch của một di tích lịch sử mà còn giúp cho các em học sinh hiểu hơn về quê hương mình, truyền thống hiếu học đạo làm thầy, làm trò trong xã hội hiện nay.

Tổ chức các buổi tọa đàm, chuyện trò nói về thân thế và sự nghiệp của các nhân vật được thờ tại Văn miếu. tiến hành các đợt hành hương về văn miếu, tưởng nhớ các vị tổ học, các địa phương các trường đóng góp kinh phí để tái thiết khu văn miếu ngày một khang trang hơn to đẹp hơn.

3.3.4 Cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch

Trong thời gian vừa qua, các trường học các hội phụ huynh trong địa bàn huyện Cẩm Giàng đã quyên góp số tiền không nhỏ, tổng số tiền hơn 300 triệu đồng chi phí cho việc trùng tu Văn miếu. Phòng văn hóa – Thông tin và phòng giáo dục – đào tạo huyện Cẩm Giàng đã có kế hoạch, chương trình đưa học sinh các khối phổ thông trung học tới cắm trại tại văn miếu, tổ chức dâng hương, tổ chức các buổi tọa đàm, trò chuyện, giao lưu văn nghệ giữa các

trường.

Ngành giáo dục – đào tạo Cẩm Giàng luôn ủng hộ, mong muốn phối hợp với ngành văn hóa thông tin khai thác giá trị của các di tích lịch sử văn hóa để giáo dục truyền thống cho học sinh sinh viên để nâng cao ý thức trách nhiệm học tập, giữ gìn đạo thầy trò.

Tổ chức ngày lễ báo công khen thưởng cho các em học sinh giỏi tại các cấp ở Văn miếu. Từ các hoạt động trên, nếu tổ chức đặc biệt trong thời gian lễ hội tại đây thì đó cũng là điểm du lịch hấp dẫn của khách du lịch khi đến Hải Dương.

Cộng đồng địa phương là những người trực tiếp tiếp xúc với khách đặc biệt là vào mùa lễ hội, chính quyền nơi đây đã trang bị cho người dân những kiến thức cơ bản về giá trị văn hóa của Văn miếu. Tạo cho họ ý thức tự hào về nguồn di sản văn hóa mà cha ông ta để lại. Từ đó sẽ ý thức được ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn phát huy tốt những giá trị văn hóa. Họ sẽ giới thiệu cho du khách những điều họ biết về niềm tự hào của mình, du khách sẽ hiểu hơn về các giá trị văn hóa nơi đây.

Tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của khách, tạo điều kiện để khách thoải mái khi đi du lịch tại đây, tạo sự tin tưởng cho du khách bằng thái độ nhiệt tình cởi mở tiếp đón khách, một môi trường du lịch an toàn, lành mạnh từ đó sẽ để lại ấn tượng tốt trong lòng du khách. Thái độ cũng như ứng xử của người dân địa phương là yếu tố vô cùng quan trọng giúp khách đến ở những lần tiếp theo.

3.3.5 Đào tạo thuyết minh tại điểm

Hoạt động du lịch tại Văn miếu Mao Điền đang được phát triển Tuy nhiên nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động du lịch còn mỏng. Vì vậy cần đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên có kiến thức có khả năng giao tiếp thuyết minh cho khách những thông tin ý nghĩa cũng như giá trị văn hóa đặc sắc của Văn miếu.

Có thể đào tạo trình độ chuyên môn nghiệp vụ đồng thời cho những

người trong ban quản lý để họ có thể hướng dẫn cho khách khi khách yêu cầu.

Hiện nay đội ngũ trong ban quản lý Văn miếu là các anh chị trẻ, được đào tạo qua trường lớp chuyên nghiệp có thể hướng dẫn được có thể hướng dẫn được nhưng phải thường xuyên học hỏi trao đổi kinh nghiệm. Mở các lớp học tiếng để anh chị nâng cao trình độ của mình khi tiếp xúc với khách nước ngoài, để thu hút khách du lịch đến tham quan tìm hiểu.

Tuy nhiên cũng cần đào tạo thêm 1 hoặc 2 hướng dẫn viên, để các anh chị có thể thay nhau giới thiệu đặc biệt là trong lúc có đông các đoàn đến tham quan.

3.3.6 Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cơ sở hạ tầng.

Hệ thống giao thông vận tải tại Văn miếu Mao Điền hiện đang là vấn đề cần được quan tâm. Vì cơ sở vật chất còn rất nghèo nàn.

Nằm cách quốc lộ 5 khoảng 200m do vậy hệ thống giao thông ở đây khá thuận lợi, dễ dàng cho hoạt động du lịch, khách đến tham quan sẽ thuận tiện hơn. Nhưng hiện tại cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch tại đây chưa có, cần phải xây dựng thêm các nhà hàng để phục vụ cho nhu cầu ăn uống của khách du lịch, cùng với đó có thể xây thêm khách sạn, nhà nghỉ phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi của khách du lịch, xây thêm cơ sở vui chơi giải trí, phòng tập, bể bơi các khu văn hóa gần với văn miếu để khách có thể vừa tham quan vừa thư giãn nếu xây dựng được các khu vui chơi giải trí hấp dẫn thì sẽ thu hút được khá đông lượng khách đến tham quan và nghỉ ngơi tại đây.

Ngoài ra chính quyền tỉnh thành phố, địa phương cũng cần phải ưu tiên các chính sách thu hút sự đầu tư tham gia các hoạt động chính trị xã hội, để góp phần hấp dẫn khách du lịch tham quan.

Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tại đây để họ khai thác tiềm năng của mảnh đất này phục vụ cho hoạt động du lịch vừa hấp dẫn khách du lịch mang lại lợi nhuận cho các nhà đầu tư vừa tạo khởi sắc trong cuộc sống của người dân địa phương. Từ đó nhân dân các địa phương khác có thể giao lưu học hỏi kinh nghiệm và tự làm giàu cho bản thân mình.

Tiểu kết chương 3.

Văn miếu Mao Điền đang thực sự khởi sắc trong xu thế xã hội, ngày càng phát triển như hiện nay. Có được điều đó là do cán bộ và nhân dân Hải Dương nói chung và huyện Cẩm Giàng nói riêng đang nỗ lực hết mình để bảo tồn và tôn tạo các giá trị văn hóa lịch sử của dân tộc.

Trong thời gian tới Văn miếu Mao Điền tiếp tục được đầu tư tu bổ tôn tạo và qui hoạch mở rộng, các hạng mục kiến trúc được kết hợp với hệ thống cây xanh bao bọc tạo nên vẻ đẹp ngoạn mục, Tại đây diễn ra các lễ hội truyền thống tuyên dương học sinh giỏi gặp mặt các tiến sĩ Hải Dương hiện đại, hội thảo khoa học, diễn xướng văn nghệ, hội trại học sinh sinh viên với những hoạt động có ý nghĩa trên Văn miếu Mao Điền xứng đáng là nơi tôn vinh văn hóa tinh đồng và là địa chỉ du lịch hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước về thăm Hải Dương.

Được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước thêm vào đó cộng với tinh thần ý thức trách nhiệm của người dân địa phương chắc chắn Văn miếu Mao Điền sẽ là một điểm du lịch lý tưởng của không chỉ các tỉnh anh em mà còn cả người dân trên toàn thế giới.

Kết luận chung

Hải Dương – Mảnh đất xứ đông văn hiến nơi sản sinh nhiều nhà khoa bảng trong lịch sử giáo dục nho học cũng còn giữ gìn được một di tích quý báu trong hệ thống di tích thờ tự nho học đó là văn miếu Mao Điền, dấu tích Vật chất 200 năm tuổi của Văn miếu Mao Điền chưa phải là dài nhưng nó đã chứng minh cho sự phát triển của nho học ở mảnh đất đồng bằng chiêm trũng xứ Đông. Lịch sử của Văn miếu Mao Điền gắn chặt với lịch sử của địa phương trên đầy đủ các phương diện chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục... không chỉ vậy nó gắn chặt với cả nước trong lãnh thổ một quốc gia thống nhất văn hiến.

Qua nhiều lần trùng tu qua các thời kỳ lịch sử, Văn miếu Mao Điền được đánh thức, phục hồi và dần chuyển mình trong xu thế phát triển. Phát huy truyền thống của dân tộc của tỉnh nhà, thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và con em tỉnh nhà nói riêng đang nỗ lực hết mình phấn đấu vì sự nghiệp của dân tộc.

Đảng và nhà nước cần quan tâm hơn nữa để thực sự nơi đây trở thành một điểm du lịch hấp dẫn không chỉ với khách du lịch trong nước mà còn cả khách du lịch nước ngoài. Để thế giới biết đến không chỉ là một Huế cổ kính, một Hạ Long hùng vĩ, một Phong Nha - Kẻ Bàng ngoạn mục mà còn có cả một Văn miếu Mao Điền chứa đựng giá trị văn hóa của một tỉnh đông ngàn năm văn hiến.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh, “Đất nước Việt Nam qua các thời kỳ,NXB Thuận Hóa Huế 1997
2. Bảo tàng Hải Dương, Lý lịch di tích, Hải Dương tháng 5 năm 2001
3. Bộ VH – TT, Đề cương qui hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2006 – 2010, Hà Nội tháng 5 năm 2005.
4. Nguyễn Thị Gái, vh 801 “Xây dựng các chương trình du lịch văn hóa ở Hải Dương cho khách Hà Nội”
5. Nguyễn Thị Hạnh, vh704 “Tiềm năng thực trạng khai thác TNDL nhân văn tỉnh Hải Dương”
6. Đặng Thị Hiếu, vh601, “Khảo sát, kiểm kê, đánh giá TNDL của tỉnh Hải Dương và một số giải pháp cho việc bảo tồn, tôn tạo, khai thác TNDL ở tỉnh Hải Dương vào hoạt động du lịch”
7. Tăng Bá Hoành, Hải Dương di tích và danh thắng, Sở VH – TT Hải Dương,1999
8. Nguyễn Thị Hương, Lớp vh801 “Khai thác giá trị văn hóa của Đình Kiền Bái phục vụ phát triển du lịch”
9. Kỉ yếu về Văn miếu Mao Điền
- 10.Chu Viết Luân, Hải Dương thế và lực mới trong thế kỉ XXI, NXB chính trị quốc gia, 2004
- 11.Non nước Việt Nam - Tổng cục du lịch Việt Nam. Trung tâm công nghệ TTDL. Sách hướng dẫn du lịch Hà Nội,2007
- 12.Luận văn thạc sĩ khoa học Văn hóa của thạc sĩ “Dương Văn Sáu” Văn miếu Mao Điền giá trị lịch sử và văn hóa”
- 13.Trần Đức Thanh, Nhập môn khoa học du lịch, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
- 14.Trần Ngọc Thêm, Cơ sở Văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, 1999

15. Tiến sĩ nho học Trần Hải Dương
16. Đỗ Văn Thịnh biên soạn, Tuyển tập Văn Bia Hà Nội, NXB VH – TT.
17. Tờ pôgan giới thiệu về lịch sử Văn miếu Mao Điền
18. Đoàn Huyền Trang sưu tầm và biên soạn, Sổ tay du lịch Việt Nam, NXB lao động
19. Nguyễn Minh Tuệ và nhóm nghiên cứu, Địa lý du lịch, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1997
20. Diệp Thị Hoài Thu, vh801, “Xây dựng chương trình du lịch văn hóa tại thành phố Hải Dương”
21. Nguyễn Thị Thu Thủy, vh604, “Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa ở Hải Dương” và định hướng khai thác cho mục đích du lịch”
22. Trịnh Thị Thủy, vh 801 “Du lịch Hải Dương, tiềm năng thực trạng và các giải pháp phát triển”
23. Chủ biên tiến sĩ Lưu Minh Trị, “Di tích danh thắng Hà Nội và vùng phụ cận”, NXB Hà Nội.
24. Tuyển tập văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội, NXB KHXH Hà Nội, 1978, Cán bộ ban Hán Nôm phụ trách việc biên dịch.
25. UBND tỉnh Hải Dương, Sở thương mại du lịch Hải Dương, qui hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hải Dương đến năm 2020, Hải Dương tháng 1 năm 2004
26. UBND tỉnh Hải Dương, Sở VH – TT Hải Dương, Đề án bảo quản tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh thắng, di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh Hải Dương(2003-2010), Hải Dương tháng 5 năm 2003.
27. Bùi Thị Hải Yến, Tuyển điểm du lịch Việt Nam, NXB giáo dục

Phụ lục 1
**Danh sách các vị đại khoa Trấn Hải Dương đỗ đệ nhị nhất giáp,
đệ nhất danh(1075-1919)**

STT	Họ và tên	Sinh, trú quán	Nay thuộc xã	Đỗ năm	Học vị
1	Mạc Hiến Tích	Lũng Động-Chí Linh	Nam Tân-Nam sách	1086	Thủ qua văn học
2	Bùi Quốc Khái	Bình Lãng-Cẩm Giàng	Ngọc Liên-Cẩm Giàng	1185	Thủ khoa thi thư
3	Đỗ Thế Diên	Cổ Liêu-Đường Hào	Yên Mĩ-Hung Yên	1185	Thi thư
4	Trương Hanh	Mạnh Tân-Trường Tân	Gia Lương-Gia Lộc	1232	Thủ khoa thái học sinh
5	Trần Quốc Lặc	Giang Hạ-Thanh Lâm	Minh Tân-Nam Sách	1256	Trạng Nguyên
6	Trần Cố	Phạm Triền-Thanh Miện	Ngô Quyền-Thanh miện	1266	Trạng Nguyên
7	Mạc Đĩnh Chi	Lũng Động-Chí Linh	Nam Tân-Nam Sách	1304	Trạng Nguyên
8	Trần Sùng Dĩnh	Đông Khê-Thanh Lâm	An Lâm-Nam Sách	1487	Trạng Nguyên
9	Vũ Dương	Mạn Nhuế-Thanh Lâm	Thị trấn Nam Sách	1493	Trạng Nguyên
10	Lê Ích Mộc	Thanh Lãng-Thủy Đường	Quảng Thanh-Thủy Nguyên	1502	Trạng Nguyên
11	Lê Nại	Mộ Trạch-Đường An	Tân Hồng-Bình Giang	1505	Trạng Nguyên
12	Trần Tất Văn	Nguyệt Áng-An Lão	Thái Sơn-An Lão-HP	1526	Trạng Nguyên
13	Nguyễn Bình Khiêm	Trung Am-Vĩnh Lại	Lý Học-Vĩnh Bảo-HP	1535	Trạng Nguyên
14	Phạm Trấn	Lam Cầu-Gia Phúc	Phạm Trấn-Gia Lộc	1556	Trạng Nguyên
15	Phạm Duy Quyết	Xác Khê-Chí Linh	Cộng Hòa-Chí Linh	1562	Trạng Nguyên

Phụ lục 2

Thông kê Văn miếu, Văn chỉ, Nghè gắn với các nhà khoa bảng tỉnh Hải Dương

STT	Tên di tích	Địa điểm	Năm xây dựng,tu sửa	Nhân vật được thờ
1	Miếu Thiên	Thái Học-Chí Linh	Xây dựng vào thời Lê(tk18) trong thời kì chống mê tín dị đoan đã tháo dỡ.Gần đây mới khôi phục lại	Thờ quan Thượng thư Nguyễn Minh Triết-danh nhân thời Lê(tk17)
2	Nghè Đồn	Nam Hồng-Nam Sách	Kiểu kiến trúc chữ Nhất,có từ thời Lê.Hiện nay khá khang trang, được nhà nước xếp hạng là di tích KTNT	Thờ Đào Công Dung giúp Hai Bà Trưng đánh giặc và bốn tiến sĩ thời Lê:Thẩm Mộc,Thẩm Di,Phạm Tuấn,và Vĩnh Phúc
3	Miếu Vũ Xá	Ái Quốc-Nam Sách	KT chữ Đinh,có từ thời Lê.Năm 1972 bộ đội lấy miếu để vũ khí vaf đã bị cháy.Năm 1973 nhân dân xây dựng trên nền cũ một gian nhà tre, năm 1992 xây dựng lại khang trang.	Thờ ông Vũ Quang Hộ, đỗ Thám Hoa thời Lê
4	Miếu An Liệt	Thanh Hải-Thanh Hải	KT kiểu chữ Nhất.Xây dựng vào thời Lê, trùng tu vào năm 1917,hàng năm nhân dân góp công của để tu sửa	Thờ Sĩ Nhiếp, Đoàn Thượng, Đào Bạt,Vực Lao đại thần và Đặng Lật đại thần.
5	Miếu Cả	Thanh Hải-Thanh Hà	KT kiểu chữ Đinh,xây dựng vào thời Lê.Năm 1949 phá 3 gian tiền tế làm hầm chiến đấu.Năm 1982 nhân dân xây dựng 1 gian hậu cung(cũ) để thờ Thành Hoàng	Thờ Sĩ Nhiếp, Đoàn Thượng, Đào Bạt,Vực Lao đại thần và Đặng Lật đại thần
6	Miếu Bồng Lai	Ninh Hải-Ninh Giang	KT kiểu chữ Nhất.Xây dựng vào năm 1572-1573,sửa chữa 1907	Thờ tiến sĩ Lương Húy Hồng, làm quan dưới triều Lê Thái Tông
7	Miếu Tuy	Văn Hội-	KT kiểu chữ Đinh,xây	Thờ Vũ Xá. đỗ tiến

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

	Lai	Ninh Giang	dựng vào năm 1811	sĩ thời Nguyễn
8	Nghè Phạm Tân	Ngô Quyền-Thanh Miện	KT kiểu chữ Đinh,xây dựng vào năm 1802, đã trùng tu một số lần	Thờ 2 vị tiến sĩ(?)
9	Nghè Thôn Lại(Nghè Đòai)	Thôn Lại-Vĩnh Tuy-Bình Giang	Xây dựng vào thế kỉ 19,kiến trúc kiểu chữ Nhị gồm 3 gian tiền tế và 1gian hậu cung	thờ tiến sĩ Vũ Loan, được suy tôn là thành Hoàng Làng
10	Miếu Mộ Trạch	Mộ Trạch-Tân Hồng-Bình Giang	KT kiểu chữ Đinh,xây dựng vào năm 1894. Tu sửa vào năm 1995	Thờ Vũ Hồn
11	Văn Chỉ thôn Tuấn(xóm Bắc)	Thôn Tuấn-Hùng Thắng-Bình Giang	KT kiểu chữ Đinh.Di tích cũ bị phá, đến năm 1986 xây dựng lại	Thờ Khổng Tử và Tiến sĩ Phạm Đình Huyền
12	Văn Chỉ Lý Dương	Thôn Lý Dương-Vĩnh Hồng-Bình Giang	Xây dựng vào năm 1729, đã bị phá hủy trong kháng chiến,chỉ còn lại 1 bia đá và 2 con chó đá	Thờ Khổng Tử
13	Nghè Tiên Kiêu	Xuân Kiêu-Đức Chính-Cầm Giàng	KT kiểu chữ Đinh,gồm 3 gian Tiền tế và 1 gian Hậu cung.Nghè có trước cách mạng.bị phá hủy trong kháng chiến.Mới được tôn tạo năm 1994	Thờ Lê Quý Trăn
14	Văn miếu Mao Điền	Mao Điền-Cầm Điền-Cầm Giàng	KT kiểu chữ Nhị gồm 14 gian nhà Khải Thánh và 10 gian nhà Đông vu và Tây vu.Xây dựng vào thời Lê,Mạc.Trùng tu năm 1999	Thờ Khổng Tử
15	Nghè Giám	Thôn Giám-Cầm Sơn-Cầm Giàng	KT kiểu chữ Công,gồm 3 gian Tiền tế và 1 gian Trung từ và 3 gian hậu cung,xây dựng vào thời Hậu Lê.Tu sửa năm 1927	Thờ Đỗ Ông, người Trung Quốc có công dạy học cho làng

Danh mục các từ viết tắt

TNDL: Tài nguyên du lịch

VH-TT: Văn hóa- Thông tin

NXB: Nhà xuất bản

TTDL: Thông tin du lịch

UBND: Ủy ban nhân dân

KHXH: Khoa học xã hội

MỤC LỤC

Phần mở đầu	1
Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung	4
1.1 Môi quan hệ tương tác giữa du lịch và văn hoá	4
1.1.1 Khái niệm du lịch.....	4
1.1.2 Khái niệm văn hoá	5
1.1.3 Tác động của du lịch với văn hoá	6
1.1.4 Ảnh hưởng của văn hoá đến du lịch	7
1.1.5 Tài nguyên du lịch	8
1.1.6 Vai trò của du lịch đối với việc phát triển di tích lịch sử văn hoá.....	10
1.2 Di tích lịch sử văn hoá.....	11
1.3 Một số đặc điểm của Nho Giáo ở Việt Nam	13
1.3.1 Sự hình thành của Nho Giáo.....	13
1.3.2 Nội dung và sự phát triển của Nho giáo	14
1.3.3 Đặc điểm Nho giáo ở Việt Nam	17
1.4 Văn miếu - dạng kiến trúc tôn thờ Nho giáo cơ bản ở Việt nam.....	18
1.4.1 Lịch sử hình thành	18
1.4.2 Chức năng của Văn miếu.....	19
1.4.3 Đặc điểm kiến trúc, điêu khắc trang trí cơ bản của Văn miếu tại Việt Nam	20
1.5 Vai trò của các di tích lịch sử văn hoá đối với hoạt động du lịch.....	20
1.6 Khái quát một số Văn miếu ở nước ta.....	21
1.6.1 Văn miếu Quốc Tử Giám – Hà Nội.....	21
1.6.1.1 Lịch sử hình thành	21
1.6.1.2 Qui mô, kiến trúc, nghệ thuật trang trí	22
1.6.1.3 Hệ thống di vật	23
1.6.2 Văn miếu Xích Đằng – Hưng Yên.	24
1.6.2.1 Lịch sử hình thành	24
1.6.2.2 Qui mô, kiến trúc, điêu khắc trang trí	24

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch

1.6.2.3 Di vật còn lại trong Văn miếu	25
1.6.3 Văn miếu Bắc Ninh.....	25
1.6.3.1 Lịch sử hình thành	25
1.6.3.2 Qui mô, bố cục, kiến trúc Văn miếu	25
1.6.3.3 Di vật còn lại tại Văn miếu.....	25
1.6.4 Văn miếu Trần Biên - Đông Nai.....	26
1.6.4.1 Lịch sử hình thành	26
1.6.4.2 Bố cục, kiến trúc của Văn miếu	26
1.6.5 Văn miếu Huế	27
1.6.5.1 Lịch sử hình thành	27
1.6.5.2 Qui mô, bố cục, kiến trúc của Văn miếu.....	28
1.6.5.3 Di vật còn lại của Văn miếu.	28
Tiểu kết chương 1.....	29
Chương 2 : Giá trị văn hóa của văn miếu Mao Điền - Hải Dương	30
2.1. Giới thiệu khái quát về xã Cẩm Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương.....	30
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên và dân cư.....	30
2.1.1.1. Vị trí địa lý :	30
2.1.1.3.Khí hậu :	32
2.1.1.4.Sông ngòi :	32
2.1.1.5 Dân cư.	33
2.1.2 Đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của địa phương.	33
2.1.2.1 Đời sống kinh tế	33
2.1.2.2 Đời sống văn hóa – xã hội.....	35
2.1.3 Lịch sử hình thành ly sở Mao Điền - Cẩm Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương. 37	
2.2.Giá trị văn hóa của Văn Miếu Mao Điền - Hải Dương.....	42
2.2.1.Truyền thống và thành tựu Nho học trên đất Hải Dương	42
2.2.2 Giá trị văn hóa vật thể	47
2.2.2.1 Lịch sử xây dựng và quá trình tồn tại của Văn miếu Mao Điền.....	47

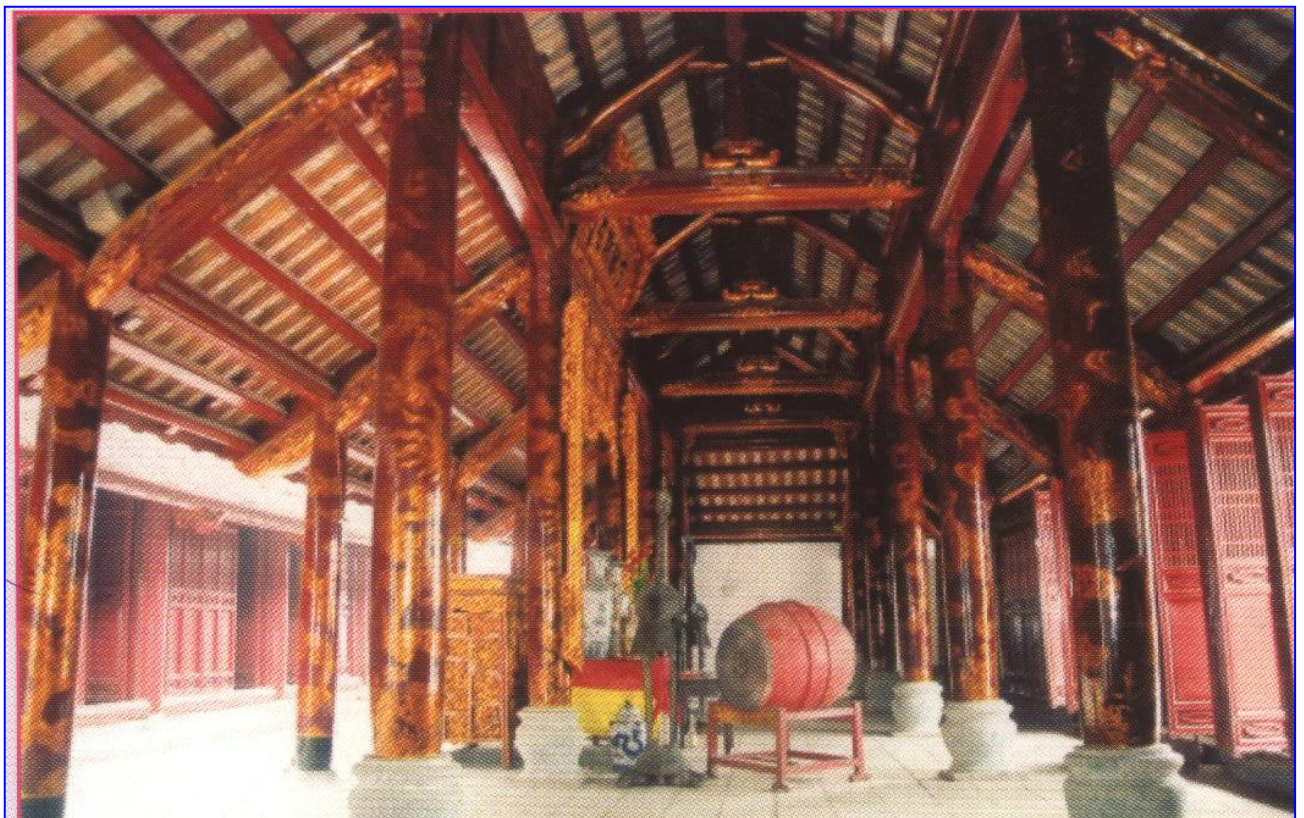
2.2.2.2 Những sự kiện văn hóa xã hội – chính trị - quân sự nổi bật có liên quan đến làng Mao Điền và Văn miếu Mao Điền.	51
2.2.2.3 Quá trình tu bổ di tích Văn miếu Mao Điền	53
2.2.2.4 Giá trị kiến trúc, điêu khắc trang trí của Văn miếu Mao Điền.	54
2.2.2.5 Hệ thống di vật trong Văn miếu Mao Điền.....	63
2.4 Mối tương quan giữa Văn miếu Mao Điền và một số Văn miếu khác ở nước ta. 68	
2.4.1 Về niên đại khởi dựng.....	68
2.4.2 Qui mô, mặt bằng tổng thể và kiến trúc.....	69
2.4.3 Về hệ thống di vật trong văn miếu.....	69
2.5 Hoạt động tại di tích trong quá khứ và hiện tại.....	72
2.5.1 Việc thờ tự các danh nho ở Văn miếu Mao Điền	72
2.5.2 Vai trò của Văn miếu Mao Điền trong đời sống văn hóa cộng đồng ở địa phương. 76	
Tiểu kết chương 2.....	77
Chương 3: Thực trạng và một số giải pháp khai thác yếu tố văn hóa của Văn miếu Mao Điền - Hải Dương phục vụ cho phát triển du lịch	78
3.1 Thực trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển du lịch 78	
3.1.1 Thực trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật.....	78
3.1.1.1 Cơ sở phục vụ lưu trú, ăn uống.....	78
3.1.1.2 Cơ sở vui chơi, giải trí	79
3.1.1.3 Công trình phục vụ cho nhu cầu thông tin – văn hóa	79
3.1.2 Thực trạng cơ sở hạ tầng.....	79
3.1.2.1 Mạng lưới giao thông.....	79
3.1.2.2 Thông tin liên lạc	81
3.1.2.3 Mạng lưới điện nước	81
3.2 Thực trạng khai thác du lịch ở Văn miếu Mao Điền	81
3.2.1 Thực trạng cơ sở vật chất,kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ cho	

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch

du lịch	81
3.2.2 Thực trạng khách du lịch.....	82
3.2.3 Thực trạng nguồn nhân lực du lịch	83
3.2.4 Thực trạng quản lý khu di tích Văn miếu Mao Điền	83
3.3.Giải pháp phát triển du lịch.....	85
3.3.1 Giải pháp bảo tồn, trùng tu khu di tích	85
3.3.2 Phát huy tác dụng của Văn miếu Mao Điền đối với sự nghiệp giáo dục – đào tạo của tỉnh Hải Dương trong giai đoạn mới.....	86
3.3.3 Giải pháp tuyên truyền,quảng bá cho phát triển du lịch	87
3.3.4 Cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch	88
3.3.5 Đào tạo thuyết minh tại diềm.....	89
3.3.6 Xây dựng cơ sở vật chất,kỹ thuật,cơ sở hạ tầng.	90
Tiểu kết chương 3.....	91

Kết luận chung

Tài liệu tham khảo



NỘI THẤT TOÀ TIỀN BÁI

NỘI THẤT TOÀ HẬU CUNG

Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ phát triển du lịch



Khai thác yếu tố văn hoá của Văn miếu Mao Điền-Hải Dương phục vụ
phát triển du lịch



**MÁI
ĐÀO
GÁC
TRỐNG**